

KINH PHẬT THUYẾT CHÚNG HỨA MA ĐỀ

Đại Chánh Tân Tu, Bộ Bản Duyên,
Kinh số 0191

Nguyên tác Hán ngữ

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Tam tạng Pháp Sư Pháp Hiền

Việt dịch: Linh-Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh

---o0o---

Nguồn

<http://www.hoavouu.com>

Chuyển sang ebook 10-06-2014

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phapthihei.org](http://www.phapthihei.org)

Mục Lục

Quyển 01
Quyển 02
Quyển 03
Quyển 04
Quyển 05
Quyển 06
Quyển 07
Quyển 08
Quyển 09
Quyển 10

---o0o---

Quyển 01

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú trong rừng Ni-câu-đà thuộc nước Ca-tỳ-la. Bấy giờ đại chúng thuộc tộc họ Thích ở nước Ca-tỳ-la, tự suy nghĩ: “Đức Phật Thế Tôn của chúng ta trong đời quá khứ đã sinh ra ở đâu? Ngài có họ gì? Thuộc dòng tộc nào? Và có những nhân duyên gì?” Nghĩ xong, họ bèn nói những suy nghĩ ấy với mọi người trong tộc họ và tiếp:

- Chúng ta nay hãy đến chỗ Đức Phật để hỏi về những ý nghĩa ấy. Những điều được Phật giảng dạy, chúng ta sẽ y theo mà giữ gìn tu tập.

Nói như thế xong, đông đảo những người thuộc tộc họ Thích ấy liền đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu cung kính đánh lễ dưới chân Thế Tôn rồi ai nấy về chỗ ngồi của mình. Lúc ấy đại chúng dòng họ Thích ở nước Ca-tỳ-la bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, chúng con thuộc dòng họ Thích ở trong một ngôi tinh xá thuộc nước Ca-tỳ-la chợt suy nghĩ: “Đức Thế Tôn của chúng ta trong đời quá khứ đã sinh ra ở nơi nào? Có họ gì? Thuộc dòng tộc nào? Và có những nhân duyên gì?” Chúng con không biết nên cùng Thích chúng đến chỗ Đức Phật xin chỉ dạy. Mong Đức Phật vì chúng con mà giảng nói những điều ấy, chúng con được nghe xong sẽ xin y giáo thọ trì.

Bấy giờ vì muốn giải tỏa những thắc mắc của đại chúng nên Đức Phật nói với Thích chúng:

- Trước hết, Ta không muốn nói về những điều ấy. Vì sao? Vì nếu những người ngoại đạo nghe được những điều này thì họ sẽ chế nhạo: “Ông Sa-môn Kiều-đáp-ma tự nói tốt về mình.” Do vậy nói mà vui thì nói, còn nói mà không vui về thì thử hỏi nói có ích gì?

Khi đó ngài Đại Mục-kiền-liên đang ở trong chúng từ chỗ ngồi đứng lên, chăm chú chiêm ngưỡng dung nhan của Đức Thế Tôn. Đức Phật bèn nói với Tôn giả Mục-kiền-liên:

- Các vị Thích chúng ấy muốn được nghe về đời quá khứ của Ta, Ta đã sinh ở nơi đâu? Từng có họ gì? Thuộc dòng tộc nào? Có những nhân duyên gì? Nay ông hết lòng vì họ mà giảng thuyết những điều ấy.

Bấy giờ ngài Đại Mục-kiền-liên yên lặng suy nghĩ hồi lâu rồi thu y Tăng-già-lê đặt làm gối, nằm nghiêng bên phải, chân xếp lên nhau, lặng lẽ nhập vào pháp Tam-ma-địa, xem xét về quá khứ của Đức Phật rõ được nơi sinh, dòng họ cùng những việc mà Đức Phật đã trải qua. Sau khi tuệ quán biết rõ như thật, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên xuất định, trở lại chỗ cũ an tọa và bảo với Thích chúng:

- Trong lúc nhập chánh định ta đã xem xét rõ những việc về quá khứ của Bắc Kiêu-đáp-ma. Xưa kia, vào lúc thế giới hoại, chúng sinh sau khi mạng chung mà được vãng sinh vào cõi Biến tịnh thiên thì các căn đều đầy đủ, hình tướng đoan nghiêm, không có những nổi khổ, thân tâm yên vui, sắc tướng sáng rõ, du hành tự tại trên không, ăn những vị ngon trên trời, thọ mạng dài lâu, không có kẻ nào mạng yếu. Bấy giờ những thứ do từ đất, từ nước sinh ra đầy khắp trong không trung giống như biển lớn gió thổi sóng xao, như sữa được nấu chín nên thứ nước ấy luôn trong lành, sau đó chúng sinh sẽ ăn những vị thanh tịnh tối thượng nhất.

Ngài Đại Mục-kiền-liên lại nói với đại chúng:

- Khi cuộc sống ở cõi Biến tịnh thiên hoại rồi, các chúng sinh ấy do phước báo thọ mạng đã hết nên rời khỏi Biến tịnh thiên sinh xuống cõi nhân gian thì thân tướng lúc ấy cũng như ở Thiên giới, hình tướng cũng đoan nghiêm, các căn không khiếm khuyết, sắc diện diệu kỳ tỏa rộng, tự thân có ánh sáng thường chiếu rọi, sống lâu vui vẻ, tự tại đi lại trên không. Thời ấy không có mặt trời, mặt trăng và các vì sao, cũng không có thời gian như năm tháng, ngày giờ, cũng không có tướng nam, nữ của các loài chúng sinh, lại sinh ra vì đất để hỗ trợ cho sự sống. Vị đất ấy ngon ngọt lạ lùng, loài hữu tình ăn vào thì sinh ra tham đắm, rồi vì tham đắm mà thân thể bỗng trở nên nặng nề, ánh sáng không còn nữa, cả cõi thế gian trở nên tối tăm. Các loài hữu tình thấy thế gian tối tăm sinh tâm sợ hãi, ưu sầu. Nhưng rồi thế gian xuất hiện mặt trời, mặt trăng và các vì sao, từ đây mà có ngày đêm và thời tiết, khiến các loài hữu tình thọ mạng lâu dài, không còn khổ não. Do sự tham đắm mùi vị của đất, có kẻ tham nhiều, kẻ tham ít mà hình tướng hoặc xấu xí hoặc đoan nghiêm khác nhau, thế rồi sinh tâm phân biệt nên chịu quả báo có tướng đen, trắng chẳng đồng dẫn tới tình trạng ghen ghét lẫn nhau mà tạo thành tâm bất thiện. Vì tâm bất thiện nảy sinh nên vị ngon ngọt của đất dần dần mất đi, khiến cho chúng sinh đau khổ, than thở: “Nay không còn gì để ăn. Thật là khổ thay!”

Rồi họ lại suy nghĩ: “Vị đất ngon ngọt ấy vì sao mất đi. Trong tương lai chúng ta sẽ lấy gì để ăn.” Việc ấy đã khiến họ bị lâm vào cảnh tai họa đói kém, sâu não mà không thể hiểu, cũng không thể cầu cứu ai được.

Nhưng không bao lâu thì trong lòng đất lại sinh ra một thứ bánh mùi vị thơm ngon như hoa Ca-lê-ni-ca-la. Chúng sinh ăn thứ bánh này thì thân thể khỏe mạnh, hình tướng đoan nghiêm, khí lực sung mãn, sống lâu và an lạc. Nhưng rồi có kẻ tham ăn nhiều, người tham ăn ít mà sinh ra sắc tướng khác nhau, từ đó sinh tâm phân biệt, làm những nghiệp phi hạnh, bất thiện đối với nhau khiến loại bánh sinh từ đất ấy biến mất. Điều này làm cho chúng sinh lại trở nên đau khổ, suy nghĩ không biết vì đâu mà loại bánh kia đã biến mất. Họ lại rơi vào cảnh đói kém. Sau

đấy trên mặt đất lại sinh loài mây rừng có hình sắc kỳ diệu, hương vị thơm ngon. Chúng hữu tình ấy ăn vào thì khí lực tăng trưởng, thọ mạng dài lâu, hình tướng đoan chánh, đầy đủ nhân tướng và rồi cũng như trên, do chúng sinh tham đắm mà thức ăn mây rừng ấy biến mất khiến mọi loài đau khổ vì đói kém. Thời gian này, trong đất lại sinh ra loại lúa thơm, cứ đến mùa thì tự nhiên chín. Chúng hữu tình dùng lúa ấy để ăn, mùi vị thơm ngon, bổ dưỡng thân thể, mạng sông được kéo dài. Do ăn loại lúa thơm ấy nên dần dần con người cảm thấy trong thân hình mình có cái gì ngăn ngại, bèn nghĩ cách làm thế nào để trừ bỏ sự ngăn ngại ấy. Do ý nghĩ như vậy, mà nảy sinh hai giới tính nam nữ có thân căn khác nhau. Khi ấy loài hữu tình do sắc hương vị mà nảy sinh luyến ái, tự yêu thân mình, dùng hương hoa, y phục cùng những thứ khác để cung phụng bản thân, lại dùng những lời lẽ dịu ngọt để làm cho kẻ khác vui thích. Nếu kẻ khác tỏ ra không yêu thương thì mình trách mắng, thậm chí dẫn đến đánh nhau, tạo những điều bất thiện, khiến những chúng sinh kia trước sống đúng chánh pháp thì nay làm điều phi pháp, trước sống có luật nghi thì bây giờ sông trái với luật nghi, thậm chí luôn trong ngày đêm, giờ khắc đều có những phân biệt điên đảo. Giống như người dùng đầu để lườm than mà cứ muôn đầy bằng, cái hạnh bất chánh cũng như vậy, do dùng tâm điên đảo nên chánh pháp trở thành tà pháp, khiến cho giống lúa thơm kia lại biến mất.

Lúc đó ngài Đại Mục-kiền-liên lại nói với đại chúng:

- Vì lúa thơm biến mất nên chúng sinh ngày ngày phải đi khắp nơi để tìm giống lúa về trồng. Thuở ấy có một người tính tình lười nhác, tham lam tài lợi, tuy có giống lúa mà không thể trồng. Có người biết nên nói với anh ta: “Anh có giống lúa thì hãy chia cho tôi một ít để đem về trồng.”

Người kia đáp: “Tôi có giống lúa thơm đủ dùng cho bản thân. Nay nếu anh cần, tôi sẽ chia cho anh, nhưng sau một, hai ngày, trễ lắm là bảy ngày thì phải trả lại cho tôi.”

Người mượn lúa nói: “Tốt lắm, tốt lắm! Nếu một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày mà chưa trả được thì nửa tháng hoặc một tháng sẽ xin trả lại.”

Nói xong người ấy liền suy nghĩ: “Trước kia lúa thơm không trồng mà tự mọc, khỏi phí sức lực mà vẫn có ăn, nay muốn có lúa thì phải có ruộng, rồi bỏ công sức ngày đêm chăm sóc thì mới thu lại kết quả.” Nghĩ xong người ấy sinh ra buồn bã, nước mắt tuôn rơi. Rồi lại nghĩ tiếp: “Thời quá khứ, chúng sinh sắc tướng đoan nghiêm, các căn đầy đặn, đầy đủ nhân tướng, tâm hồn vui sướng, thân có ánh sáng, tự tại mà đi lại trên không, thọ mạng dài lâu, lần lượt được hưởng các thức ngon trong cõi nhân gian như “địa vị”, “địa bình”, “lâm đẳng”, “hương đạo”

khiến chúng sinh có được hình sắc đoan chánh, trường thọ, thân phát ánh sáng, tâm hồn an lạc, cơ thể nhẹ nhàn có thể đi lại trên không... Nhưng vì lòng tham đắm những thức ăn đó mà dần dần nảy sinh tâm phân biệt, khiến hạnh bất thiện dấy phát làm cho các thức quý báu đó biến mất, còn chúng sinh thì cũng không được như xưa. Cơ thể họ nặng nề mất hết ánh sáng, phải đi tìm giống lúa và ra công khó nhọc gieo cấy trên đồng ruộng thì mới có gạo ăn. Tuy nhiên hạt lúa thơm sinh ra đã dần dần nhỏ đi. Vì vậy lòng tham về ruộng đất nảy sinh, muốn chiếm được nhiều khiến tâm gian tham và hành vi trộm cắp xuất hiện.” Lúc bấy giờ có một người thấy kẻ kia trộm lúa, bắt gặp một lần, hai lần, đến lần thứ ba bèn hỏi kẻ kia: “Anh cũng có lúa gạo sao không sử dụng, lại đi lấy trộm của kẻ khác? Từ nay chớ có làm như vậy nữa.”

Kẻ trộm nghe rõ những lời ấy, nhưng vẫn không hối cải, cứ tiếp tục ăn trộm. Người ấy lại bắt gặp nữa, liền trách tên trộm: “Trước đây tôi đã khuyên anh đừng trộm cắp nữa nhưng vì sao nay lại tái phạm.”

Vị ấy bèn họp nhiều người để cùng lên án anh ta. Bấy giờ trong đám đông đó, bèn tuyển ra một người có đầy đủ phước đức để bầu làm Điền chủ chia đều ruộng đất, kẻ nào vi phạm thì để cho vị Điền chủ ấy đàn xép.

Vào mùa thu hoạch, khi lúa chín thì trích ra một ít để thưởng cho người Điền chủ, như vậy người Điền chủ phải luôn giữ gìn giới hạnh để vổ về khuyên bảo mọi người sống cho hợp pháp. Từ đó, trong thế gian có tầng lớp quý tộc (*Sát-đế-lợi*), vị vua đầu tiên có tên là Tam-ma-đạt-ma. Vị vua ấy có vị đại thần tên là Hữu Tinh. Sau đó vị vua ấy sinh Thái tử đặt tên là Ái Tử. Vua Ái Tử có vị đại thần tên Y-hạ-ca và Thái tử tên là Thiện Hữu. Thái tử Thiện Hữu nối ngôi vua có vị đại thần tên là Đế-la-ca và sinh một Thái tử đặt tên là Tối Thượng. Vua Tối Thượng có đại thần tên là A-bạt-la-kiến-xá và Thái tử tên là Giới Hạnh. Đại thần của vua Giới Hạnh là Đa-la-nhạ-già. Trên đỉnh đầu của vua Giới Hạnh ấy sinh ra một cục bướu mềm mại, vua thường dùng sợi của loại hoa Đâu-la-miên để lau rửa. Khi lau rửa khối thịt ấy vua không đau đớn. Sau đấy, cục bướu tự nhiên vỡ ra sinh được một đồng tử có phước đức đoan nghiêm, đủ ba mươi hai tướng tốt, ai cũng kính mến nên đặt tên là Đảnh Sinh. Vừa sinh xong Thái tử đã được đưa ngay vào trong cung.

Khi đó trong cung của vua Giới Hạnh có sáu vạn cung nhân, người nào cũng tâu vua: “Xin Đại vương cho thần được làm nhũ mẫu của Thái tử.” Vì vậy mà Thái tử còn có tên là Ngã Nãi Vương.

Vào thời vua Đảnh Sinh, trí tuệ của chúng sinh ở thế gian dần dần tăng trưởng, đã có những tư duy sâu sắc, phân biệt phải trái, phân biệt công sức và hiệu quả... nên vua lập hiệu là Ma-nô-sa.

Vào thuở ấy, sáu vị vua có thọ mạng vô lượng, có sáu vị đại thần. Vị thứ nhất tên là Hữu Tinh, vị thứ hai tên Y-hạ-la, vị thứ ba tên Đê-la-ca, vị thứ tư tên A-bạt-la, vị thứ năm tên Đa-la-nhạ-già, vị thứ sáu tên Ma-nô-nhạ. Sáu vị đại thần ấy đều thông minh đa trí, có năng lực cai trị thế gian, rất có uy đức.

Lúc ấy vua Đảnh Sinh bỗng sinh ra một cục bấu nơi bấp vế bên phải. Khối bấu ấy rất mềm mại, vua thường dùng sợi của hoa Đâu-la-miên để lau rửa mà không bị đau nhức gì. Khi bấu vỡ thì sinh ra một đồng tử có thân tướng đoan nghiêm, đủ ba mươi hai tướng tốt, vua đặt tên là Ni-lỗ. Thái tử Ni-lỗ có trí tuệ và phước đức lớn lao, được làm Kim luân vương cai trị bốn cõi thế gian. Luân vương Ni-lỗ sau đó ở bấp vế bên trái cũng sinh một khối bấu mềm mại, thường dùng sợi của hoa Đâu-la-miên lau rửa mà không đau đớn gì. Đến khi chín mùi khối bấu cũng tự nhiên vỡ, sinh ra một đồng tử có tướng mạo đoan chánh, đủ ba mươi hai tướng, đặt tên là Ô-ba-ni-lỗ. Thái tử ấy có trí tuệ sâu xa, phước đức vô lượng, lên ngôi Ngân luân vương cai trị ba cõi thiên hạ. Về sau, vua Ô-ba-ni-lỗ lại có cục bấu nơi chân bên phải, thường dùng sợi của hoa Đâu-la-miên lau rửa mà không đau đớn gì, rồi khối bấu cũng tự nhiên vỡ, sinh ra đồng tử có tướng mạo đoan chánh, đủ ba mươi hai tướng, đặt tên là Thất-ni-lỗ, có phước đức sâu dày, lên ngôi Đồng luân vương cai trị hai cõi thiên hạ. Nơi chân trái vua Thất-ni-lỗ lại sinh ra khối bấu, thường dùng sợi của hoa Đâu-la-miên lau rửa mà không gây đau đớn gì, rồi cục bấu cũng tự nhiên vỡ, sinh ra đồng tử có tướng mạo đoan chính, đủ ba mươi hai tướng, được đặt tên là Ma-ni-lỗ, phước tuệ sâu dày, lên ngôi Thiết luân vương cai trị một cõi thiên hạ.

Lúc bấy giờ ngài Đại Mục-kiền-liên lại bảo với Thích chúng:

- Cứ thế, ngôi vua nối tiếp nhau cho đến nay, số lượng rất nhiều như: Chúng Hứa vương sinh ra Ái vương, Ái vương sinh Thiện Hữu vương, Thiện Hữu vương sinh Tội Thượng vương, con của Tội Thượng vương là Giới Hạnh vương, Giới Hạnh vương sinh ra Đảnh Sinh vương, Đảnh Sinh vương sinh Ni-lỗ vương, con của Ni-lỗ vương là Ô-ba-ni-lỗ vương, con của Ô-ba-ni-lỗ vương là Thất-ni-lỗ vương, con của Thất-ni-lỗ vương là Ma-ni-lỗ vương, Ma-ni-lỗ vương sinh ra Lỗ-tức vương, con của Lỗ-tức vương là Tô-lỗ-tức vương, con của Tô-lỗ-tức vương là Mau-tức vương, con của Mau-tức vương là Mầu-tức-lân-nại vương, con của Mầu-tức-lân-nại vương là A-nga vương, con của A Nga vương là A-nghi-la-tha vương, con của A-nghi-la-tha vương là Bà-nghi-la-tha vương, Bà-nghi-la-tha vương lại

sinh ra Ta-nga-la vương, Ta-nga-la vương có con là Ma-hạ-ta-nga-la vương, Ma-hạ-ta-nga-la vương có con là Xá-củ-nễ vương, Xá-củ-nễ vương có con là Ma-hạ-xá-củ-nễ vương, Ma-hạ-xá-củ-nễ vương lại sinh ra Củ-xá vương, con của Củ-xá vương là Ô-ba-củ-xá vương, con của Ô-ba-củ-xá vương là Ma-hạ-củ-xá vương, Ma-hạ-củ-xá vương sinh Ma-hạ-tô-nại-lí-xá-năng vương, con của Ma-hạ-tô-nại-lí-xá-năng vương là Bát-la-nỗ-da vương, Bát-la-nỗ-da vương lại sinh Ma-hạ-bát-la-nỗ-da vương, Ma-hạ-bát-la-nỗ-da vương có con là Bát-la-nỗ-na vương, Bát-la-nỗ-na vương lại sinh Ma-hạ-bát-la-nỗ-na vương, con của Ma-hạ-bát-la-nỗ-na vương là Bát-la-bán-ca-la vương, Bát-la-bán-ca-la vương lại sinh Bát-la-đa-ba vương, Bát-la-đa-ba vương lại sinh Phục-di-lỗ vương, Phục-di-lỗ vương có con là Di-lỗ-ma-đa vương, Di-lỗ-ma-đa vương có con là A-lí-tức vương, A-lí-tức vương có con là La-lí-tức-sắt-ma-đa vương, La-lí-tức-sắt-ma-đa vương có con là Năng-lí-tức-sắt-ma-đa vương, Năng-lí-tức-sắt-ma-đa vương có con là A-lí-chỉ-ta-mãn-đa vương... Cứ thế, con cháu các vua kế tục đến một trăm vị đại Quốc vương, đều đóng đô ở thành Bồ-đa-la-ca. Vua đời cuối cùng sinh ra vua tên là Hàng Oán. Vì vua có uy đức rất lớn, đã hàng phục được các thứ ma oán nên có hiệu là Hàng Oán vương. Vị vua này có con cháu truyền đời không dứt, tới năm vạn bốn ngàn đời vua và đều đóng đô ở thành A-dụ-đá-giả. Đền đời vua cuối cùng lại sinh con là Vô Năng Thắng vương. Con cháu vị vua này nối tiếp lên ngôi đến sáu vạn vị Thiên tử, đến đóng đô ở nước Ba-la-nại. Tới đời vua cuối lại sinh con có hiệu là Nậu-bát-la-ta-ha vương. Con cháu vị vua này nối nghiệp đến tám vạn bốn ngàn đời và đóng đô ở thành Khẩn-bế-la. Con của vị vua cuối cùng của thành này là Phạm Thọ vương truyền được ba vạn hai ngàn đời và đều đóng đô ở thành Hạ-tát-đế-năng-bô-lí. Vua cuối lại sinh Hạ-tát-đế-nại-đa vương và truyền được năm ngàn đời, đóng đô ở thành Bát-xoa-thi-la. Vua cuối lại sinh Ta-đa-lê-long vương, cháu con truyền được ba vạn hai ngàn đời, đóng đô ở thành Ô-la-ta-đại, đời cuối lại sinh một người con là Năng-nga-năng-bổ-năng vương, truyền được ba vạn hai ngàn đời và đều đóng đô ở thành Vô Năng Đại. Vị vua cuối của thành ấy sinh ra con lấy hiệu là Thắng Quân vương, con cháu truyền đến một vạn tám ngàn đời, đóng đô ở thành Chiêm-ba-đại. Đời vua cuối lại sinh con lấy hiệu là Long Thiên vương, con cháu truyền được hai vạn năm ngàn đời đóng đô ở thành Đát-ma-lê-đa. Đời vua cuối lại sinh con tên là Vi Hải vương, con cháu truyền được một vạn tám ngàn đời, đóng đô ở thành Nan-đa-bô-Mí. Vua đời cuối sinh con lấy hiệu là Diệu Ý vương, truyền được hai vạn năm ngàn đời và cũng đều đóng đô ở nước Ba-la-nại. Tới đời sau cùng của vương triều này, sinh được người con lấy tên là Đại Quân vương, con cháu nối ngôi được một ngàn đời, đóng đô ở thành Củ-xá-phước-đế. Đời cuối của vương tộc ấy sinh con là Hải Quân vương, truyền được một ngàn đời, đóng đô ở thành Bồ-đa-la-ca. Đến đời vua sau cùng sinh người con lấy hiệu là Tà-đa-bán-ni-la vương, truyền được tám vạn bốn ngàn đời, đóng đô ở Củ-xá-đế thành. Đời cuối lại sinh ra Ma-tứ-mục-khư vương, con cháu nối ngôi được mười vạn đời và cũng

đóng đô ở nước Ba-la-nại. Đời cuối cùng sinh con lấy hiệu là Ma-tứ-bát-đế vương, cũng gọi là Địa Chủ vương, truyền được một trăm đời đóng đô ở thành A-dụ-đa-đại. Đời sau rốt sinh con lấy hiệu là Đại thiên vương, phạm hạnh thanh tịnh, con cháu nối ngôi được tám vạn bốn ngàn đời và cũng đóng đô ở thành Di-thể-la. Đến đời vua cuối, lại sinh người con hiệu là Nhĩ-di vương, vua này lại sinh Ma-ngộ-nỗ vương, vua Ma-ngộ-nỗ lại sinh Niết-lí-xá Nhĩ-di-khư-nỗ vương, vua ấy lại sinh Lỗ-ba-khư-nỗ vương, vua này lại sinh Khư-nỗ-ma-năng vương, đời tiếp theo là Khu-nỗ-mãn-đa vương, tiếp đây là các đời vua: Bà-niết-lí-xá vương, Tô-lỗ-đa-tế-năng vương, Đạt-ma-tế-năng vương, Vĩ-nhĩ-đa vương, Ma-hạ-vĩ-nhĩ-đa vương, Vĩ-nhĩ-đa-tế-năng vương, A-du-ca vương, Vĩ-nga-đa-du-ca vương, Phả-la-ta-thùy vương, Nhạ-la-ta-thùy vương, Một-độ-ma-la vương, A-lỗ-nỗ vương, Nhĩ-phiến-ba-đế vương, Lí Ngũ vương, Thương-ca-la-ca vương, A-nan-na vương, A-na-lí-xá-mục-khư vương, Nhạ-na-ca vương, Tán-nhạ-năng-khư vương, Nha-năng-sa-bà vương, Án-năng-bá-năng vương, Bát-la-tổ-la-năng-ba-năng vương, A-lan-đa vương, Ba-la-lan-đa vương, Bát-la-đề-sắt-sỉ-đa vương, Tô-bát-la-đề-sắt-sỉ-đa vương, Ma-hạ-ma-la vương, Phước-hạ-năng vương, Tô-ma-đế vương, Niết-lí-xá-phước-hạ vương, Nại-xả-đà-nô vương, Thiết-đa-đà vương, Năng-phước-đế-đà-nỗ vương, Thất-tả-đát-la-đà-nỗ vương, Vĩ-nhĩ-đa-đà-nỗ vương, Niết-lí-xá-đà-nỗ vương, Nại-xả-la-tha vương, Thiết-đa-la-tha vương, Năng-phước-đế-la-tha vương, Túc-đát-la-tha vương, Niết-lí-xá-la-tha vương... Cứ thế, con cháu truyền đến bảy vạn bảy ngàn đời vua, đều đóng đô ở thành Ca-nại. Tới đời vua cuối của thành này, lại sinh con lấy hiệu là A-mạt-lộc-sa vương. Vua này có người con là Long Hộ vương, con cháu truyền được trăm đời và đóng đô ở nước Ba-la-nại. Vua sau cùng của thành Ba-la-nại sinh con hiệu là Ngật-lí-cát vương. Bấy giờ Đức Phật Ca-diếp có đầy đủ mười hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian. Lúc Đức Phật còn tu hạnh Bồ-tát, Ngài luôn giữ gìn giới luật và phạm hạnh, đã phát nguyện lớn cầu Vô thượng giác, là vị Bồ-tát Bồ-xử ở cung trời Đâu-suất. Cơ duyên đầy đủ, Ngài hạ sinh nơi cung vua Ngật-lí-cát, bỏ ngôi xuất gia tu hành mà thành tựu Phật đạo.

Lúc ấy vua Ngật-lí-cát còn có một Thái tử tên là Thiện Sinh, vua Thiện Sinh lại sinh một Thái tử, rồi cứ thế con cháu truyền được một trăm đời, tới đời vua cuối sinh ra Ca-la-nỗ vương. Sau vua này sinh hai Thái tử, người lớn tên là cồ-đàm, người nhỏ tên là Bà-la-nại-phước-nhạ. Vị Thái tử sau thích cuộc sống ở vương cung, ham việc cai trị nước, trong khi Thái tử cồ-đàm thì lại luôn nghĩ đến việc chúng sinh bị trôi lăn trong vòng luân hồi, chịu bao nỗi chìm đắm trong ba đường dữ thật là khổ não. Do luôn suy nghĩ như thế nên Thái tử đến gặp phụ vương cúi đầu quỳ thưa: “Nay con không muốn ở chốn vương cung mà muốn xuất gia vào nơi núi rừng để tu tập phạm hạnh.”

Vua cha nói: “Con là trưởng tử, có cả đất nước và ngôi vua, lại có các quan phò tá, quyền hành nắm trong tay, sao lại dứt bỏ để đi xuất gia?”

Thái tử tâu: “Thưa cha, con xem ba cõi đều là cảnh ảo hóa không bền chắc, tất cả đều bị luật vô thường chi phối, đâu thể quyến luyến. Con nay xin từ tạ phụ hoàng để ra đi.” Vua cha nghe như thế biết chí hướng lớn của con nên đã bằng lòng.

Bấy giờ trên núi có một vị tiên tên là Ngật-lí-sắt-nỗ-phê-ba-dã-nô lập một thảo am trong núi ấy để tu hành. Thái tử cồ-đàm vui mừng tìm đến chỗ vị tiên, năm vóc sát đất đánh lễ thưa: “Tôi rời bỏ cung vua đến đây để phụng sự thầy, xin thầy thu nhận.” Vị tiên biết ý chí kiên định của Thái tử nên đã chấp nhận. Từ đó Thái tử ở nơi núi rừng, hái trái, gánh nước, chịu nhiều gian khổ, trải qua nhiều năm tháng để phụng sự Tiên nhân. Vị thầy nhận thấy Thái tử luôn siêng năng, tâm không thoái chuyển bèn cho tên hiệu cũng là Tiên nhân.

Sau đây, vua Ca-la-nỗ băng hà, người em là Bà-la-nại-nhạ lên ngôi, cồ-đàm biết tin vua cha đã mất liền thưa với thầy: “Nay con không thể ở trong núi hái quả, gánh nước hầu hạ thầy mà muốn về trong thành ở.”

Vị tiên nói: “Cồ-đàm, trước kia khi đến, con nói là muốn ở chốn núi rừng, sao nay lại muốn về thành? Nếu con có về thì chớ vào trong thành, mà nên chọn một nơi tịch tịnh che thảo am ngoài thành Bồ-đà-lạc-ca mà tu hành, giữ gìn các căn, tinh tấn, phạm hạnh.” Thái tử nghe lời, đến ngoài thành Bồ-đà-lạc-ca, tìm chỗ thanh tịnh cất am dốc sức tu trì.

---o0o---

Quyển 02

Thuở ấy, ở thành lớn Bồ-đà-lạc-ca có một dân nữ hết sức xinh đẹp. Một người đàn ông tên là Di-lí-nã-la rất say mê nàng, thường tặng vàng bạc, ngọc ngà, cùng những y phục quý, đẹp cho nàng. Rồi có một người khác cũng say đắm cô gái, đến nói với nàng: “Ta tặng nàng năm trăm đồng tiền, nàng hãy theo ta vui chơi.”

Dâm nữ bằng lòng và sai thị nữ đến nói với Di-lí-nã-la rằng hôm nay có khách, chờ hôm khác sẽ gặp. Nã-la nghe thế, nói với tỳ nữ: “Nếu cô ta trở về thì người nói với cô ta hãy mau đến tại khu viên lâm, ta chờ cô ta ở đấy.”

Tỳ nữ về thưa, nhận thấy cô ta có ý không muốn đến chốn hẹn, bèn trở lại nói với Di-lí-nã-la. Nghe xong, anh ta rất tức giận, bảo tỳ nữ trở về tìm cách khuyên giải. Vị tỳ nữ trở về nàng dâm nữ đã đến. Người đàn ông lớn tiếng trách: “Ta trước nay thường cung cấp cho nàng những y phục cùng các đồ vật quý giá, tại sao nay nàng phản bội ta?” Nói xong, y lập tức lấy thanh gươm bén đâm chết dâm nữ. Giết xong, y đem gươm ném vào am của cô-đàm gần đó, rồi bỏ trốn. Nữ tỳ tri hô lên: “ở đây có kẻ giết người. “

Mọi người chạy đến, tìm thấy thanh gươm còn vấy máu trong am của cô-đàm. Họ liền trách mắng: “Ông là người tu hành, sao nay lại giết người?” Trách xong, họ cùng nhau dùng dây trói tay vị Tiên nhân, giải vào trước điện vua và tâu với vua: “Người này là Tiên nhân xuất gia không giữ phạm hạnh, làm việc bất chính lại còn dùng gươm giết chết dâm nữ.”

Vua nghe tâu như thế rất giận dữ bèn sai dẫn ra ngoài thành dùng cây nhọn xuyên qua tay chân. Vua ra lệnh xong, quan quân liền giải Tiên nhân cô-đàm đi. Lúc đó đầu Tiên nhân đang đội vòng hoa, thân mặc áo xanh, những người giải ông tay cầm binh khí vây quanh, hô to:

-Đây là kẻ phạm giới giết người.

Cô-đàm vẫn bình thản, không chút sợ hãi, cứ tự nhiên đi ra ngoài thành mà chịu hình phạt.

Bấy giờ thầy của ngài, Tiên nhân Ngật-lí-sắt-nỗ-phệ-ba-dã-năng đến thăm không gặp, bèn tìm tới nơi thấy đệ tử chân tay bị trói bị cây nhọn xuyên qua, thọ khổ hình như thế, lấy làm đau xót, rơi nước mắt hỏi: “Con sao lại có thể phạm tội như vậy được? Con thọ hình phạt đau đớn cùng cực suốt ngày đêm làm sao chịu đựng nổi?” Tiên nhân cô-đàm thưa: “Con cầu cho thân thể con đau đớn mà không được.”

Người thầy hỏi: “Làm sao con rời khỏi những đau đớn ấy được?”

Cô-đàm thưa: “Con xin thành thật phát nguyện trước thầy: Nếu quả thật thân con không đau đớn thì thân thầy sẽ có sắc vàng.”

Sau lời phát nguyện của Cô-đàm thì thân vị thầy bỗng choc hiện sắc vàng. Tất cả mọi người ở đây đều thấy như thế, cho nên gọi vị thầy là Tiên nhân Kim sắc. Lúc ấy Cô-đàm hỏi thầy: “Sau khi con chết thì sẽ được sinh ở đâu?”

Vị Tiên nhân đáp: “Theo pháp của Bà-la-môn, nếu không có con nối dõi thì khi chết sẽ không có nơi sinh!”

Vị đệ tử nói: “Từ thuở nhỏ con đã không ham thích chốn vương cung, từ bỏ ngôi vị để xuất gia, sao lại có con được?”

Vị thầy bảo: “Hiện giờ con hãy tưởng tượng đến những lạc thú nơi vương cung đi.”

Cồ-đàm nói: “Thân con hiện chịu hình phạt của vua như thế này, làm sao có thể tưởng tượng đến những lạc thú được?”

Khi đó Tiên nhân Kim sắc liền dùng thần lực chỉ trong khoảnh khắc làm tuôn xuống một cơn mưa rưới khắp thân thể đệ tử, khiến cho vị đệ tử mát mẻ, tiêu tan mọi khổ não, thân thể bình phục như xưa, do đó ông bèn nhớ lại những lạc thú trước kia mà sinh dục tâm, làm rơi hai giọt tinh trên đất. Lúc đó Cồ-đàm Tiên nhân suy nghĩ đến bốn điều: Một là tự nghĩ đến thân mình, hai là nghĩ đến chúng sinh, ba là nghĩ tới chúng sinh sẽ thành Phật, bốn là nghĩ tới tất cả cõi Phật. Khi ông suy nghĩ về những điều đó thì, hai giọt tinh kia bỗng kết thành hai quả trứng. Mỗi ngày mặt trời hiện lên, ánh nắng đã sưởi ấm hai quả trứng, chẳng bao lâu hai quả trứng nở, sinh ra hai đồng tử có sắc tướng đoan chính. Tiên nhân Cồ-đàm đem hai đồng tử vào ở trong một vườn mía. Sau khi ông lâm chung, Kim sắc Tiên nhân đến thăm gặp hai đồng tử, hỏi ra mới biết là con của Cồ-đàm, rất vui mừng liền đem hai đồng tử về am nuôi. Vì do mặt trời sưởi nóng mà sinh ra nên đồng tử thuộc về Nhật tộc (*chúng tộc mặt trời*), lại do Cồ-đàm sinh ra nên có họ Cồ-đàm, lại do tự sinh ra nên lấy họ A-nghi-la-ta, lại do gặp từ trong vườn mía rồi đem về nuôi nên còn có họ là Cam Giá.

Bấy giờ vua Bà-la-nại-phước-nhạ băng hà, không có con nối ngôi, triều thần chưa biết chọn ai. Một vị đại thần thưa: “Trước kia vua Ca-la-nã có vị Thái tử tên là Cồ-đàm, đã bỏ ngôi báu theo vị Tiên nhân Ngật-lí-sát-nỗ-phệ-ba-dã-năng vào rừng núi tu hành. Thái tử thuộc dòng họ Thích có thể rước về nối ngôi.”

Quần thần nghe lời, liền vào núi tìm đến chỗ vị Đại tiên cung kính đánh lễ rồi thưa: “Xưa vua Ca-la-nã có người con tên là Cồ-đàm vậy Tiên nhân có biết hiện Thái tử ở đâu?”

Đại tiên cho biết Thái tử đã mất rồi và nói rõ mọi việc cho họ nghe. Quần thần rất đau xót, nhận rõ tội của mình, chợt thấy hai vị đồng tử thân tướng đoan nghiêm, hỏi ra mới biết đó là con của Thái tử Cồ-đàm, quần thần rất vui mừng, xin đón đồng tử về và lập làm vua lấy hiệu là Cam Giá vương. Vua Cam Giá truyền được

một trăm đời và đều đóng đô ở thành Bồ-đa-lạc-ca. Đến đời vua Cam Giá cuối cùng thì sinh được bốn người con: Người thứ nhất tên là Ô-la-ca-mục-khu, người thứ hai tên Ca-la-ni, người thứ ba tên Hạ-tất-đề-năng-dã, người thứ tư tên Tô-năng-bồ-la-ca. Sau khi hạ sinh bốn người con, hoàng hậu qua đời. Nhà vua rất buồn rầu đau khổ. Bấy giờ có vị đại thần thấy vua buồn khổ bèn thưa hỏi: “Tâu Đại vương, vì sao ngài kém vui như vậy?”

Vua cho biết vì hoàng hậu mất nên đau buồn. Vị đại thần liền thưa: “Thần được biết vị tiểu vương của nước lân bang có một người con gái đầy đủ phúc đức, nhan sắc xinh đẹp, hình tướng đoan chánh, vua có thể xin cưới về lập hoàng hậu.”

Vua nói: “Vua nước ấy luôn muốn đem quân xâm phạm nước ta, làm sao có thể cầu thân được?”

Vị đại thần thưa: “Nhưng ở tiểu quốc kia cũng có nàng công chúa xinh đẹp, đoan trang có thể rước về làm phi hậu, mới khiến nhà vua bớt buồn được.”

Vua bèn sai sứ đến tiểu quốc kia nói ý muốn của vua là xin cưới công chúa về làm chánh phi. Vị tiểu vương ấy rất vui mừng, nhưng lại nói với sứ giả: “Nếu Đại vương xin cưới con ta làm chánh phi thì khi sinh được con trai thì phải cho nối ngôi. Được như vậy thì ta mới bằng lòng gả.”

Sứ thần trở về thưa rõ ý của vua tiểu quốc. Nhà vua nghe điều ấy trong lòng không vui bảo: “Ta đã có con lớn, theo lý phải được nối ngôi, sao có thể bỏ lớn lập nhỏ?”

Một vị đại thần thưa: “Nay ta cứ xin cưới, còn việc sinh con trai hay gái đâu có thể biết được.”

Vua nghe theo, sai đem lụa là, vàng bạc, gấm vóc đến xin cưới. Sau người phi hậu này có mang, trải qua chín tháng sinh được một Thái tử thân tướng đoan nghiêm. Sau khi Thái tử hạ sinh, quần thần đến chúc mừng, vua bèn nói: “Nay đưa con này nên đặt tên là gì?”

Vị đại thần thưa: “Vị tiểu vương kia đã thuận gả con cho bộ hạ làm phi, muốn Thái tử khi sinh ra được nối ngôi, vậy nên đặt tên cho Thái tử là Lạc vương.” Vua nghe rồi truyền cho tám vị phu nhân làm nhũ mẫu để lo việc nuôi dưỡng Thái tử.

Lúc ấy vua muốn lập Thái tử lớn lên nối ngôi. Vua tiểu quốc biết tin liền nổi giận sai sứ giả sang trách: “Trước đã hứa, nếu con gái ta sinh được hoàng tử thì

cho nổi ngôi, sao nay lại bội ước? Nếu như thế, nước ta tướng mạnh binh đông, ta sẽ đem quân sang đánh.”

Vua nghe vậy rất lo, nói với quần thần: “Bỏ con lớn lập con nhỏ thật không hợp lẽ?”

Các quan trong triều tâu: “Nước kia tuy nhỏ nhưng vị vua ấy rất uy dũng, binh tướng rất thiện chiến. Nếu họ cất binh sang đánh sợ ta không thắng được, vậy nên cho Thái tử ra nước ngoài để tránh họa chiến tranh.”

Vua nghe tâu thì yên lặng không nói gì. Bấy giờ quần thần bèn lập mưu, ra gần thành lập một ngự uyển có đủ đèn đài, ao, suối, dùng trầm hương vật báu trang sức lộng lẫy. Khi đó Thái tử cùng quần thần ra ngoài thành du ngoạn, nhìn thấy hoa viên liền hỏi:

“Vườn này của ai?” Quần thần cho biết đó là ngự viên của hoàng cung. Thái tử nghe nói liền quay ngựa trở về. Các quan khuyên Thái tử nên vào dạo vườn hoa, Thái tử nói: “Ngự uyển của phụ hoàng, ta đâu dám vào.”

Các quan thưa rằng nếu là các quan cùng dân chúng thì không thể vào, còn Thái tử thì có thể vào được. Nghe thế, Thái tử liền vào ngự viên vui chơi.

Bấy giờ có một vị đại thần tâu lên vua: “Nay ngự viên đã xong, thỉnh Hoàng thượng đến ngoạn cảnh.” Vua nghe tâu liền cho xa giá đến ngự uyển. Vừa tới nơi đã nghe tiếng nhạc, vua liền sinh nghi, hỏi ra mới biết là Thái tử đã đến trước, đang chơi nhạc ở đấy. Vua nổi giận phẫn: “Ta cho lập ngự viên, chưa đến xem qua, sao Thái tử lại dám đến chơi trước? Tội này không thể tha được, hãy đuổi Thái tử ra khỏi nước!”

Quần thần can gián nhưng nhà vua giận dữ không nghe, truyền lệnh trong bảy ngày phải đem Thái tử ra khỏi nước, cho phép được đem theo tùy tùng, quyền thuộc. Thái tử vâng lệnh, đem theo tùy tùng quyền thuộc ra khỏi thành, cách thành không xa mà ở, nhưng vua lại truyền lệnh bảo phải đi xa hơn nữa.

Ngày đó, bên núi Tuyết, cạnh bờ sông Bà-nghi-la có một vị tiên tên là Ca-tỳ-la, giữ gìn phạm hạnh, lập am tu ở đây. Thái tử lại đem theo tất cả người thân đến chỗ Tiên nhân kia lập nghiệp, hái trái, săn thú để nuôi thân, về sau, vì quá nghĩ đến sắc dục nên thân hình Thái tử tiêu tụy. Vị Tiên nhân sinh nghi hỏi, Thái tử liền nói thật. Tiên nhân bảo: “Với chị em thân thuộc thì không được, nhưng với người ngoài thì có thể.”

Thái tử say đắm vui đùa huyền ảo ngày đêm, số nam nữ lại đông đảo làm Tiên nhân loạn tâm, bèn nói với Thái tử là mình muốn đi nơi khác để lo tu hành. Thái tử nghe nói thì hổ thẹn, nói với Tiên nhân: “Đại tiên ở đây tu hành từ lâu, đạo quả đã thành, không nên đi nơi khác. Nay tôi xin đem quyền thuộc tìm chỗ khác để ở.”

Tiên nhân nghe thế vui lòng, bèn chọn một chỗ đất tốt gần đó, tưới nước phân ranh giới, để Thái tử an cư nơi ấy. Sau một thời gian nhân dân hưng thịnh, quyền thuộc đông đảo bèn theo ranh giới mà xây thành, lập quốc lấy tên là Ca-tỳ-la. Sau đó có một vị Hiền Vương lên ngôi, tạo riêng một tòa thành đặt tên là Chỉ thành và đóng đô ở thành ấy.

Bấy giờ vua Vĩ-lỗ-trà-ca hỏi các đại thần: “Thái tử con ta nay ở đâu?”

Một vị đại thần thưa: “Thái tử nay ở phía nam Tuyết sơn, bên bờ sông Bà-nghi-la, tại thành Ca-tỳ-la, đã xây dựng hai ngôi thành lớn nơi đó dùng làm đô ấp. Quan liêu, sĩ thứ, bà con thân thuộc phồn thịnh, đông đảo, giống như một nước lớn.”

Vua Vĩ-lỗ-trà-ca Cam Giá cúi toàn thân xuống hỏi vị đại thần: “Con ta sao được như thế?”

Vị đại thần tâu: “Do Thái tử có nhân đức nên được hùng thịnh như thế, nhân đó mà lập nên họ.”

Sau khi vua Vĩ-lỗ-trà-ca Cam Giá qua đời thì Thái tử Năng Nhân lên ngôi. Vua Năng Nhân có con là Ô-la-ca-mục-ca vương, con của Ô-la-ca-mục-ca vương là Nhược-ca-ni vương, con của Nhược-ca-ni vương là Hạ-tất-đế vương, kế tiếp là: Nỗ-bố-na-la-ca vương, Ô-bố-la-ca vương, như thế con cháu nối truyền đến năm vạn năm ngàn đời vua, đóng đô ở thành lớn Ca-tỳ-la. Sau đó có vị vua tên là Thập Xa vương, tiếp theo là Cửu Thập Xa vương, rồi Bách Xa vương, Họa Xa vương, Tối Thắng Xa vương, Lao Xa vương, Thập Cung vương, Cửu Thập Cung vương, Bách Cung vương, Tối Thắng Cung vương, Họa Cung vương, Lao Cung vương, vua này là bậc có tài bắn cung giỏi nhất ở cõi Nam Diêm-phù-đề. Vua Lao Cung vương có hai người con, vị thứ nhất tên là Tinh Hạ Hạ Nỗ vương, vị thứ hai tên là Sư Tử Hồng vương. Tinh Hạ Hạ Nỗ vương sinh bốn người con là Tịnh Phạn vương, Bạch Phạn vương, Hộc Phạn vương và Cam Lộ Phạn vương. Tịnh Phạn vương có hai con trai là Tất-đạt-đa và Nan-đà. Bạch Phạn vương có hai con trai là Ta-đê-sơ-lỗ và Bà-nại-lí-hạ. Hộc Phạn vương có hai con trai là Ma-hạ-năng-ma và A-nễ-lâu-đà. Cam Lộ Phạn vương có hai con trai là A-nan-đà và Đề-bà-đạt-đa. Tịnh Phạn vương có một người con gái tên là Tô-bát-la. Bạch Phạn vương có một

người con gái tên là Bát-đạt-la-ma-lê. Hộ Phạm vương có một con gái là Bạt-nại-lê. Cam Lộ vương có con gái là Tế-phước-la. Tất-đạt-đa có người con là La-hỗ-la, đó là con của Phật. Đây là chủng tộc Chúng Hứa của đời quá khứ. Nay gặp Phật ra đời, theo Phật xuất gia rõ được sinh tử, dứt được luân hồi, chúng được chân không mà thành Thánh vị.

Lúc ấy sau khi nêu bày những điều đó xong, ngài Đại Mục-kiền-liên liền từ chỗ ngồi đứng lên chấp tay hướng về Đức Phật. Đức Phật bảo:

- Ông hãy về chỗ ngồi. Lành thay! Quý thay! Ông đã vì các Bí-sô mà nói về đời quá khứ của dòng họ Thích khiến các Bí-sô được điều thiện lợi, mãi được an ổn.

Lúc ấy tất cả Thích chúng đều vui mừng, tin tưởng, theo đó thọ trì.

Bây giờ vua nước Ca-tỳ-la là Tịnh Hạ Hạ Nỗ vương, có đầy đủ đại phước đức, tài sản nhiều vô số, nhân dân đông đúc, đất đai phì nhiêu. Cách nước này không xa có một nước tên là Thiên chỉ thành, vị quốc vương tên là Tô-bát-la-một-đà, rất giàu có, bạc vàng, châu báu đầy khắp nơi. Nhà vua có vị chánh phi tên là Long Nhĩ Nễ, thân sắc đoan nghiêm, đầy đủ tướng tốt. Trong nước ấy có một vị trưởng giả vốn có căn lành, đức hạnh thuần hậu, quyền thuộc đông đảo, kho tàng dồi dào chẳng khác gì vị Tỳ-sa-môn Thiên vương. Ông trưởng giả có một hoa viên, trong đó có đền đài, lầu gác, suối chảy, ao tắm và gồm đủ các loài hoa cỏ chim muôn quý hiếm. Một hôm, vua Tô-bát-la-một-đà cùng chánh phi và quyền thuộc đến vườn hoa của trưởng giả dạo chơi. Vị chánh phi thấy vườn hoa rực rỡ, đẹp đẽ nên sinh lòng rất yêu thích, liền tâu với vua:

- Thiếp muốn có một hoa viên như thế này để dạo chơi.

Vua nói:

- Khu vườn này là của trưởng giả, làm sao ta lấy được, nhưng ta là quốc vương thì cũng tạo được thôi.

Nhà vua liền truyền lệnh xây dựng một ngự uyển có suối, ao, đài quán đẹp đẽ hơn hết, đặt tên là Long-nhĩ-nễ viên. Lúc ấy nhà vua ngày đêm suy nghĩ mong muốn có được một Thái tử, sau có thể làm đến Kim luân vương. Theo điều mong muốn ấy, vị chánh phi bỗng sau đó mang thai, rồi sinh được một người con gái có đủ phước đức trí tuệ, dung mạo đoan trang, nhan sắc diễm lệ nhất thế gian. Mọi người khi nhìn thấy phước tướng ấy đều cho là hy hữu, thậm chí có người còn cho là do vị trời cõi Tỳ-thủ-yết-ma hoặc do Phạm thiên tạo ra. Sau khi công chúa hạ

sinh, trong suốt hai mươi một ngày, nhà vua luôn mở tiệc mừng công chúa ra đời cùng quần thần và quyến thuộc vui chơi, rồi đặt tên nàng là Ma-da. Công chúa có đến tám vú, thầy tướng cho là quý tướng, sẽ sinh quý tử nối ngôi vua. Sau đó, vua lại có thêm một công chúa, hình tướng cũng đoan chánh bậc nhất thế gian. Lúc công chúa hạ sinh, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp thành trì, do đó vua đặt tên là Ma-hạ Ma-da. Thầy tướng cho biết là công chúa về sau sẽ sinh con trai có đủ ba mươi hai tướng, làm đến Kim luân vương. Lúc bấy giờ vua Tô-bát-la-một-đà nghe đồn Thái tử con vua Tịnh Hạ Hạ Nỗ vương là bậc hiền đức liền cử sứ thần đến tâu:

- Tôi có hai công chúa tên Ma-da và Ma-hạ Ma-da. Khi mới sinh thầy tướng đều bảo sau này hai công chúa sẽ sinh con có đủ ba mươi hai tướng, làm đến Kim luân vương.

Vua Tịnh Hạ Hạ Nỗ nghe tâu xong bèn nói với Thái tử Tịnh Phạm:

- Vua Tô-bát-la-một-đà muốn gả hai người con gái cho con, sau này sinh con có thể làm đến Kim luân vương.

Rồi vua liền cho năm trăm người họ Thích sang nước kia xin đón dâu.

Bấy giờ ở biên giới có một bộ tộc tên là Bán-nô-phước có ý định xuất lĩnh binh tướng chặn đường hiểm yếu để cướp đoạt. Đoàn người họ Thích biết được tin đó, sợ gặp tai họa, bèn tâu lên vua và thỉnh vua ngự giá. Vua bảo:

- Trẫm nay tuổi đã cao, hãy để Thái tử Tịnh Phạm đem quân thảo phạt, nếu chiến thắng trẫm sẽ ban thưởng.

Nói rồi, vua sai tuyển lựa quân lính giao cho Thái tử Tịnh Phạm và chúng họ Thích cùng đi dẹp tộc họ kia để rước dâu về. Công việc xong, họ tâu vua về lời hứa mà vua đã nói. Vua bảo:

- Nay con đã cưới được vợ. Nếu sau này có con phải cố gắng giữ gìn để có người nối ngôi.

Sau khi vua qua đời, quần thần cùng nhau tôn Thái tử Tịnh Phạm lên nối ngôi. Lúc bấy giờ trong nước thịnh vượng, vua và phu nhân cùng các phi tần thường hưởng mọi sự an lạc.

Lúc đó Bồ-tát Thích-ca tại cung trời Đâu-suất muốn thị hiện ở cõi nhân gian, bèn quán sát năm điều: Một là xem nên sinh vào các tầng lớp nào. Ngài nghĩ: “Ta không thể sinh vào các tầng lớp Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, vì đó không phải là

tầng lớp cao thượng. Nếu là tầng lớp Sát-đế-lợi thì Ta có thể sinh vào đó, vì chúng sinh thời ấy thường tôn trọng phú quý, nếu sinh trong tầng lớp thấp kém thì chúng nhân sẽ không tôn kính. Nay vì để nhiếp hóa muôn loài khiến họ trở về nương tựa, Ta nên sinh ra nơi gia đình thuộc tầng lớp Sát-đế-lợi.” Thứ hai là xem xét về quốc độ, Bồ-tát thấy rằng nếu có quốc độ tốt đẹp hơn hết như trù phú, có nhiều thức ngon quý, không xảy ra tranh đấu, dân cư luôn an lạc thì nơi đó Bồ-tát có thể hạ sinh được, như vậy để chúng sinh khởi cho là Bồ-tát đã trải qua nhiều kiếp tu phạm hạnh, sao lại sinh nơi chốn biên địa. Thứ ba là xem xét về thời gian, Bồ-tát thấy rằng nếu vào thời kiếp tăng, loài người sống đến tám vạn tuổi, nhưng căn trí trì độn, không phải là pháp khí, do đó không nên sinh ra. Vào thời kiếp giảm, chúng hữu tình thọ mạng một trăm tuổi, tuy gần với ngũ trược, nhưng loài người căn tánh lanh lợi, trí tuệ sáng láng, cho nên Bồ-tát sẽ hạ sinh. Thứ tư là xem xét về dòng giống, Bồ-tát thấy Tịnh Phạn vương là dòng Chúng Hứa vương trong thời thành kiếp, trải qua nhiều đời đều là Luân vương, do đó Bồ-tát có thể hạ sinh. Thứ năm là xem xét về người mẹ, Ngài thấy nếu có người nữ nào có trí tuệ thâm diệu, phước đức lớn lao, các tướng đoan nghiêm, giữ giới trong sạch, được chư Phật quá khứ thọ ký thì Bồ-tát có thể chọn làm mẹ. Nay thấy Ma-da phu nhân có đầy đủ những duyên lành ấy lại thuộc dòng hoàng tộc nên có thể được chọn làm mẹ Bồ-tát.

Xem xét những điều kể trên xong, Bồ-tát bèn nói với vua của sáu cõi trời Dục giới:

- Các vị chú ý, Ta nay sẽ sinh xuống cõi Nam thiệm-bộ châu, giáng thân nơi Ma-da phu nhân, các vị hãy rưới mưa cam lộ để Ta hưởng điều vui.

Các vị Thiên tử thưa:

- Ở Nam thiệm-bộ châu có sáu đại ác nhân: Một là lão Ca-diếp, hai là Ma-sa-ca-lê-ngu-bà Tử, ba là Sa-nhạ-dã-vĩ-la-trí Tử, bốn là A-nhĩ-đa-kế-xả-ca-ma-la, năm là Ca-đã-dã, sáu là Nhĩ-nga-la-ngã-đế tử. Nam thiệm-bộ châu lại có sáu phái ngoại đạo lỏa hình: Một là Cu-trá-đa-nỗ Bà-la-môn, hai là Tô-lỗ-nỗ-đa-nô Bà-la-môn, ba là Ma-nhi Bà-la-môn, bốn là Phạm Thọ Bà-la-môn, Năm là Bồ-sa-ca-la Bà-la-môn, sáu là Lộ-tư-đã Bà-la-môn. Ở Nam thiệm-bộ châu còn có sáu đại lực sĩ: Một là Ô-nại-la-củ-la-ma Tử, hai là A-la-nã, ba là Ca-loại-ma, bốn là Tô-bạt-nại-la, năm là Ba-lí-một-la-nhạ-ca, sáu là Tán-da-ma-nô-phước-ca. Đó là mười tám hạng chúng sinh khó điều phục.

Thuở ấy, trong nhân gian có một vị tiên, tuổi đã già tên là Ô-lư-vĩ Ca-diếp, thâm nghĩ: “Chính ở cõi nước trải rộng tới mười hai do-tuần là đất có nhiều phước

đức, đúng là nơi Bồ-tát ngự đến thuyết pháp. Ước mong Bồ-tát hãy sớm xuống nhân gian vì ta mà nói pháp, khiến ta được nhiều lợi ích lâu dài.”

Bấy giờ Bồ-tát nói với vua cõi trời Đâu-suất:

-Ông nay hãy vì Ta mà tấu tất cả các loại nhạc khí.

Chư Thiên bèn cử tấu âm nhạc, còn Bồ-tát thì thổi đại Pháp loa, tiếng loa cao xa hơn cả thiên nhạc, do đó mười tám hạng hữu tình khó điều phục ở Nam thiên-bộ châu sẽ được Bồ-tát dùng biện tài vô ngại hàng phục cũng như trên, Bồ-tát liền nói kệ:

Sư tử gầm lên muôn thú hãi

Một chày kim cang đỉnh núi tan

Vô số Tu-la đều theo phục

Vàng dương chiếu phá trừ tối tăm.

Lúc đó vua sáu cõi trời thuộc Dục giới và trời Đế Thích xem thấy Bồ-tát cưỡi voi trắng sáu ngà từ trời Đâu-suất đi vào bụng Ma-da phu nhân, liền rưới cam lộ hộ trì làm cho thân Ma-da phu nhân thanh tịnh an ổn, rồi nói kệ:

Ta xem Bồ-tát giáng cõi trần

Cung vua Cam Giá, chốn thọ sinh

Lợi ích hữu tình, tròn nguyện ước

Như vàng dương hiện phóng quang minh.

---o0o---

Quyển 03

Bấy giờ bà Ma-ha Ma-da thấy bốn điềm mộng: Một là thấy voi trắng sáu ngà, hai là voi ấy từ trời đi xuống nhập vào bụng bà, ba là tự thân lên núi cao, bốn là thấy nhiều người quyền quý tập hợp cùng đến quỳ lạy mình. Phu nhân đem những điềm mộng ấy tâu với vua Tịnh Phạn. Vua liền đem các điềm mộng ấy hỏi các nhà chuyên đoán mộng, họ đều bảo rằng hoàng hậu sẽ sinh được quý tử, hình

tướng đoan nghiêm, nếu ở tại gia sẽ lên ngôi Chuyển luân vương, còn nếu xuất gia tu Phạm hạnh thì sẽ thành Bạc Chánh Đăng Chánh Giác hiệu là Thiên Nhân Sư.

Lúc bấy giờ, khi Bồ-tát giáng sinh, đại địa chấn động, ánh sáng tỏa chiếu rực rỡ, chúng sinh trông thấy cho là điều chưa từng có. Trời Đế Thích và bốn vị Thiên vương hộ thế, mỗi vị đều cầm vũ khí hộ vệ cho Bồ-tát để các loài ma quỷ không thể làm hại. Khi đó thân Bồ-tát trong lành như ngọc Ma-ni, như ngọc báu Ca-diếp-ca, mọi thứ bụi bặm cấu uế không thể làm ô nhiễm. Bồ-tát lại làm cho thân tâm của mẹ trở nên trong sạch như ngọc lưu ly, có thể thấy rõ thân tướng và các căn của Bồ-tát, giống như làn nước trong vắt khiến làm hiển lộ rõ ánh sáng năm màu một cách rõ ràng. Ngài lại khiến cho mẹ có khí lực dồi dào, không chút tật bệnh hay đau khổ, ý chí kiên định thọ trì năm giới, luôn dốc tinh tấn lìa mọi lỗi lầm.

Lúc đó Thánh mẫu tâu với Tịnh Phạn vương rằng bà muốn được uống nước trong bốn biển. Vua đem điều ấy hỏi các tướng sư, họ đều đáp:

- Hoàng hậu chắc chắn sẽ sinh vị Thái tử có đủ các tướng tốt, tu tập đạo vô thượng, thành Bạc Đăng Chánh Giác. Nếu hoàng hậu không uống nước bốn biển thì thân tướng Thái tử sẽ không tốt đẹp đầy đủ.

Lúc bấy giờ, trong nước Ca-tỳ-la có một người giỏi ảo thuật tên là La-yết-đa-sô, được vua mời đến chánh điện của hoàng cung để hóa nước bốn biển cho phu nhân dùng. Uống nước xong, phu nhân tâu vua nên ân xá tất cả những kẻ bị tù tội, bố thí cơm áo cho những người nghèo khổ và làm các việc phước lành. Lần khác, Ma-da phu nhân tâu vua Tịnh Phạn rằng, phu nhân muốn đến ở một hoa viên. Nhà vua liền báo cho vua Tô-bát-la-một-đà. Vua Tô-bát-la-một-đà liền cho tạo lập một hoa viên có lầu đài tốt đẹp, hoa cỏ xanh tươi gọi tên là Long-nhĩ-nễ viên. Phu nhân và cung tần cùng đến ở nơi ấy. Trông thấy cây Vô ưu xanh tốt, hoa nở đầy cành, tỏa hương thơm ngát, phu nhân đưa tay phải vin vào cành hoa, muốn sinh Thái tử, nhưng nhìn thấy những người hầu đứng xung quanh, nên phu nhân có sắc thẹn, biết được điều đó Thiên vương liền làm một trận gió mưa thổi đến khiến cho người hầu chạy tứ tán, rồi tự thân Thiên vương hóa thành một lão bà đến trước phu nhân để lo đỡ Thái tử. Thái tử lúc mới sinh thân như Kim sơn, hình sắc như vàng ròng, lão mẫu muốn bồng, Thái tử bảo:

-Kiền-thi-ca chớ đỡ, Ta tự xuất sinh.

Lúc đó đại địa chấn động, một nguồn sáng lớn phát ra chiếu khắp thế gian, chúng sinh nhìn thấy đều khen là việc chưa từng có. Vua Tịnh Phạn trông thấy điềm lành ấy liền đi quanh Thái tử ba vòng, cung kính lễ Thái tử rồi lên tiếng:

- Lành thay, lành thay! Hôm nay ta có được người con là bậc Trượng phu, đầy phước đức, khiến ta được nhiều lợi tốt.

Thái tử khi mới sinh thân tướng đầy đủ, trong ngoài trong suốt như ngọc lưu ly, không một chút nhơ ố. Thái tử bước đi bảy bước về bốn hướng. Phương Đông biểu hiện Niết-bàn tối thượng, phương Nam biểu hiện lợi lạc cho quần sinh, phương Tây biểu hiện giải thoát sinh tử, phương Bắc biểu hiện dứt hẳn luân hồi. Bảy giờ chư Thiên trên hư không cầm lọng trắng che trên đầu Thái tử và tuôn xuống hai cơn mưa, một ấm một mát để tắm cho Thái tử. Các vị trời khác và Long thần thì hòa tấu nhạc, từ nơi hư không tung xuống đủ các loại hoa như Mạn-đà-la, Ưu-bát-la, Câu-mẫu-na, Bôn-nỗ-lí-ca và các thứ hương thơm như Trầm hương, Đàn hương, Mạt hương, Đa-ma-la hương cùng những y phục kỳ diệu... và nói kệ:

Khéo sinh Đại Mâu-ni

Tướng trang nghiêm trăm phước

Dứt hết bụi phiền não

Chứng quả Vô thượng giác

Thân viên mãn sáng trong

Phóng hào quang rực rỡ

Chiếu khắp cả thế gian

Phá trừ màn si ám.

Khi chư Thiên đọc bài kệ xong, có bốn vị quốc vương đều đồng loạt sinh Thái tử. Vua A-la-noa của nước Xá-vệ sinh một Thái tử, vua nghĩ: “Khi con ta sinh ra, thế giới thanh tịnh, an ổn, nên đặt tên Thái tử là Bạt-la-tỷ-năng-dụ-na.” Vua Ma-ha-bát-na ở thành Vương xá sinh một Thái tử, vua nghĩ: “Lúc con ta sinh ra, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp thế gian, nên đặt tên Thái tử là Vĩ-nhĩ-ta-la.” Vua Thiết-đa-nhĩ-ca ở thành Câu-thi-na sinh một Thái tử và nghĩ: “Lúc con ta sinh ra, thế giới sáng rực, trời đất trong trẻo nên đặt tên Thái tử là Ô-na-đã-năng.” Vua nước Ô-nhạ-nhĩ là A-nan-đa-nhĩ-thị-nỗ sinh được một Thái tử và nghĩ: “Con ta sinh ra lúc có ánh sáng lớn tỏa chiếu khắp, không còn chút u ám, nên đặt tên Thái tử là Bạt-la-lã-đa.” Bốn Thái tử ấy đều do sức cảm hóa của Bồ-tát mà sinh ra.

Cách thành Ca-tỳ-la không xa, có một ngọn núi lớn tên là Khẩn-sur-kiết-đà. Có một vị tiên tên A-tư-đà, thường ở nơi ấy tu hành phạm hạnh. Lúc đó cháu ngoại của vị tiên này tên là Năng-la-na theo xuất gia tu tập với Tiên nhân, vào lúc Bồ-tát giáng sinh, ánh sáng chiếu khắp, khiến Năng-la-na nghi sợ không biết thế nào, liền vào am hỏi thầy. Tiên nhân đáp:

- Nay ánh sáng ấy có màu hoàng kim, không nóng bức, nhẹ chiếu khắp ba cõi, đó là điềm lành báo có Phật giáng sinh.

Năng-la-na thưa:

- Nay con muốn đến đó để đánh lễ Bồ-tát.

Tiên nhân nói:

- Ngài có oai đức lớn, chung quanh Ngài luôn có chư Thiên, Long thần bảo hộ, nên không thể gặp được. Hãy đợi khi Phật đã nổi danh, trở về thành Ca-tỳ-la thì nơi đến đó sẽ được lợi ích lớn.

Lại nữa, khi Bồ-tát giáng sinh, có năm trăm voi trắng và với năm trăm người tùy tùng cũng được sinh ra. Kho báu trong đất tự nhiên hiện lên, trời rưới cam lộ. Các tiểu vương quốc đều đến chúc mừng. Vua Tịnh Phạn thấy Thái tử sinh ra có nhiều điềm lành, nên thầm nghĩ: “Con ta sinh ra có đầy đủ phước đức, thành tựu nhiều việc tốt đẹp.”, nên đặt danh hiệu Thái tử là Nhất Thiết Nghĩa Thành.

Ở thành Ca-tỳ-la có một vị thần Dạ-xoa tên là Xá-cá-phước-đà- năng, người nào mới sinh con cũng đều đem đến miếu thần để cầu thần che chở. Lúc ấy vua Tịnh Phạn cũng cho Thái tử ngồi xe tứ báu đến miếu lễ thần. Khi xe của Thái tử vừa đến sân miếu, thần Dạ-xoa vội ra nghinh tiếp, cung kính lạy trước xe. Vua thấy thế liền nói:

- Thiên thần đáng kính đã kính lễ Bồ-tát, vậy nên đặt hiệu Thái tử là Thiên tử.

Những người trong họ Thích tính tình cứng cỏi, khó điều phục nhưng thầy Thái tử thân tướng uy nghiêm, dung mạo đoan trang, hòa nhã, trời người đều trọng, nên tự hồi tâm bỏ tánh kiêu căng, tính tình trở nên nhu thuận, lặng im chiêm ngưỡng Thái tử, nhân đó vua đặt cho Ngài hiệu nữa là Tịch Mặc.

Lúc bấy giờ vua Tịnh Phạn căn dặn các cung nhân phải hết lòng nuôi dưỡng Thái tử cẩn thận, mọi việc ăn uống, tắm rửa phải luôn điều độ, y phục luôn trang nghiêm, không nên sơ sót. Khi Thái tử mới sinh, trời rưới mưa cam lộ, thầy tướng

xem tướng thấy Thái tử có đủ ba mươi hai tướng trượng phu, nếu ở tại gia sẽ là bậc Chuyển luân vương có bảy thứ báu: Kim luân, Bảo tượng, Bảo mã, ngọc Ma-ni báu, ngọc nữ, thần chủ kho báu và thần tướng báu; bảy thứ báu ấy luôn có đầy đủ và có một ngàn người con vây quanh Luân vương, thật hiếm thấy, nhà vua sẽ rất dũng mãnh có thể phá tan mọi thứ oan khiên.

Bấy giờ, vị tướng sư nói kệ:

Bánh xe vàng ngàn cãm

Guồng xe quay tít vòng

Bay khắp bốn phương trời

Khoảnh khắc về chỗ cũ

Voi báu thật tuyệt vời

Sắc lông ngời ánh tuyết

Dạo khắp Thiệm-bộ châu

Không nơi nào trở ngại.

Ngựa báu chân uy nghiêm

Cổ xanh đời ít thấy

Bay được trên hư không

Tới lui nhanh như gió.

Ngọc Ma-ni đẹp nhất

Chiếu sáng một do-tuần

Như trong đêm tối tăm

Giữa trời hiện trắng sáng.

Bảo nữ đời ít có

Rất đẹp lại đoan nghiêm

Hầu gần bên Luân vương

Biết được lòng vua nghĩ.

Chứa kho tàng uy đức

Chủ các báu trong đời

Ngọc quý trong lòng biển

Vua cần liền cho hiện.

Thần chủ binh sức mạnh

Điều khiển bốn bộ binh

Tượng, mã, bộ và xe

Đến đâu đều hàng phục.

Lúc ấy vua Tịnh Phạn hỏi thầy tướng:

- Ba mươi hai tướng tốt của Thái tử là những tướng nào?

Thầy tướng tâu:

- Ba mươi hai tướng tốt ấy là:

1. Dưới bàn chân của Thái tử có ngàn đường chỉ vòng tròn như những bánh xe và rất đều đặn.
2. Tay chân Thái tử mềm mại như hoa Đâu-la-miên.
3. Kẽ ngón tay, ngón chân của Thái tử giống như Nga vương, màng lưới sắc như vàng ròng.
4. Các ngón tay và ngón chân đều rất dài.
5. Gót chân và mu bàn chân tương xứng, cân đối.

6. Lòng bàn chân Thái tử bằng phẳng.
7. Các ngón chân, ngón tay thon nhỏ dần ở đầu ngón.
8. Hai cánh tay dài quá gối.
9. Nam căn ản tàng không nhìn thấy giống như long mã hoặc tượng vương.
10. Các lỗ chân lông đều có lông tơ xoắn màu xanh biếc.
11. Lông tóc ngay thẳng, thân thể sắc vàng nhìn vào thấy vui thích.
12. Da mịn màng, bụi nhơ không bám được.
13. Trên da có ánh sáng màu hoàng kim chiếu ra rất trang nghiêm khiến trời người đều yêu kính.
14. Lòng bàn tay, bàn chân, cổ và hai vai đều đầy đặn.
15. Vai cổ đều đẹp đẽ.
16. Dưới hai nách đầy đặn.
17. Khuôn mặt vô cùng đoan nghiêm.
18. Thân tướng cao lớn, trang nghiêm hơn hẳn trời người.
19. Thân tướng vòng quanh người đều tròn đầy.
20. Nửa thân trên, bộ ngực oai nghiêm như sư tử.
21. Thân có ánh sáng chiếu xa một tầm.
22. Có đủ bốn mươi cái răng, bằng đều, trắng sạch như tuyết, kín khít và bền chắc.
23. Có bốn răng cửa trắng, sắc.
24. Tất cả thức ăn khi ăn vào luôn biến thành thượng vị, yết hầu tiết ra dịch nên nuốt dễ dàng, thường không bệnh, thân tâm vui vẻ.
25. Lưỡi rộng, sạch, dài có thể đưa ra phủ đến mí tóc.

26. Tiếng nói lớn, âm vang như tiếng trống trời nhưng hòa nhã, nhu nhuyễn như tiếng chim Ca-lăng-tần-già.

27. Long mi thuần xanh biếc như Ngưu vương.

28. Đôi ngươi mắt xanh biếc, phân biệt với tròng trắng một cách rõ ràng.

29. Mặt Thái tử đầy đặn như mặt trăng tròn.

30. Long mi dài và cong như chiếc cung của vua trời.

31. Giữa hai long mày có long trắng, cuốn vòng theo phía phải, mềm mại như hoa Đâu-la-miên, tỏa ra ánh sáng tinh hơn cả ánh sáng của tuyết.

32. Trên đỉnh đầu có nhục kế nhô cao như chiếc lọng trời.

Đó là ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại trượng phu. Thái tử đã tinh tấn tu tập phạm hạnh, giới hạnh và các thiện pháp trong vô số kiếp ở quá khứ liên tục không gián đoạn nên nay mới được tướng công đức lành ấy. Do vậy khi Thái tử sinh vào cung vua thì mọi thứ ẩm thực, ăn uống, y phục, giường nằm, voi ngựa, tất cả những đồ quý báu đều đầy đủ, quyền thuộc đông đảo, vương tộc luôn được nô tiếp không dứt, trong cõi trời người không ai bằng được. Nếu Thái tử không xuất gia thì năm ba mươi hai tuổi sẽ thành Kim luân vương.

Hoàng hậu Ma-ha Ma-da sinh Thái tử được bảy ngày thì lâm chung, sinh lên cung trời Đao-lợi, hưởng năm thứ vui thú. Thân tướng Thái tử đoan nghiêm khiến ai nhìn cũng sinh yêu kính, nếu như có người thợ vàng tài giỏi cũng không thể đúc được hình tượng tốt đẹp như hình tướng của Ngài. Thí như chư Thiên nơi cõi trời Bán-nỗ-ca-thạch có ánh sáng lớn chiếu rõ khắp chỗ, ánh sáng trên thân thể Bồ-tát vắng lặng thanh tịnh cũng như vậy. Lại như hoa sen nở ra trên nước, tỏa hương thơm ngát, tất cả loài hữu tình trông thấy đều yêu thích, thân tướng của Bồ-tát người nhìn sinh lòng cung kính cũng như vậy. Đôi mắt của Bồ-tát trong trẻo, sáng láng nhìn xa thấy được khoảng một do-tuần những sắc trần rất nhỏ, hơn cả mắt của chư Thiên, ngày đêm đều không khác. Thanh âm trong giọng nói của Bồ-tát trong trẻo, êm tai lạ lùng như tiếng của chim Ca-lăng-tần-già, lại cũng như loài chim trên núi Tuyết ăn các loài hoa nước, ăn đến say rồi hót lên những âm thanh hòa nhã ra sao thì tiếng của Bồ-tát cũng như vậy.

Bảy giờ, Tiên nhân Nãng-la-na thừa sư phụ A-tư-đà là mình muốn đến thành Ca-tỳ-la để tham bái Bồ-tát. Thấy trò liền vận thần thông cùng đến thành Ca-tỳ-la. Khi đến gần thành, vì uy đức của Bồ-tát nên thần thông của Tiên nhân không còn

hiệu nghiệm nữa, họ phải đi bộ đến cung vua Tịnh Phạn. Quan giữ cửa thành trông thấy liền tâu vua. Nhà vua vui mừng truyền lệnh đón vào cung, rồi mời ngồi lên tòa, cử nhạc, dọn tiệc thết đãi rất cung kính, rồi nhà vua hỏi Tiên nhân có điều gì mà thân hành đến đây. Tiên nhân A-tư-đà thưa:

- Nay tôi muốn gặp vị Nhất Thiết Nghĩa Thành Đại Mâu-ni sư.

Vua bảo Thái tử còn đang ngủ, xin chờ trong chốc lát. A-tư-đà chỉ xin vào giường để ngắm Thái tử. Lúc ấy Thái tử tuy ngủ nhưng đôi mắt vẫn mở, thấy thế Tiên nhân liền nói kệ:

Chư Thiên quan sát cảnh

Nhìn vật mắt không chớp

Bồ-tát trong giấc ngủ

Nhìn cảnh cũng như vậy.

Tiên nhân nói kệ xong thì cung nữ nhũ mẫu cũng bỗng Thái tử đến trước mặt. A-tư-đà nhìn kỹ dung mạo phi thường của Thái tử, liền hỏi nhà vua đã có vị tướng sư nào đến xem cho Thái tử chưa. Vua bảo có vị thầy tướng người Bà-la-môn xem và đoán là Thái tử nếu không xuất gia chắc chắn sẽ là Chuyển luân vương, nếu xuất gia thì sẽ trở thành Bạc Chánh Giác. Nghe xong Tiên nhân liền nói kệ:

Xưa thân lữ vương vòng ngoại đạo

Nay gặp phước đức Chuyển luân vương

Năng dứt phiền não chứng Bồ-đề

Nói pháp nhiệm mầu sâu như biển

Tướng tốt nhưng vẫn lìa ngôi báu

Thành Đại Mâu-ni cứu quần sinh

Cho nên tôi nay cung kính lễ

Xin được gần gũi dứt trần lao.

Nói kệ xong, Tiên nhân tự xem thọ mạng mình còn được bao lâu có thể gặp lúc Thái tử thành Phật không? Quán chiếu xong, thấy rằng năm hai mươi chín tuổi Thái tử sẽ rời hoàng cung vào núi xuất gia, sáu năm tu khổ hạnh trong rừng và sau đó sẽ giác ngộ pháp cam lộ, diệt trừ phiền não thành đạo Vô thượng, rồi xem lại mình thì thấy không thể sống đến lúc Thái tử đắc đạo được, nên buồn tủi, bật khóc nức nở. Lúc ấy vua Tịnh Phạn thấy Tiên nhân khóc lóc như vậy vô cùng kinh hoàng liền nói kệ:

Nếu người có con cái

Lòng yêu thương không đủ

Phước tướng đẹp như vậy

Nhìn ngắm luôn vui thích.

Tiên nhân thấy Thái tử

Vì sao lại khóc than ?

Con ta nếu sợ hãi

Sẽ chột sinh bệnh tật

Chưa biết là ý gì

Mau vì ta nói rõ.

Lúc ấy tiên A-tư-đà nghe xong bài kệ liền nói với vua:

- Không lâu nữa Thái tử sẽ thành Bạc Chánh Giác, đâu có gì phải lo sợ! Giả sử từ hư không tuôn xuống đầy các hạt kim cương và ngọc báu cũng không làm tổn hại đến một sợi lông của Bồ-tát. Gió lớn, lửa dữ, thuốc độc, đao kiếm, cung tên đầy khắp trời đất cũng không thể xâm phạm Ngài được, cho tới loài rồng độc ác, các loài thú hung dữ cũng không làm hại được Ngài, bởi vì trong quá khứ Thái tử đã tu hạnh từ bi, không bao giờ rời xa chúng sinh khiến mọi loài hữu tình luôn được yên ổn. vả lại, trong không trung luôn có các vị Đế Thích và Tứ Thiên vương ủng hộ, giữ gìn, nên Thái tử đâu có gì phải lo sợ Nay tôi buồn khóc là vì thấy mình đã quá già, nay mai sẽ qua đời, không thể được dự nghe Đức Phật thuyết diệu pháp sau này. Chính vì không có phần lợi ích ấy nên tôi mới tủi thân than khóc. Xin vua đừng lo âu.

Lúc ấy Tiên nhân A-tư-đà lại nghĩ: “Ta vốn có thần thông, nhưng do uy lực của Bồ-tát chế phục, không thể hiện ra được nên đã đi bộ vào hoàng cung, nay nếu lại đi bộ ra khỏi thành, không khỏi khiến chúng hữu tình sinh tâm kiêu mạn cho rằng bậc đại tiên mà phải đi bộ mãi như thế.” Nghĩ thế rồi, Tiên nhân bèn tâu với vua Tịnh Phạn:

- Nay tôi già từ nhà vua, xin nhà vua cho sửa sang đường xá từ trong thành dẫn ra ngoài thành.

Vua Tịnh Phạn liền sai quan quân tu sửa đường sá sạch sẽ, rưới nước bạch đàn hương lên đường, treo tràng phan, dây báu, đốt hương theo lối đi rồi nhà vua cùng các quan, các vị trưởng giả, cư sĩ cùng vây quanh cung kính tiễn đưa Tiên nhân ra thành. A-tư-đà được vua tiễn ra ngoài thành rồi liền đi thẳng về núi Chi-sắc-kế-đà, sau đây nỗ lực tu tập thiền định, chẳng bao lâu phục hồi thần thông như trước, thân thể nếu có bệnh thì chỉ dùng thức ăn và ít hoa quả là hết bệnh.

Một hôm, người đệ tử thưa với thầy:

- Con xuất gia tu hành là vì muốn cầu pháp cam lộ giải thoát. Nay thầy đã chứng được, xin thầy truyền cho con.

Vị thầy nói:

- Ta tu hành đã lâu mà vẫn chưa nếm được vị cam lộ, làm thế nào truyền cho người được? Thái tử Tát-đạt-đa con vua Tịnh Phạn sẽ thành Bạc Chánh Giác có được pháp vị chân cam lộ, người nào xuất gia theo Ngài tịnh tu phạm hạnh, không phân biệt đẳng cấp, bỉ thử, ngã nhân, thì sẽ đắc đạo vô vi.

Lúc đó Tiên nhân A-tư-đà lại nói kệ:

Ta tu nơi núi này

Theo con đường phạm hạnh

Tuy có được thần thông

Nhưng chưa nếm cam lộ,

Tự biết thân vô thường

Luôn ở trong sinh diệt

Hòa hợp những tướng giả

Đó là pháp vô thường.

Tiên nhân nói kệ xong, Năng-la-na cảm động trước lời dạy của thầy, nên lễ bái và cúng dường thầy rồi xin đi sang nước Ba-la-nại để gặp năm trăm vị Ma-noa-phược-ca Bà-la-môn học Vi-đà kinh. Một thời gian sau, biết đây không phải là đạo rốt ráo, không thể thân cận được nên Tiên nhân bèn đến chỗ Phật mong được nghe được yếu chỉ Phật pháp. Thuở ấy Năng-la-na có họ là Ca-đa, dùng họ làm tên, khi được Phật khai thị cho những yếu chỉ của Phật pháp thì đạt được niềm vui của sự tịch diệt nên lại có tên là Đại Ca-đa.

Lại nói về Thái tử đang nằm trong lòng nhũ mẫu, cầm bình vàng đựng thức ăn, ăn xong, nhũ mẫu liền thu dọn bình ấy, nhưng bình quá nặng nên không sao nhấc lên được. Nhũ mẫu liền báo việc này lên vua, vua sai nhiều cung nhân và cùng họ đến nhấc thì bình ấy càng nặng thêm, đến nỗi nhà vua cho một con voi thật lớn đến nhấc cũng không làm cho bình nhúc nhích được chút nào. Vì sao? Đó là do thần lực của Bô-tát: Người đưa một ngón tay trái giữ lấy chiếc bình vàng kia, khiến con voi dù cố hết sức cũng không lay chuyển được chiếc bình. Lúc ấy vua Tịnh Phạn suy nghĩ: “Nếu Bô-tát dùng hai ngón tay để giữ chiếc bình thì đâu cả trăm con voi lớn cũng không sao nhấc lên được, bởi vì Bô-tát có sức mạnh của ngàn thớt voi. Nếu có những đồng tử muốn đùa giỡn đấu sức với Bô-tát thì thật chẳng khác gì đem sức của loài vẹt trời sánh với lực của Ngõng chúa.”

Khi Bô-tát cùng năm trăm quyến thuộc nơi cung cấm bắt đầu đi học, đến trường đọc sách, vị thầy giáo đưa một cuốn sách cho Thái tử đọc. Thái tử nói:

- Sách này con đã biết rõ rồi!

Người thầy đưa một cuốn sách khác, Thái tử cũng bảo là đã thông suốt. Người thầy lại đưa cho Thái tử năm trăm loại sách khác, Thái tử cũng bảo là đã đọc hiểu hết cả, xin hãy cho đọc sách khác. Vị thầy nói:

- Trong thế gian này chỉ có năm trăm loại sách ấy thôi, ngoài ra tôi không biết còn có những loại sách nào nữa.

Khi đó Thái tử liền đặt bút tự viết một cuốn sách, rồi đưa cho vị thầy đọc, vị thầy thú nhận là xưa nay mình chưa từng thấy sách ấy, Thái tử bảo đó là sách của Phạm thiên. Bấy giờ Phạm thiên biết Bạc Luân vương kia muốn mình đọc tụng sách ấy, bèn dùng Phạm âm vi diệu để tụng đọc, rồi vị Đại Phạm thiên từ hư không lớn tiếng nói:

- Sách đó đúng là sách của Phạm thiên.

Vị thầy dạy nghe thế càng thêm tin tưởng lời của Thái tử. Thuở ấy, bên ngoài của Thái tử có hai vị danh sư giỏi nghề bắn cung, tên là Ta-nại-lê và Ta-hạ-nhĩ-phước có đến năm trăm người theo học. Hai danh sư ấy bàn luận với nhau:

-Đề-bà-đạt-đa tính tình thô bạo, hay ganh tỵ, nếu truyền nghề cho ông ta thì có thể gây nhiều tai hại. Thái tử Tất-đạt-đa thì từ bi, thông tuệ, hay thương xót chúng sinh vậy chúng ta nên truyền dạy cho Thái tử.

Nghề bắn cung có năm loại: Một là bắn xa, tức là đứng từ rất xa mà bắn. Hai là nghe tiếng mà bắn, tức là bắn theo tiếng kêu của con vật. Ba là theo ý mà bắn trúng mục tiêu. Bốn là bắn gần mục tiêu, tức những mũi tên cách xa nhau. Năm là bắn đứt vật, tức là vật bị bắn sẽ bị xuyên đứt. Thái tử đã lâu thông năm cách bắn.

Bấy giờ, ở thành Tỳ-xá-ly có một con voi lớn, hình tướng đoan chánh, có sức mạnh vô cùng. Dân chúng thành ấy cùng nhau bàn luận: Vua Tịnh Phạn ở thành Ca-tỳ-la có một vị Thái tử tên là Tất-đạt-đa, thầy tướng đoán là sẽ lên ngôi Chuyển luân vương, vậy chúng ta sẽ đem voi này hiến dâng cho Thái tử.” Mọi người đều bằng lòng, bèn dùng những châu báu trang sức cho voi rồi đưa voi đến thành Ca-tỳ-la. Khi đến vương cung thì gặp Đề-bà-đạt-đa. Đề-bà vừa bước ra cửa thành thấy con voi liền hỏi:

- Voi này từ đâu đưa đến?

Quan gác cổng thưa:

- Voi này là của dân thành Tỳ-xá-ly vì biết Thái tử Tất-đạt-đa sẽ lên ngôi Chuyển luân vương nên đem đến dâng cho Thái tử.

Đề-bà-đạt-đa nghe xong, lòng ganh ghét nổi lên liền nói:

- Tất-đạt-đa sao được lên ngôi?

Nói rồi ông ta liền dùng gậy đánh chết voi. Khi ấy Nan-đà thấy xác voi và biết bị Đề-bà đánh chết, trong cơn phẫn nộ muốn thi thố sức mạnh của mình nên liền cầm đuôi xác voi ném ra ngoài bảy thước. Lúc ấy Thái tử Tất-đạt-đa đến nơi thấy xác voi không còn ở chỗ cũ biết là do Nan-đà muốn biểu diễn sức mạnh của mình, Thái tử bèn một tay cầm đuôi xác voi ném tung lên không, cao hơn bảy tầng thành, chẳng khác nào ném một hòn đất. Vị sứ giả của thành Tỳ-xá-ly đến hiến voi, trông thấy uy lực của Thái tử Tất-đạt-đa như thế bèn nói kệ:

Chúng tôi đem voi đến

Để hiến cho Luân vương

Gặp phải kẻ hung ác

Đã giết chết voi đi.

Nan-đà cầm đuôi voi

Ném xa ngoài bảy thước

Bò-tát sức oai thần

Ném voi như ném đất.

---o0o---

Quyển 04

Bây giờ Đê-bà-đạt-đa cầm cung tên ra khỏi thành Ca-tỳ-la để tập bắn, Thái tử Tất-đạt-đa biết điều ấy, nên cùng với năm trăm quyền thuộc cũng cầm cung tên ra khỏi thành. Đến nơi, Đê-bà từ xe nhắm bắn một thân cây, trúng tên cây đổ ngay. Thái tử cũng nhắm bắn một cây, cây tuy bị trúng tên đứt làm đôi nhưng vẫn đứng yên. Đê-bà-đạt-đa thấy thế hỏi Thái tử:

- Tôi nghe Ngài đã hiểu thông năm thế bắn, nhưng sao bắn cây ấy lại không trúng?

Đê-bà vừa nói xong thì một trận gió nổi lên và cây bị bắn trúng ấy liền đổ xuống, khiến ông ta rất kinh ngạc. Đó là do vị vua trời Đế Thích suy nghĩ: “Nay ta phải làm hiển lộ thần lực của Bò-tát, nếu không thì làm sao chúng sinh biết là Bò-tát có khả năng thông đạt tất cả mọi việc”, nên làm ra trận gió ấy.

Lúc ấy Thái tử liền cho xếp bảy cây Bồ-đà-la, bảy chiếc trống sắt và bảy chiếc thừng sắt và bảo mọi người bắn. Đê-bà-đạt-đa bắn thừng cây gỗ thứ nhứt Nan-đà bắn xuyên đến cây thứ hai, còn Thái tử Tất-đạt-đa thì bắn xuyên thừng cả bảy cây gỗ, bảy chiếc trống sắt và bảy chiếc thừng sắt, mũi tên của Thái tử còn xuyên đến cung điện của Long vương. Long vương trông thấy mũi tên của Bò-tát bắn bèn nhặt chiếc tên ấy đem cắm ở phía trên dòng suối làm vọt nước ra. Những người

Bà-la-môn, cư sĩ có tín tâm liền xây tháp nơi đó để cúng dường, những vị Tỳ-kheo thường đến chiêm bái.

Sau cuộc thi bắn, Thái tử lên xe trở về cung. Khi đó có vị tướng sư đoán đến năm mười hai tuổi, nếu Thái tử không xuất gia thì sẽ là vị Chuyển luân vương cai trị bốn châu, có ngàn người con vây quanh. Tịnh Phạn vương nghe thế rất vui mừng, bèn báo tin cho các quan biết. Một vị đại thần tâu:

-Nếu bệ hạ muốn Thái tử nối ngôi Luân vương thì nên gấp truyền chọn một người trong số các thực nữ của công khanh, đại thần, quan liêu cho đến cả dân chúng để cưới cho Thái tử. Và cần phải cho xây cất đền đài nguy nga, trang trí vô số châu báu, may các loại y phục tuyệt đẹp, chọn ngày lành rồi truyền Thái tử ngồi nơi tòa sư tử, những người con gái xinh đẹp của các quan lại hoặc của các cư sĩ, trưởng giả đều phải đến cung, nếu có cô nào hiền thực, giàu phước đức được Thái tử ưng ý tặng những vật báu thì sẽ chọn làm phu nhân.

Vua y theo lời tâu ấy. Đến ngày đã chọn, vua bảo Thái tử lên điện ngồi nơi tòa sư tử, truyền cho các thiếu nữ đi vào dự hội. Lúc ấy có người con gái tên là Da-du-đà-la không muốn đến dự hội. Người cha hỏi vì sao, nàng đáp rằng:

- Nhà ta đâu có thiếu châu báu, lụa là... sao lại phải đến cung vua xin ân tứ?

Người cha nói:

- Con đến vương cung là nhằm để được Thái tử chọn cưới làm vợ, chứ đâu phải chỉ để nhận các tặng vật?

Nghe thế, Da-du-đà-la ấy mới sửa soạn y phục đẹp đẽ, trang điểm bằng những món trang sức quý giá đi đến dự hội.

Thái tử thấy Da-du-đà-la có phước tướng hơn hẳn các cô khác, thân tướng tươi sáng, lòng rất vui mừng, bèn bước xuống khỏi tòa, theo đúng lễ nghi truyền thống chào nhau rồi trở về chỗ ngồi, chấp tay một cách trang nghiêm cung kính. Thấy thế các quan tâu với vua là nàng thiếu nữ ấy có nhiều tướng tốt, phước đức sâu dày, rất hợp là phu nhân của Thái tử. Vua liền truyền cho hai vạn cô gái cùng hộ tống Da-du-đà-la vào cung.

Lúc bấy giờ ở cách thành Ca-tỳ-la không xa, có một con sông lớn tên là Lỗ-hạ-ca. Bên bờ sông có một cây to tên là Sa-la-ca-ly-nỗ, mọc lên cùng lúc với Thái tử sinh ra, chẳng mấy chốc mà cao trăm thước. Vào lúc mặt trời chưa lên thì thân cây rất mềm, dùng móng tay bấm cũng thủng, nhưng khi mặt trời lên rồi thì búa bở

không vô, lửa đốt không cháy, do nước sông ngấm vào bờ, dần dần làm mục rễ cây, khiến cây đổ ngang dòng sông, làm cho nước ở hạ lưu cạn đi. Vua Tô-bát-la-một-đà biết là cây đã làm cho nước sông tắc nghẽn, người trong nước không có nước dùng, liền sai sứ giả đến thưa với vua Tịnh Phạn việc đó và ngỏ ý nhờ Thái tử dùng thần lực dẹp bỏ cây ngăn dòng sông kia. Vua Tịnh Phạn yên lặng không trả lời, vua muốn Thái tử đến tận nơi rồi tự ý hành động chứ vua không trực tiếp sai Thái tử đi. Có vị đại thần tên Thượng-na ngầm biết ý vua nên nói với Thái tử:

- Ở gần con sông Lỗ-hạ-ca có hoa viên, trong ấy có nhiều hoa cỏ quý, lầu gác đẹp đẽ rất đáng đến du ngoạn.

Thái tử nghe nói liền cùng với quyền thuộc, quan lại rời khỏi thành Ca-tỳ-la đến hoa viên vui chơi. Lúc ấy Đê-bà-đạt-đa thấy một con nhạn bay ngang trên không, liền giương cung bắn, nhạn rơi ngang trước mặt Thái tử. Thái tử thương xót nhặt nhạn lên, rút mũi tên rồi thả cho nhạn bay đi. Đê-bà sai người đến bắt nhạn, Thái tử bảo:

- Ta đã phát Bồ-đề tâm, thực hành hạnh từ bi làm lợi ích cho hữu tình khiến mọi loài thoát khổ, cho nên đã cứu nhạn, vậy ông hãy bỏ qua đừng giận hờn.

Đê-bà-đạt-đa nghe nói thế, lặng thinh, nhưng tỏ vẻ không vui. Bấy giờ vua Tô-bát-la-một-đà biết Thái tử đang có mặt tại hoa viên gần sông, liền sai dân chúng đến bờ sông kéo cây lên khỏi dòng, tiếng hò la vang dậy. Nghe tiếng reo, Thái tử liền hỏi những người chung quanh, các quan tâu:

- Đó là dân chúng của vua Tô-bát-la-một-đà sai đến kéo thân cây ngã ngăn dòng sông.

Thái tử nói:

- Để ta đến đó xem.

Cách bờ sông không xa, có một cái hang, là nơi cư trú của một con độc long. Khi Thái tử đi đến, độc long liền bò ra khỏi hang. Mọi người sợ nó làm hại Thái tử, liền dùng kiếm giết chết rồng độc, khí độc của nó nếu ai nhiễm phải thì toàn thân tím đen, do đó có tên Ca-lộ-na-di (*người có da đen*). Thái tử đến bờ sông, bảo Đê-bà-đạt-đa kéo cây lên trước, Đê-bà dùng hết sức kéo nhưng cây vẫn không nhúc nhích. Rồi đến Nan-đà dốc hết toàn lực, cũng chỉ nhấc cây lên được một chút. Thái tử bèn dùng sức mình bẻ cây làm hai đoạn, ném qua hai bên bờ sông mỗi bên một đoạn, rồi nói với mọi người:

- Cây này là một loại thuốc rất quý, lửa không thể đốt được. Người nào mắc bệnh ghẻ lở, sung phù, dùng nó bôi lên sẽ khỏi, mọi người hãy nhớ lấy!

Nói xong, Thái tử lên xe trở về thành. Có vị tướng sư xem tướng Thái tử và nói:

- Nếu trong bảy năm nữa mà Thái tử không xuất gia thì sẽ lên ngôi Chuyển luân vương.

Thái tử vừa về đến vương cung, có người con gái tên là Ngu-nhàn-ca, con của một người dòng họ Thích tên Già-trá-nghi-ly đang đứng nơi lầu cao, chợt thấy Thái tử thân tướng đoan nghiêm nên sinh tâm kính yêu. Thái tử thấy nàng ấy liền báo dừng xe lại, quay đầu nhìn lên, tay cầm cung tên bỗng rơi xuống đất. Mọi người thấy nàng thiếu nữ ấy có nhiều phúc tướng nên đều cho rằng nàng ta có thể hầu cận Thái tử được. Vua cha biết việc đó liền sai hai vạn thể nữ đến hộ tống Ngu-nhàn-ca vào cung.

Sau khi lập vương phi, Thái tử muốn đi ra ngoài thành dạo chơi, bèn bảo người phu xe chuẩn bị xe ngựa san sàng. Người phu xe tên A-nga-đa¹ vâng lệnh đem xe đến trước Thái tử, Thái tử lên xe ra dạo chơi ngoài thành. Bỗng Thái tử thấy một người già da nhăn tóc bạc, chống gậy rên rỉ, lê bước phía trước xe, rất ghen ngào liền hỏi A-nga-đa:

- Người đó là người gì vậy?

A-nga-đa thưa:

- Đó là người già.

Thái tử hỏi tiếp:

- Sao gọi là người già?

Người phu xe tâu:

- Thân thể giả tạo, không gì chắc chắn, bốn tướng thay đổi, sáu căn mờ ám, đứng ngồi khó khăn, nên phải chống gậy nên gọi là già.

Thái tử hỏi:

- Người có khỏi già không?

Người phu xe đáp:

- Thần làm sao có thể tránh khỏi được.

Thái tử gặng hỏi tiếp:

- Vậy ta có khỏi già không?

Người đánh xe thưa:

- Giàu nghèo tuy có khác nhưng thân thể đều giả tạo như nhau, ngày tháng trôi qua, không người nào có thể tránh khỏi tuổi già.

Nghe thế Thái tử không vui, về cung suy nghĩ: “Tứ đại là giả hợp, ngũ uẩn không thật, vừa tuổi trẻ đầy bỗng thành người già. Thật đáng thương!” Vua Tịnh Phạn hỏi A-nga-đa:

- Thái tử ra thành đi dạo có gặp chuyện gì không?

A-nga-đa tâu:

- Thái tử ra ngoài thành gặp một người già, tóc bạc da nhăn...và kể lại mọi chuyện.

Nghe chuyện này vua nhớ lại lời đoán của thầy tướng là Thái tử nhất định sẽ xuất gia tu hành, nhưng vua lại nghĩ rằng Thái tử nay ở trong cung hưởng đủ các sự sung sướng, chắc hẳn lòng sẽ say đắm mà bỏ ý xuất gia. Vua nghĩ như thế rồi đọc bài kệ:

Ta nghe thầy tướng đoán Thái tử

Sợ sau lìa ngôi mà xuất gia

Nay đem ngữ dục để ràng buộc

Say đắm chắc chịu nổi ngôi trời.

Lần thứ hai, Thái tử cũng bảo A-nga-đa sửa soạn xe cho Ngài ra ngoài thành du ngoạn. Lần này, trên đường đi Thái tử thấy một người bệnh thân thể gầy còm, tinh thần suy nhược. Trong lòng ngạc nhiên Thái tử hỏi người đánh xe:

- Đó là người gì vậy?

Người đánh xe thưa:

- Đó là người bệnh.

Thái tử liền hỏi:

- Sao gọi là bệnh?

Xa-nặc thưa:

- Thân tứ đại không hòa hợp được thì sinh ra bệnh, hình dung gầy xấu, trong lòng không yên, nên gọi là bệnh.

Hỏi:

- Người có khỏi bệnh không?

Thưa:

- Không sao tránh khỏi.

Thái tử lại hỏi:

- Người đã không tránh khỏi vậy, Ta cũng không sao tránh khỏi bệnh phải không?

Thưa:

- Thái tử cũng có tâm thân giả ảo thì làm sao tránh khỏi bệnh!

Về đến cung, Thái tử lại suy nghĩ: “Thân giả hợp này là nơi tập hợp mọi thứ bệnh, thế mà chúng sinh không biết, thật là đáng thương!

Lần này vua cũng hỏi như lần trước và A-nga-đa cũng tâu trình mọi việc đầy đủ. Vua nghe tâu xong sợ Thái tử sẽ xuất gia, nên truyền trong cung hãy dùng mọi thứ vui để phục vụ Thái tử và nói kệ:

Sắc, thanh, hương, vị, xúc diệu kỳ

Thỏa tình Thái tử chốn thâm cung

Mong con buộc ràng trong hoan lạc

Bỏ chỉ xuất gia cầu Chánh giác.

Lần thứ ba, Thái tử lại muốn đi ra ngoài thành để dạo xem, A-nga-đa lại đưa Thái tử đi. Lần này Thái tử thấy một xác chết, thân khí đều đã tuyệt, giống như gạch ngói, đất đá không còn tri giác, chung quanh có thân tộc kẻ nam người nữ đang than khóc. Thái tử liền hỏi A-nga-đa:

- Đó là người gì?

A-nga-đa đáp:

- Đó là người chết.

Hỏi:

- Sao gọi là chết?

Người đánh xe thưa:

- Thân thể hữu vi này dù thọ mạng dài hay ngắn, tới khi lẽ vô thường đến thì cũng phải vĩnh biệt người thân, như thế gọi là chết.

Hỏi:

- Vậy thì người có chết không?

Người phu xe thưa:

- Thưa Thái tử, thân rồi cũng sẽ chết.

Thái tử hỏi:

- Còn Ta, có thoát khỏi việc đó chăng?

A-nga-đa đáp:

- Thưa Thái tử, luật vô thường đâu có chừa ai, thân Ngài rồi cũng như thế.

Nghe xong lời A-nga-đa, Thái tử không vui, bảo đánh xe quay về. Về đến cung, Thái tử luôn nghĩ đến lẽ vô thường, Ngài thấy rõ từ con người cho đến các vị trời cõi sắc, Vô sắc, Phi tướng Phi phi tướng xú không ai tránh khỏi nó được nên buồn bã thương xót cho chúng sinh. Lần này, vua Tịnh Phạn cũng hỏi xem Thái tử

gặp những gì trong chuyến dạo chơi ngoài thành và A-nga-đa đã tâu lại việc Thái tử trông thấy người chết. Vua suy nghĩ nhớ lời tiên đoán của thầy tướng Bà-la-môn, liền truyền lệnh cho nội cung dùng mọi thú vui làm cho Thái tử vui buồn mà bỏ chí xuất gia. Vua lại nói bài kệ:

Ta dùng ngũ dục và giàu sang

Làm cho Thái tử khỏi buồn phiền

Sẽ quên chí hướng cầu xuất thế

Thuận lên ngôi cao quý Luân vương.

Lần thứ tư, Thái tử cũng lại muốn đi ra ngoài thành du ngoạn và sai A-nga-đa trang hoàng xe ngựa như những lần trước. A-nga-đa vâng lời, rồi đánh xe đến đưa Thái tử ra đi. Bây giờ vua trời Đâu-suất biết Thái tử ra dạo chơi ngoài thành, liền nghĩ cách trợ duyên xuất gia cho Thái tử. Vua trời liền hóa ra vị Sa-môn tay cầm bình bát khất thực, đứng trước xe của Thái tử. Thái tử trông thấy, hỏi người đánh xe:

Đó là người nào vậy?

A-nga-đa đáp:

- Đó là một người xuất gia.

Hỏi:

- Thế nào là người xuất gia?

Thưa:

- Người ấy hiểu rõ lý sinh tử, phát thệ nguyện dứt luân hồi, tu đạo Bồ-đề cầu quả giải thoát, cạo bỏ râu tóc, thân mặc pháp phục, tâm hồn lặng yên trong sáng, đó là người xuất gia.

Thái tử nghe xong, vui mừng bèn xuống xe hỏi vị Bí-sô:

- Thưa Ngài, xuất gia có những lợi ích gì?

Vị Bí-sô ấy đáp:

- Người xuất gia lìa bỏ người thân, không say đắm vinh hoa, thường tu phạm hạnh, một lòng giữ gìn giới luật, bỏ hết mọi lo phiền của cuộc đời, giữ gìn các căn để vọng niệm không phát sinh, nuôi lớn hạnh lành, tu tập tinh tấn như thế nên gọi là người xuất gia.

Thái tử nghe xong lòng vô cùng vui mừng, khen ngợi vị Bí-sô:

- Lành thay! Ngài đưng là bậc Trưởng phu, trong cuộc đời ô trược này mà khéo điều phục thân tâm, siêng năng tu tập, thật là chân xuất gia, thật là chân thiện hữu!

Nói xong Thái tử cung kính đánh lễ vị Sa-môn rồi lên xe trở về. Đến hoàng cung Thái tử luôn nghĩ tới lý tưởng xuất gia, hạnh thật cao siêu, lý thật sâu xa, nên sinh ra nhàm chán, muốn lìa bỏ cuộc sông nơi cung vua mà cầu đạo giải thoát. Vua Tịnh Phạn lại đến hỏi A-nga-đa:

- Trong chuyến dạo chơi lần này Thái tử gặp những gì? Tâm ý được vui thích không?

A-nga-đa tâu kể lại mọi chuyện đầy đủ, vua nghe xong suy nghĩ: “Thầy tướng bảo Thái tử nếu không xuất gia sẽ là Chuyển luân vương, nay ta phải nghĩ cách làm cho Thái tử từ bỏ ý muốn xuất gia”, liền nói với Thái tử:

- Vùng Ca-lý-sa-ca là trọng địa của đất nước, nay con hãy thay ta đến đó để vỗ về nhân dân, để mọi người được an vui.

Thái tử nghe nói không vui, ngày đêm tìm cách xuất gia nhưng chưa được, phải theo lời vua cha đi đến vùng Ca-lý-ca-sa. Đi chừng nửa đường thì gặp năm vị thần giữ kho báu từ đất vọt lên, thưa với Thái tử:

- Tất cả kho báu này là của Bô-tát, xin Bô-tát nhận cho.

Thái tử đáp:

- Những kho báu ấy là do các thứ châu báu tập hợp lại, chúng hữu tình luôn tham đắm, nhưng ta thì không ham thích.

Các vị thần ấy biết Thái tử không nhận các báu vật nên cùng đồng loạt đi vào biển cả. Thái tử tiếp tục cất bước đi đến vùng đất Ca-lý-ca-sa, thân dân chúng đang cày bừa trên đồng, thân thể lam lũ, áo quần rách rưới, đói khát khổ cực, chịu bao nỗi khổ đau trói buộc. Thái tử xót xa hỏi các kẻ theo hầu, được-họ cho biết đó là

những nông nô của Ngài. Thái tử bèn truyền để cho họ làm theo ý muốn, các quan không nên bó buộc họ. Ra lệnh xong, Thái tử đến dưới bóng cây Diêm-phù ngồi kiết già tham thiền, quan lại và tất cả mọi người đều đến đứng vây quanh chỗ Thái tử ngồi.

Bảy giờ vua cha thấy Thái tử đi lâu mà chưa thấy về, liền truyền chuẩn bị ngựa xe thân hành đến chỗ Thái tử. Đến nơi, vua trông thấy Thái tử đang ngồi nhập định dưới bóng cây, lúc ấy ánh sáng mặt trời đã di chuyển mà bóng cây vẫn y nguyên chỗ cũ để che cho Thái tử. Thấy thế vua liền khen:

- Lành thay! Bậc trượng phu nhiều uy đức, thật là hiếm thấy, mặt trời di chuyển mà bóng cây vẫn không dời.

Nói xong, vua cúi đầu đánh lễ và nói kệ:

Lành thay đại trượng phu

Thế gian thật ít có

Khi sinh rực hào quang

Khắp đại địa rung chuyển.

Nay dưới cội Diêm-phù

Nắng chuyển, bóng không dời

Mọi người đều trông thấy

Ta thành kính nghiêng mình.

Sau khi xuất định, Thái tử lên xe về thành. Lúc ngang qua rừng Thi-đà, thấy những người chết nằm trong rừng thân thể lỏa lồ, thịt xương rữa thối, Thái tử càng thấm thía về nỗi khổ của thế gian. Khi nhà vua và Thái tử vào thành, có một vị tướng sư nhìn thấy uy đức của Thái tử thật phi thường, liền tâu vua:

- Trong vòng bảy ngày nữa, nếu Thái tử không xuất gia thì nhất định sẽ lên ngôi Chuyển luân vương. Tiếp đó vị thầy tướng nói kệ:

Nay Đại vương nên biết

Thái tử Tất-đạt-đa

*Bảy ngày không xuất gia
Sẽ thành vua Chuyển luân
Cai trị bốn đại châu
Bảy báu giàu vô kể
Nếu thành Bạc Chánh Giác
Thuyết pháp độ chúng sinh.*

Vị tướng sư nói kệ xong, Thái tử tiếp tục lên xe vào cung. Lúc ấy có một cô gái tên Mật-lý-nga-nhạ, con của một người dòng họ Thích tên Ca-la-xoa-ma thấy Thái tử uy nghi đáng kính, liền đến trước mặt Thái tử mà ca ngợi:

*Cha được vui giải thoát
Mẹ cũng được như vậy
Sinh Ngài Tất-đạt-đa
Xin cùng được sánh đôi.
Sau thành Nhị Túc Tôn
Chứng Niết-bàn rốt ráo
Mười phương đều nghe danh
Tôi nay xin kính lễ.*

Thái tử nghe kệ xong lòng rất vui, liền lấy râu chuỗi bằng châu ngọc anh lạc quý giá choàng lên cổ cho thiếu nữ. Vua Tịnh Phạn thấy thế liền sai hai vạn cung nhân đến rước Mật-lý-nga-nhạ về cung. Thế là Thái tử có ba phu nhân: Da-du-đà-la, Ngu-nhàn-ca và Mật-lý-nga-nhạ cùng với sáu vạn cung nhân ngày đêm phục vụ Thái tử, nhưng Ngài vẫn không mê đắm, đêm ngày luôn nghĩ mọi phương cách để xuất gia. Biết thế, nên vua Tịnh Phạn bảo với ba vị vương đệ:

- Có thầy tướng Bà-la-môn đoán rằng nội trong bảy ngày nếu Thái tử không xuất gia thì sẽ lên ngôi Luân vương, vậy các vương đệ hãy giúp ta trong bảy ngày đêm cùng nhau ngăn chặn Thái tử.

Rồi vua còn ra lệnh cho dân chúng xây dựng bảy tầng thành, có hào sâu, cửa sắt, ở mỗi cửa đều treo đầy chuông, hé mở cửa thì chuông sẽ rung vang xa đến hơn một do-tuần. Bấy giờ Thái tử ở trong cung ngày đêm luôn có cung nữ múa hát làm vui, còn Tịnh Phạn vương thì ra lệnh cho các quan canh gác cẩn mật mọi nơi, lại sai bốn đội quân là tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh luôn tuần sát ở bốn cửa thành.

Lúc ấy vua Tịnh Phạn tự trấn giữ ở cửa thành phía Đông, vua Hộ Phạn ở cửa thành phía Nam, vua Bạch Phạn ở cửa Tây, vua Cam Lộ Phạn ở phía Bắc, các vua cùng các quan quân đêm không ngủ, chuyên tâm canh gác, lại truyền lệnh cho vị đại thần là Ma-hạ-năng-ma luôn túc trực tuần hành ở bốn cửa để thức tỉnh quan quân cho họ khỏi ngủ quên.

Ma-hạ-năng-ma đến cửa thành phía Đông hỏi:

- Ai ở nơi đây, hãy thức mà lo việc canh gác.

Tịnh Phạn vương bảo:

- Có ta đây!

Ma-hạ-năng-ma tâu:

- Tâu Đại vương, nếu luôn thức như thế thì không có gì sơ sót. Nói rồi đọc kệ:

Say ngã như người chết

Cũng giống kẻ mê man

Nếu ngăn được giấc ngủ

Sai sót không xảy đến.

Nói kệ xong, ông lại đi đến cửa Tây và cũng hỏi như trên. Hộ Phạn vương đáp:

- Ta chuyên tâm bảo vệ nơi đây.

Ma-hạ-năng-ma tâu:

- Tâu Đại vương, nếu không ngủ quên thì sẽ không sai sót.

Tiếp nói kệ:

Người ngủ giống như chết

Cần biết ngủ thì mê

Nếu ngăn giấc ngủ được

Không xảy ra sơ sót.

Nói xong, ông ta qua cửa Nam và cũng hỏi giống trước. Nơi đây gặp vua Bạch Phạn cũng đang thức điều quân canh gác. Ma-hạ-năng-ma cũng nói như trên và tiếp đọc kệ:

Say ngủ như uống rượu

Mê man vào cõi không

Sai sót liền sinh ra

Vậy nên gắng không ngủ.

---o0o---

Quyển 05

Bấy giờ Ma-hạ-năng-ma lại đến cửa thành phía Bắc lớn tiếng hỏi:

- Người nào ở đây thức mà canh gác?

Cam Lộ Phạn vương đáp:

- Ta đang thức ở đây.

Ma-hạ-năng-ma nói:

- Nếu thức lo canh gác thì sẽ không có sơ sót.

Nói xong liền nói kệ:

Sợ ngủ như leo núi

Như bơi trên sông biển

Cẩn thận phòng hiểm nguy

Bớt ngủ cũng như thế.

Ma-ha-năng-ma nói kệ xong bèn đi tuần đến các khu chợ, các con đường khác trong thành để nhắc nhở quan quân phải luôn thức để lo việc canh gác và nói kệ:

Phải làm theo đúng lệnh

Nói thật chớ dối trá

Nhà vua bậc tối thượng

Vẫn thức lo canh giữ.

Nói xong kệ thì trời cũng vừa sáng. Ma-ha-năng-ma đến tâu vua Tịnh Phạn:

Đã qua một ngày đêm, trong ngoài đều yên tịnh không có sai sót gì, xin bệ hạ ra lệnh quan quân đốc sức canh gác đủ bảy ngày đêm, cho đến khi Thái tử lên ngôi Chuyển luân.

Canh phòng như thế được sáu ngày đêm. Bảy giờ vua cõi trời Đao-lợi quan sát thấy Thái tử vẫn muốn xuất gia nên nói kệ:

Lành thay Đại Trượng Phu

Đáng Mâu-ni họ Thích

Sẽ lìa nơi cung ấm

Tìm đến nơi sơn dã

Hành trọn sáu Ba-la

Chứng Bậc Vô Thượng Trí

Cứ vớt mọi chúng sinh

Đều bước lên bờ giác.

Lúc ấy Thái tử đang vui với các cung tần, chợt nghĩ: “Ta nay có ba vợ, lại thêm sáu vạ thể nữ, nhưng không có con lại đi xuất gia, e chúng sinh cho rằng Thái tử Tất-đạt-đa không phải là bậc Trượng phu.” Vì nghĩ như thế, Thái tử liền cho Da-du thọ thai. Rồi vì các cung tần, Thái tử giảng nói về thuyết duyên sinh và sự luân hồi:

- Nếu không thấy được chân tâm thì không thể nào chấm dứt được sinh tử luân hồi, nên nếu còn gần gũi sống chung với nữ nhân thì chẳng khác nào đi trên lửa, sẽ gặp ngay sự đau khổ lớn, do đó mà lòng ta đã nhàm chán muốn được xa lìa.

Thái tử vừa nói xong những lời ấy thì một thể nữ miệng trào nước dãi, tay chân múa may, tóc tai rối loạn ngã ra bất tỉnh, khiến các cung tần rất sợ hãi. Thái tử thấy thế càng thêm thương xót, than thở:

- Khổ thay, sao hình ảnh cái chết vẫn xảy ra ở đây!

Và Ngài nói kệ:

Bông chốc biến hoại tướng ác sinh

Tay chân co giật miệng phun dãi

Thấy cảnh vô thường thân khổ đau

Ta nay quyết chí cầu giải thoát.

Nói kệ xong, Thái tử quan sát chúng sinh, thấy tất cả đều không có tướng chắc thật về ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, như vào rừng Thi-đà không có gì đáng yêu thích, như lội trong bùn lầy chỉ thêm dơ bẩn, như nuôi rắn độc chẳng có ích gì. Vạ vật hư ảo như ánh chớp, như giấc mộng, hoặc như bọt nước, bị vô minh che lấp mà chúng sinh không biết.

Khi ấy vua Tịnh Phạn nói về bốn giác mộng của Ngài vừa thấy.

Một là thấy vàng trắng đang đầy thì bị khuyết, hai là thấy mặt trời mới mọc bỗng lặn ở phương Đông, ba là mơ thấy nhiều người to lớn đến quỳ lạy, bốn là thấy mình vừa cười vừa khóc.

Công chúa Da-du-đà-la cũng nói về tám giác mộng của mình vừa trải qua. Một là thấy họ hàng ly tán, hai là thấy tòa ngai an lành bị hư hoại, ba là vàng ngọc đeo nơi tay bị vỡ và rơi khỏi tay, bốn là thấy răng rụng, năm là thấy mái tóc rối

loạn và xõa xuống, sáu là thấy đám mây kiết tường bay khỏi cung điện, bảy là thấy mặt trăng tròn bị nguyệt thực che, tám là thấy mặt trời mọc lên chưa cao bỗng lại lặn xuống ở phương Đông.

Thái tử thì nhớ đến năm giấc mộng của mình: Một là thấy sàng tòa vững như núi Tu-di nằm ngòì tự tại. Hai là thấy hai tay, tay trái đỡ biển Đông còn tay phải đỡ biển Tây, hai chân thả chìm xuống trên biển Nam. Ba là thấy cây cối hoa quả và các loại thảo dược mọc cao vút đưng tới trời. Bốn là thấy nhiều loại chim mình trắng đầu đen cùng nhiều loại chim nhỏ khác đủ màu đủ sắc từ bốn phương bay đến trước mặt, rồi hiện ra một màu lễ dưới chân Thái tử. Năm là thấy những tảng đá lớn nơi núi cao đi kinh hành, vừa đi vừa ngoái lại như trông chờ. Thái tử suy nghĩ những giấc mơ ấy báo hiệu chắc chắn Ngài sẽ xuất gia và chứng được quả đại Bồ-đề.

Công chúc Da-du-đà-la đem tám giấc mộng ấy nói với Thái tử và xin người đoán xem lành dữ thế nào. Thái tử bảo:

- Thấy thân tộc ly tán là dòng họ tạm xa nhau lúc đầu, nhưng sau lại đoàn tụ. Thấy tòa ngòì an lành bị hư đổ tức là tòa này vẫn còn y như xưa. Thấy vòng ngọc trên tay rơi xuống tức là thấy nó vẫn còn ở trên cánh tay nàng. Thấy rặng rưng tức là không có chiếc nào rưng cả. Thấy tóc rơi buông xõa là do từng thấy tóc xõa mà có. Thấy đám mây lành bay khỏi cung tức là điềm lành vì Ta vẫn ở trong cung. Thấy trăng bị ngăn che nhưng trăng vẫn ở trên trời, có gì ngăn che đâu. Thấy mặt trời mọc rồi lặn xuống trở lại vì lúc ấy là nửa đêm thì mặt trời đâu đã mọc. Vậy những giấc mộng đó đều là mộng lành không có gì phải lo ngại.

Nói rồi Thái tử tự nghĩ: “Tám giấc mộng ấy là điềm ứng với việc Ta sẽ xuất gia.” Ngài bèn nói với công chúa:

- Ta vì muốn giải thoát cho tất cả chúng sinh nên sẽ đi vào núi rừng với chí nguyện tìm cho được phương pháp giải thoát, Niết-bàn.

Da-du-đà-la nói:

- Như Thái tử có chí ấy thì thiếp xin nguyện đi theo.

Lúc ấy các vị Đê Thích và Phạm thiên thưa với Thái tử:

- Lành thay! Mau xa ngũ dục, rời khỏi cung điện, làm sáng tỏ chân tướng, chứng Nhất thiết trí.

Bồ-tát nói với Đế Thích:

- Nay Kiều-thi-ca, Ta ở trong cung như hổ trong hang, chung quanh Ta có bốn đạo binh canh giữ, các cửa trong cung đều khóa chặt, treo chuông cảnh giác canh gác nghiêm nhặt, làm thế nào mà ra được?

Vị trời Đế Thích nói với Bồ-tát:

- Hãy nhớ lại vô số kiếp trong quá khứ, Ngài đã tu tập với hạnh nguyện là muốn cứu khổ cho chúng sinh và giải thoát mọi loài trong thế gian.

Nói xong, bốn vị Đại thiên vương dùng thần lực khiến cho mọi việc không còn trở ngại. Đế Thích liền hóa ra một chiếc thang báu rồi bảo với vua Dạ-xoa là Ban-tức-ca:

- Hiện Bồ-tát ở trên lầu cao, ông nên dùng thang này đến nghinh tiếp Ngài.

Vua Dạ-xoa vâng lời làm theo. Bồ-tát xuống lầu, đi tìm Sang-na để truyền chuẩn bị ngựa tốt. Thấy Sang-na đang ngủ, liền nói kệ:

Lành thay! Sang-na, người mau dậy

Hãy thắng con ngựa Ca-tha-ca

Đưa Ta vào núi tu Phật đạo

Mong được chứng quả Vô thượng giác.

Sang-na tỉnh giấc ngồi dậy, chấp tay thưa Bồ-tát:

- Có việc gì gấp gáp mà nửa đêm Ngài lại bảo thần mau thắng ngựa để đi xa? Và lại trong cung không có giặc giã trộm cướp, cũng không có nạn nước lửa, sao phải vội vậy?

Bồ-tát nói:

Người trước giờ luôn ngoan ngoãn, nay sao có ý cưỡng lại ta?

Sang-na thưa:

- Giờ mới nửa đêm, trời còn tăm tối, con sợ có điều bất trắc mà đắc tội.

Bồ-tát không nói, yên lặng đi về hướng chuồng ngựa. Vị vua trời Đế Thích cầm đuốc dẫn đường cho Thái tử đi đến nơi, dắt con ngựa chúa ra. Ngựa có vẻ sợ hãi, hai chân giẫm xuống đất, Bồ-tát phải dùng đôi tay phước đức của mình vỗ lên đầu ngựa nói:

- Này Ca-tha-ca, người có duyên với Ta, nếu người đưa Ta đến Tuyết sơn tu hành, sau này Ta chứng được quả vô thượng Bồ-đề, truyền bá chánh pháp cứu độ chúng sinh, người sẽ được phước rất lớn.

Ca-tha-ca nghe lời nên ngoan ngoãn đứng yên. Khi đó có bốn vị Đại Thiên tử: Vị thứ nhất tên là Câu-la, vị thứ hai tên là Ô-ba-câu-la, vị thứ ba tên Ba-câu-nỗ, vị thứ tư tên Ba-la-nỗ-xá-phước-đế đến trước Bồ-tát chấp tay cung kính thưa:

- Hôm nay chúng tôi biết Bồ-tát xuất gia tu hạnh Bồ-đề, chúng tôi nguyện đi theo bảo vệ.

Bồ-tát hỏi:

- Các ông có đủ thân lực sao?

Vị Thiên vương thứ nhất nói:

- Có đất vững chắc đỡ Ngài đi.

Vị thứ hai nói:

- Đi biển thì có biển lớn sông dài đỡ Ngài đi.

Vị thứ ba thưa:

- Tất cả đồi núi đều giúp người đi.

Vị thứ tư thưa:

- Có đất lớn núi đồi và sông biển giúp Ngài ra đi mà không mệt mỏi.

Nghe thế, Bồ-tát dùng chân đặt nhẹ lên đất khiến đại địa chấn động. Bốn vị Thiên tử ấy sợ hãi, không ngờ Bồ-tát lại có uy lực lớn như thế, lo lắng làm thế nào để sám hối tạ lỗi với Bồ-tát.

Bấy giờ Sang-na thấy thần lực Bồ-tát như thể liền dắt ngựa đến trước Ngài. Các vị Thiên vương uy đức cùng với chư Long thần đều tỏ ra buồn bã vì sắp phải xa rời Bồ-tát, khóc lóc làm lệ rơi từ không trung xuống. Sang-na nói:

- Sao không thấy mây mà có nước mưa rơi?

Bồ-tát đáp:

- Không phải mưa, vì Ta sắp xuất gia, nên chư Thiên cảm động mà rơi lệ.

Sang-na nghe vậy liền cung kính chấp tay đứng hầu.

Bồ-tát nghĩ đến công đức lớn lao của Phật pháp đối với chúng sinh, lại nghĩ đến ân sâu của cha mẹ, nếu ra đi mà không giã từ hai bậc sinh thành thì sẽ không tròn đạo hiếu. Nghĩ thế Thái tử liền vào cung và thấy phụ vương đang ngon giấc. Ngài theo phía phải đi quanh giường vua một vòng, rồi chấp tay thưa:

- Hôm nay con vào núi Tuyết tu hành để cầu đạo Vô thượng nhằm cứu vớt muôn loài khỏi sinh, già, bệnh, chết, để họ được giải thoát hoàn toàn.

Nói xong Thái tử từ tạ ra đi. Có vị thân tộc tên Ma-hạ-năng-ma nhìn thấy Thái tử sắp đi nên buồn thương than khóc:

- Sao Ngài nữ rời bỏ vương cung mà ra đi?

Thái tử nói:

- Ta vì lợi ích tất cả chúng sinh nên đi tìm cầu Phật quả.

Ma-hạ-năng-ma nói:

- Vua đã ra lệnh cho chúng thần luôn canh phòng, ngăn không để Thái tử rời bỏ cung cấm.

Thái tử đáp:

- Từ xưa Ta đã phát tâm Bồ-đề, trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp tu muốn hạnh đắc cầu giác ngộ, độ thoát chúng sinh. Vương cung này không phải là chỗ ở của Ta.

Ma-hạ-năng-ma nghe thế càng thêm thương xót, khóc than:

- Thật là đau đớn! Niềm hy vọng của vua ta đã không thành rồi, có vị trưởng tử mà lại từ bỏ cung cấm ra đi tu hành!

Lúc ấy công chúa Da-du-đà-la nghe được thì hoảng sợ đến nỗi hôn mê, ngã lăn ra đất, chốc lát tỉnh lại, nói với Thái tử:

Do duyên cớ nào mà hôm nay Ngài bỏ thiếp ra đi?

Các phu nhân Ngu-nhàn-ca, Mật-lý-nga-nhạ cùng các cung tần đều khóc lóc chạy đến tâu vua Tịnh Phạn:

- Thái tử bỗng dung muốn rời cung lên chốn núi rừng, như có ma quỷ xúi khiến không thể nào ngăn cản được. Mong nhà vua dùng uy quyền để ngăn Thái tử lại.

Vua nghe tâu bèn muốn đến ngăn Thái tử. Khi ấy các vị Đế Thích và các vị Thiên vương đã đón Thái tử đi ra ngoài thành. Bên phải Bồ-tát là vua cõi trời sắc giới hiện tướng uy nghi, bên trái Bồ-tát là vua cõi trời Dục giới tay cầm tràng phan, phía trước có vô số chư Thiên tấu nhạc dẫn đường, lại có trăm ngàn vị Thiên tử từ hư không tung rải các loài hoa, như hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-mẫu-na, hoa Bạch Liên và hoa Mạn-đà-la và rưới các loại hương như trầm hương, mật hương, chiên-đàn hương và nhiều loại y phục diệu kỳ. Còn có những vị Thiên tử ca múa, hát xướng, những vị Thiên tử tay nâng chân ngựa, chiêm ngưỡng Bồ-tát, chốc lát đã đến núi Tuyết, cách thành Ca-tỳ-la mười hai do-tuần.

Bấy giờ, Đế Thích cùng các vị Đại Phạm thiên chấp tay thưa:

- Chư Thiên chúng tôi đã phát tâm tinh tấn hộ vệ Bồ-tát đến được Tuyết sơn. Sau này, khi Bồ-tát chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, xin Bồ-tát hãy thương mà nhiếp thọ độ thoát chúng tôi.

Nói xong chư Thiên đứng sang bên phải chấp tay cung kính chiêm ngưỡng Bồ-tát. Bồ-tát liền nói kệ:

Ta đạt đạo Tối thượng

Chỗ chư Phật đã đạt

Sẽ độ thoát các ông

Và tất cả hữu tình.

Nói kệ xong, Thái tử cởi mũ và y phục trao cho Sang-na, bảo:

- Người hãy đem y phục và ngựa này về tàu với phụ vương Ta rằng nếu Ta không chứng được đạo Bồ-đề thì Ta sẽ không bao giờ trở về.

Tiếp đó, Ngài nói bài kệ:

Người đem mũ vương và y phục

Mau về lại nước Ca-tỳ-la

Ta đến Tuyết sơn tu phạm hạnh

Không chứng Bồ-đề quyết không về.

Sang-na nghe bài kệ của Thái tử xong thì buồn bã, khóc thưa:

- Trong núi có biết bao nhiêu hồ báo, sư tử và thú dữ, một mình Thái tử làm sao ở được? Vả lại, núi rừng cây cối, gai góc đất đá chập chùng, làm sao mai chiều Thái tử đi lại nổi?

Thái tử nói:

- Sang-na, sao người mê muội thế? Thân của chúng sinh là do nghiệp cảm mà ra, tứ đại hòa hợp tan lìa, khô già bệnh chết khi đã đến thân thì sang hèn, giàu nghèo, già trẻ, oán thân... đều không thoát khỏi lẽ vô thường. Thế thì vì sao tu hành lại sợ nguy nan?

Sang-na thưa:

- Chí tu hành của Thái tử là như thế, nhưng khi con về, nhà vua thấy con mà không thấy Thái tử chắc sẽ sinh đau khổ, nếu vua lâm bệnh thì làm thế nào?

Thái tử nói:

- Ta nay xuất gia tu đạo Bồ-đề, thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, thành tựu được Thập lực, Tứ vô sở úy... Chẳng lẽ không đem lại tốt đẹp cho cha mẹ sao?

Thái tử nói rồi, chấp tay đánh lễ, sau đó tay cầm kiếm giống như lá cây Ưu-bát-la tự cắt tóc mình ném lên hư không và được Đế Thích vận thần lực tiếp nhận tóc ấy cùng với các vị Thiên tử đem về nơi cung trời Đao-lợi, như pháp cúng

dường. Nơi Thái tử cắt tóc về sau này các vị Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ có tín tâm đã xây tháp phụng thờ.

Cắt tóc xong, Thái tử hỏi Sang-na:

- Ý người thế nào, có thể ở lại đây cùng Ta tu hành không?

Sang-na thưa:

- Không có phép của vua, con đâu dám ở lại.

Bấy giờ Bô-tát dùng bàn tay uy lực và trăm ngàn phước đức của mình vỗ lên đầu mã vương Ca-tha-ca nguyện chúc cho nó, rồi cho Sang-na trở về thành Ca-tỳ-la. Sang-na đi bảy ngày đêm, đến canh hai ngày thứ bảy thì về đến vườn hoa ngoài thành. Vua sai cung nhân và quyến thuộc đến hoa viên nghênh tiếp. Đến nơi, chỉ thấy ngựa mà không thấy Thái tử, các cung nhân và quyến thuộc đều ào đến ôm cổ ngựa than khóc. Ngựa Ca-tha-ca nghe than khóc, lòng nhớ Thái tử nên buồn thương chảy nước mắt, rồi quay đầu nhìn qua hai bên, giầy lát ngã ra tất thảy. Nhờ vào túc duyên, nên ngựa sinh vào nhà Bà-la-môn, có được lợi căn, nhẹ nghiệp, thông minh sáng trí. Sau này khi Thái tử thành Phật, vị Bà-la-môn ấy liền đến nghe pháp rồi chứng được vô sinh nhẫn.

Lúc ấy Bô-tát suy nghĩ: “Nay Ta đã cắt tóc thành tướng một Sa-môn, nhưng làm sao có được áo ca-sa?” Cùng thời ấy, ở thành A-nậu-ba-ma có một trưởng giả họ hàng đông đúc, của cải vô số chẳng khác gì bậc Tỳ-sa-môn. Nhà ông có mười người con đều đủ phước tướng đoan nghiêm, có trí tuệ, thông minh lanh lợi và đều vui thích với cuộc sống xuất gia, tịnh tu phạm hạnh, nhờ quan sát thấy vạn vật vô thường nên chứng đạo quả Duyên giác. Sau khi người cha mất, người mẹ có lòng tin sâu sắc, may một chiếc áo ca-sa cúng cho các vị Bích chi. Một người con thưa với mẹ:

-Con chẳng bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn, nay con nhận ca-sa này cũng không sử dụng. Cách đây không xa, có Thái tử Tất-đạt-đa là con vua Tịnh Phạn, chẳng bao lâu nữa sẽ thành Bạc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay hãy dùng ca-sa này cúng dường Bô-tát, nhờ đó mẹ sẽ được phước quả lớn lao.

Nói xong, vị Bích chi liền vận thần thông bay trên không trung biến ra mây, sấm, chớp, gió mưa, rồi hóa lửa tự thiêu thân mà viên tịch.

Bấy giờ vị lão mẫu sắp qua đời, liền đưa ca-sa cho một người con gái bảo cô ta đem dâng cúng Bô-tát, không ngờ khi cô ta đến dưới một bóng cây thì mang

bệnh mà mất. Trước khi qua đời cô ta treo áo ca-sa trên một cành cây rồi vái với thần cây:

- Ca-sa này nhờ thần dâng cho Thái tử Tất-đạt-đa, con vua Tịnh Phạn.

Vua Đê Thích biết việc đó liền hóa thân thành một người đi săn đến lấy ca-sa. Khi thấy Thái tử đi đến, ông liền mặc vào mà ngồi bên đường. Thái tử tới nơi thấy thế hỏi:

- Anh là thợ săn sao lại mặc áo ca-sa? Có thể cho Ta biết được không?

Người thợ săn nói:

- Áo ca-sa này tôi cũng không thích mặc, nay muốn cho Ngài, nhưng sợ người ta cướp đoạt làm hại tính mạng Ngài thôi.

Bồ-tát nói:

- Cả thế gian này đều biết Ta, người cứ tặng ca-sa cho Ta, đừng lo ngại.

Đê Thích liền hiện nguyên hình sụp lạy xuống chân Bồ-tát và dâng chiếc ca-sa. Bồ-tát mặc vào thấy không vừa, Đê Thích thấy thế trong lòng sinh nghi ngờ, nhưng uy thần của Bồ-tát đã khiến cho ca-sa liền vừa với cơ thể. Chư Thiên ở cung Đao-lợi liền cung kính cúng dường, về sau, các vị trưởng giả Bà-la-môn đã lập tháp miếu phụng thờ tại chỗ ấy, thường có chư vị Tỳ-kheo đến đó lễ bái.

Lúc bấy giờ Bồ-tát với uy nghi đầy đủ đang cất bước trên đường, thì chợt thấy một Tiên nhân tên Bà-lý-nga-phước sắc mặt buồn bã, đang lấy tay tự vả mặt mình. Bồ-tát hỏi:

- Sao ngài lại tự đánh mình như thế?

Vị Tiên nhân đáp:

- Tôi ở dưới bóng cây Đa-la này, trước đây cây luôn có rất nhiều hoa trái, mùi vị thơm ngon, nay bỗng nhiên trở nên khô héo khiến tôi phiền não.

Bồ-tát nói:

- Tiên nhân ở đây là để tu hành, sao lại vì cây khô héo mà sinh phiền não?

Tiên nhân nghe qua tâm chợt tỉnh ngộ, trông thấy một vị Bồ-tát sắc tướng đoan nghiêm, sinh lòng cảm mến nhìn ngắm mãi, rồi lên tiếng hỏi:

- Ngài có phải là vị Bồ-tát xuất gia không?

Bồ-tát đáp:

- Ông thật có cái nhìn sáng suốt.

Tiên nhân Bà-lý-nga-phược liền trừ dứt nghi hoặc, được pháp nhãn thanh tịnh, liền mời Bồ-tát ngồi rồi dùng hoa trái đúng pháp mà cúng dường. Được một lúc, Bồ-tát hỏi Tiên nhân:

- Thành Ca-tỳ-la cách đây bao xa?

Tiên nhân thưa:

- Từ đây đến đó mười hai do-tuần.

Bồ-tát suy nghĩ: “Nơi đây cách thành không xa mấy, nếu người trong họ Thích tìm đến sẽ gây phiền hà.” Nghĩ xong, Bồ-tát liền từ biệt Tiên nhân, vượt qua sông Khắc-già đến thành Vương xá. Bằng sự khéo léo, Thái tử hái những chiếc lá cây tạo nên chiếc bình bát ôm vào người và đi vào trong thành khát thực. Lúc ấy vua Dân-di-sa-la đang ngồi trên lầu cao nhìn ra xa thấy Bồ-tát thân tướng đoan nghiêm, uy nghi tịch tĩnh, mình mặc ca-sa, tay cầm bình bát lần lượt đến từng nhà khát thực, vua liền khen:

- Trong thành của ta không ai có dáng vẻ uy nghi như vị Bí-sô này! Ông ta quyết không phải xuất thân từ tầng lớp bình dân hoặc dòng họ bình thường mà là dòng dõi vua chúa bỏ ngôi xuất gia tu hành nhằm diệt trừ nghiệp ác giữ gìn tịnh hạnh.

Sau khi khát thực xong, Bồ-tát ra khỏi thành đi vào trong núi, để bát trên đất, ngồi yên nhập định tư duy: “Vua Dân-di-sa-la thấy Ta tu hành tất có ý khác.” Cùng lúc đó, nhà vua đang nói với các vị đại thần:

- Ta ở trên lầu nhìn ra thấy một vị Bí-sô thân tướng đoan nghiêm, uy nghi đĩnh đạc, chắc không phải thuộc hàng thứ dân hay hạ tộc, vậy các người tìm xem vị ấy ở đâu và báo cho ta biết.

Vị sứ giả được phái đi đến vùng núi gặp vị Bí-sô ấy đang an nhiên tĩnh tọa. Quốc vương nghe tin bèn tự đến nơi nhìn thấy Bồ-tát, trong lòng vui mừng, liền nói:

- Tướng mạo của Ngài thật đoan nghiêm mà làm Bí-sô thật không hợp. Ta có cung điện lầu gác, cung tần mỹ nữ, lại giàu sang tột bậc, ta sẽ trao cho người sử dụng, chớ làm Bí-sô. Người tên họ là gì? Thuộc dòng tộc nào? Hãy nói cho ta biết.

Bồ-tát đáp:

- Gần Tuyết sơn có thành Ca-tỳ-la, phụ vương của tôi thuộc dòng Sát-đế-lợi, tên là Tịnh Phạn, đang cai trị thành ấy. Tôi lìa bỏ ngôi vua là để tìm đạo Bồ-đề. Như kẻ ngu si tham lam thì dù của cải, châu báu đầy trong bồn biển vẫn còn cho là không đủ, giống như lửa đót củi khô, tâm tham ái cũng như vậy. Tâu Đại vương, tôi xem sự giàu sang là oan gia, như rắn độc, là nguồn cội của ưu sầu lo sợ. Thưa Đại vương, giá sử gió lớn thổi rung chuyển tất cả các núi, nhưng núi Tu-di thì không thể rung chuyển được. Giả sử của cải châu báu trong thế gian cùng với thành quách, vợ con, voi ngựa, tôi tớ... có thể làm mê loạn tâm tất cả chúng sinh, nhưng tâm tôi vẫn không rung động, chỉ có Niết-bàn, giải thoát mới là cứu cánh chân thật.

Vua Dân-di-sa-la hỏi:

- Nay Ngài ở đây là muốn cầu điều gì?

Bồ-tát trả lời:

- Tôi chỉ cầu tìm đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vua thưa:

Nếu Ngài đắc đạo xin hãy tiếp độ tôi trước.

Bồ-tát ưng thuận nên vua rất vui mừng mà trở về thành.

Bấy giờ Bồ-tát đến đỉnh núi Thuru, bên sườn núi có các Tiên nhân tu phạm hạnh, có vị có thể đứng một chân trong suốt một ngày. Nghe thế, Bồ-tát cũng đứng một chân, nhưng suốt trong hai ngày. Một Tiên nhân khác lại dùng lối khổ hạnh bằng cách phơi mình dưới ánh nắng gay gắt của mặt trời và trải qua suốt một ngày. Bồ-tát cũng làm được như vậy nhưng đến những hai ngày. Các vị Tiên nhân kia

đều kinh ngạc, thán phục, họ cho như thế mới thật sự là tu hành, như thế mới thật sự là Đại Sa-môn.

Bồ-tát hỏi:

- Các người tu hành như thế để cầu điều gì?

Các Tiên nhân trả lời, có người thì muốn lên trời làm Đế Thích, có người thì muốn làm Phạm thiên, có người lại muốn hóa thân trong cõi ma giới. Bồ-tát suy nghĩ: “Hương tu của các đạo sĩ này đều là tà đạo, không phải hương mà Ta cần tìm. Bản nguyện của Ta là muốn chứng đắc Phật quả để đem lại an vui cho tất cả chúng sinh, đạo của họ không chân chính, Ta phải rời xa họ.”

---o0o---

Quyển 06

Bấy giờ Bồ-tát tìm đến nơi tu của đạo sĩ A-la-noa Ca-la-ma để tham học. Tới nơi, Bồ-tát chấp tay cung kính hỏi:

- Con đường tu hành của ngài có ý nghĩa như thế nào?

A-la-noa Ca-la-ma đáp:

- Ta thường tinh tấn tu tập định tuệ, thông đạt đến cảnh định Hữu tướng thiên, người chưa biết sao?

Bồ-tát tự nghĩ: “Trí tuệ mà La-ma đã đạt được, tâm đạt đến cảnh định Hữu tướng thiên, quả thật không dối. Với trình độ ấy Ta cũng có thể đạt được.” Nghĩ rồi, Bồ-tát liền nhập thiền định, chỉ trong chốc lát liền đạt trí tuệ thiền định như vị đạo sĩ kia và báo chỗ sở đắc của mình với đạo sĩ.

Đạo sĩ La-ma quan sát thấy đúng như thế, vô cùng kính phục, xem Bồ-tát như bậc thầy và dâng hoa quý, quả ngon để cúng dường Bồ-tát. Lúc đó Bồ-tát lại suy nghĩ: “Pháp tu này chưa đạt đến chỗ rốt ráo, không phải là chánh đạo.” Nghĩ vậy, Ngài liền từ giã ra đi đến tham học với một vị thầy khác là Ô-nại-la Ca-la-ma tử. Đến nơi, Ngài đánh lễ rồi chấp tay hỏi vị đạo sĩ:

- Chỗ đạt đạo của ngài có ý nghĩa như thế nào?

Đạo sĩ Ô-nại-la Ca-la-ma đáp:

- Ta nhiều năm tinh tấn tu tập trí tuệ, đã từ lâu đạt đến cảnh định Phi phi tướng. Người không biết sao?

Bồ-tát nghe nói liền quan sát thấy chỗ sở đắc của vị Tiên nhân là đúng sự thật, rồi tự nghĩ: “Với trình độ ấy sao Ta chưa đạt được?” Nghĩ như thế một lúc, Ngài liền đạt trình độ như vị đạo sĩ kia, liền nói với vị đạo sĩ ấy:

- Chỗ người chúng đắc tôi cũng đã đạt được.

Đạo sĩ Ô-nại-la Ca-la-ma lòng chưa, tin tưởng, liền lắng lòng quan sát, thấy đúng sự thật, không sai nên vô cùng tôn kính, phụng sự hơn cả bậc thầy. Bồ-tát lại suy nghĩ: “Con đường tu hành này cũng chưa phải là cứu cánh, không phải là con đường giác ngộ thật sự. Ta cần rời nơi đây để tìm con đường tu tập khác.”

Bấy giờ ở vương cung, vua Tịnh Phạn nhớ Thái tử, không biết Thái tử hiện ở nơi đâu, nên rất buồn khổ. Có vị đại thần tâu:

- Hiện nay Thái tử đã rời thành Vương xá đến chỗ đạo sĩ Ô-nại-la Ca-la-ma, một thân một mình siêng năng tu tập đạo pháp.

Nghe thế vua càng thương xót, liền sai ba trăm người trong hàng thân quyến tìm đến nơi để hầu hạ Thái tử. Vua Tô-bát-la-một-đa ở thành Thiên chỉ cũng sai hai trăm người đi tới nơi ấy để theo hầu Thái tử. Năm trăm người đó đến nơi đều cung kính cúi lạy Thái tử rồi đi vòng quanh mà chiêm ngưỡng Ngài.

Bồ-tát suy nghĩ: “Ta rời bỏ vương cung, vào núi rừng thanh vắng là để dốc tâm chí tu tập tìm cầu đạo giải thoát. Nay có nhiều người ngày đêm ồn ào, phiền nhiễu làm tổn hại đạo tâm, vậy Ta chỉ lưu lại năm người thân trong dòng họ, còn thì cho về.” Bồ-tát lập tức dẫn năm người thân thuộc ấy đến vùng của Tiên nhân Nga-da gọi là Ô-lỗ-vĩ-loa-tây-năng-dã-nê. Nhìn thấy gần đó có một khu vực thanh vắng và gần sông Ni-liên có một khu rừng, đất đai bằng phẳng, cây cối rậm rạp mát mẻ, thật là một thánh địa, Bồ-tát nói với năm người đi theo:

- Nay các thiện nam, nếu người nào ở đây tu tập phạm hạnh mà chưa chứng Niết-bàn thì không lâu sẽ chứng. Ta nay dừng ở đây để tu tập đạo Vô thượng.

Nói xong, Bồ-tát chọn một bóng cây ngồi kiết già tu tập thiền định bằng cách ngậm miệng, cắn răng, lưỡi đưa sát lên vòm họng, giữ tâm vắng lặng như cầm một vật trên tay không để cho vượt mất. Trong một thời gian thì mồ hôi chảy ra ở những lỗ chân lông, nhưng vẫn tinh tấn không lùi, tâm luôn tịch tĩnh tập trung tinh thần, hướng về tâm vô lậu nhưng tâm vô lậu vẫn không khởi lên. Tiếp đến

Bồ-tát lại tu pháp biệt quán: Ngồi kiết già, ngậm miệng, khép mắt, để lưỡi sát vòm họng trên, nín thở không để hơi thở thoát ra ngoài. Một hồi lâu sau khí dồn lên đầu làm cho đầu rất đau đớn như có dùi đâm vào não, chịu khổ não vô cùng nhưng tâm Ngài vẫn vững vàng, không loạn động, sức tinh tấn càng bền chắc, chuyên chú nhất tâm hướng vào định niệm trong hiện tại nhưng tâm vô lậu vẫn không hiện ra. Khí trong thân của Ngài dần dần vận động, từ đỉnh đầu xuống hai lỗ tai, sự đau đớn lại tăng lên gấp bội như thể nổi khổ trong địa ngục. Lúc ấy Bồ-tát vẫn giữ tâm kiên cố, không tán loạn, tự sách tấn quyết chí giữ vững chánh định một lòng quyết phá phiền não nhưng cũng không đạt được. Bồ-tát chuyển qua nín thở hoàn toàn, không còn thấy, nghe, quên tất cả cảnh bên ngoài, hơi chứa trong tạng phủ vận chuyển khắp toàn thân, đau khổ cùng cực không gì sánh bằng. Tâm Bồ-tát lúc ấy vẫn không loạn động, kiên định tinh tấn, tập trung tinh thần phá trừ phiền não, nhưng vẫn không đạt được.

Sau khi đã tu tập như thế, Bồ-tát tự nghĩ: “Từ nay về sau Ta sẽ dứt luôn việc ăn uống.” Lúc ấy có vị Thiên tử biết được, liền thưa với Bồ-tát:

- Trong lỗ chân lông của thân tôi có thức ăn quý báu xin được cúng dường cho Ngài.

Bồ-tát trả lời:

- Thức ăn của Ta không phải là những vị cay nồng, thức ăn từ thân người không phải là thức ăn thanh tịnh, nếu ăn vào sẽ đọa địa ngục. Các Thiên tử nếu dùng các loại gạo, đậu đem đến thì Ta nhận.

Các Thiên tử y theo lời dạy đem các thứ ngũ cốc làm thức ăn cho Bồ-tát. Lúc ấy thân Bồ-tát gầy ốm, dung nhan tiều tụy, nhưng tâm vẫn không khổ não, không thoái lui mà tinh cần tu tập, chuyên chú nhất tâm diệt trừ phiền não, nhưng cũng không đạt được giải thoát.

Bồ-tát lại giảm khẩu phần ăn, thân thể càng gầy ốm, hai mắt lõm sâu vào như hai lỗ giếng sâu thăm nhưng tâm Bồ-tát không khổ não, không thoái lui, an trú tâm trong định, chuyên chú diệt trừ phiền não nhưng vẫn không đạt được giải thoát. Bồ-tát lại giảm khẩu phần ăn lần nữa, ăn ít đến mức mỗi ngày chỉ ăn một hạt đậu, hoặc một hạt mè, hoặc một hạt gạo, hay một hạt lúa mạch. Do ăn như thế nên sức lực của Ngài càng thêm suy yếu, đi đứng thường hay vấp ngã, tu tập đến thế nhưng vẫn chưa đạt đạo.

Bấy giờ Bồ-tát suy nghĩ: “Lối tu khổ hạnh này không phải là lối tu chân chính, không đạt đến giải thoát rốt ráo.” Khi ấy có ba vị Thiên tử đến trước Bồ-tát,

nhận thấy hình dạng của Ngài gầy ốm và biến đổi quá nhiều, nên mỗi vị thuật lại dung mạo của Bồ-tát khác nhau. Vị thì nói sắc thân Bồ-tát màu đen, vị thì bảo màu xanh tím. Bồ-tát nghe thế liền suy nghĩ: “Ta ở đây tu tập đủ các loại khổ hạnh đến nỗi dung mạo biến đổi mà cuối cùng vẫn không đạt đạo. Nếu muốn đạt Chánh giác thì vì sao Ta lại phải tiết thực, khổ hạnh? Người tương ứng với chánh kiến là người với mọi pháp dù thủ hay xả đều có thể viên ly, đó mới là giác ngộ thật sự, cứu cánh thật sự, ví như củ ươi, bên ngoài có vẻ tươi, nhưng hễ gặp lửa chắc sẽ bốc cháy. Lại như ở nơi gia đình Bà-la-môn, tuy sống trong đục lạt mà tâm không tham đắm cũng được giải thoát. Ta nay cũng vậy, cứ dùng chánh pháp mà tu tập không đắm say, chấp trước thì sẽ chứng đạo Bồ-đề.”

Bấy giờ vua Tịnh Phạn nghe tin Thái tử tu khổ hạnh trong rừng, mỗi ngày chỉ ăn một hạt gạo, một hạt mè...đề cầu đạo Bồ-đề thì xót xa than khóc và cùng với vua Tô-bát-la-một-đà, mỗi vị gởi đến hai trăm năm mươi người để hầu Thái tử. Biết công chúa Da-du-đà-la đang có thai, vua liền chỉ dụ cho các cung nhân quyến thuộc không được cho công chúa biết việc Thái tử tu hành khổ hạnh, sợ công chúa lo nghĩ mà hại đến thai nhi.

Lúc bấy giờ Thái tử đến rừng Thi-đà nằm nghiêng người bên phải, gối đầu lên tử thi, hai chân xếp chồng lên nhau, suy nghĩ người thế gian sống trong cảnh hữu vi, sinh diệt ở thế gian như đàn kiến bò quanh vô tận. Sau khi tư duy như thế xong, Bồ-tát ngồi dậy, nhập vào chánh định. Lúc ấy có đám trẻ con nam, nữ đi vào khu rừng, nhìn thấy Bồ-tát đang ngồi khép mắt bất động, chúng liền lấy cành cây chọc vào hai lỗ tai Bồ-tát rồi nói với nhau:

- Đây là than đất, không nên đến gần.

Nói xong chúng dùng cát đất ném vào Bồ-tát rồi kéo nhau đi. Được một thời gian, Bồ-tát xuất định, nhưng vẫn giữ chánh niệm, thân tâm bất động, tư duy: “Phương pháp tu này cũng không phải là chân chánh, không đưa đến đạo Vô thượng. Nhớ lại xưa kia khi còn làm Thái tử, Ta đã từng rời hoàng cung đến ngồi tham thiền dưới bóng cây Thiệm-bộ nhập chánh định, tâm Ta lúc ấy thanh tịnh, xa những tội lỗi, không có các nhớ xấu, xuất hiện căn lành, tu hành như thế nhất định sẽ đạt được đạo quả.” Tư duy xong, Bồ-tát muốn đứng dậy đi tới, nhưng sức lực suy kiệt không đứng dậy được, liền ăn uống trở lại, lấy dầu thoa lên thân, rồi tắm rửa ngủ nghỉ để làm cho thân thể phục hồi sức lực.

Lúc ấy năm người theo hầu nói với nhau:

- Trước kia Thái tử rời khỏi thành, bỏ ngôi Luân vương vào rừng nhiều năm khổ hạnh, đạo quả sắp thành, nhưng ý chí không vững vàng nên nay đã phóng túng

ăn uống trở lại, xoa dầu, tắm rửa, ngủ nghỉ, đánh mất công phu tu tập như thế làm sao gọi là xuất ly được? Chúng ta ở đây chỉ tốn công vô ích. Nơi vườn Lộc dã tại thành Ba-la-nại thường có các vị Thánh La-hán đến ở, chúng ta nên đến đó mà cầu đạo quả.

Lúc đó Thái tử xuống sông Ni-liên để tắm nhưng vì sức lực quá yếu nên không lên được, may vin vào một cành cây gần bờ để leo lên. Sau đó Ngài đi đến thôn Tây-năng-dã-nhĩ. Trong thôn có hai cô gái tên Nan-na và Nan-na-mạt-la, thân tướng đoan chính, có lòng thương người nghe mọi người đồn nên biết được có vị Thái tử ở thành Ca-tỳ-la, đang tu tập phạm hạnh bên bờ sông Bà-nghi-la-đề, dưới chân rặng núi Tuyết, có đủ ba mươi hai tướng tốt, phước đức trang nghiêm, nên sinh tâm vui mừng, mong muốn được kết duyên cùng Thái tử, nên lập hạnh bố thí, tu phước để được như nguyện ước.

Khi đó cô gái nghe nói trên bờ sông Ni-liên có vị Tiên nhân tu khổ hạnh, bèn phát tâm muốn dâng cúng cháo sữa. Nàng liền chia đàn bò một ngàn con ra làm hai, lấy sữa của năm trăm con này cho năm trăm con kia uống. Lại chia năm trăm con ấy ra làm hai đàn rồi lấy sữa của hai trăm năm mươi con này cho hai trăm năm mươi con kia uống... Cứ như thế, cho đến lúc chỉ còn tám con, sữa của tám con bò ấy trở nên ngon béo vô cùng. Nàng lại dùng chiếc nồi bằng pha lê để nấu món cháo sữa. Khi ấy trên mặt nồi cháo sữa bỗng hiện lên hình bánh xe ngàn tăm có hoa văn như chữ vạn. Có người trông thấy thế liền thầm nghĩ: “Ai ăn được cháo này sẽ nhanh chóng đạt đạo quả Vô thượng Bồ-đề”, nên bảo với nàng thiếu nữ:

- Tôi nay đang đói khát, nàng hãy cho tôi ăn món cháo sữa ấy.

Thiếu nữ đáp:

- Tôi làm món ăn này để cúng cho vị Tiên nhân đang tu khổ hạnh chứ không phải cho anh.

Lúc ấy vua trời Đế Thích hóa thân thành một vị Bà-la-môn đến trước mặt thiếu nữ, cô gái muốn đem sữa ấy dâng cho vị Bà-la-môn. Vị Bà-la-môn nói:

- Tôi không dám nhận. Gần đây có vị đại nhân chủ của thế gian, nàng nên đem cúng dường cho vị ấy.

Cô gái hỏi:

- Ai là vị chủ của thế gian?

Vị Bà-la-môn đáp:

- Đi cách đây không xa, có vị Đại Phạm thiên.

Cô gái bèn đem dâng cho vị Đại Phạm thiên. Vị Đại phạm Thiên vương nói:

- Tôi không dám nhận, có vị Tịnh quang Thiên vương cao quý, nàng nên đến cúng dường cho vị đó.

Thiếu nữ lại đem món cháo sữa đến dâng lên vị Tịnh quang Thiên tử, nhưng vị ấy liền nói:

- Ta không dám nhận. Nay có vị Bồ-tát tắm ở sông Ni-liên sức lực suy yếu phải vịn tay vào cành cây để lên bờ. Vị ấy khoác áo ca-sa sắp thành Phật quả. Nếu nàng cúng dường sẽ được phước đức lớn.

Thiếu nữ vâng lời, đem bát cháo sữa đến thành tâm hiến cúng cho Bồ-tát. Bồ-tát lặng yên thọ thực. Sau khi dùng xong, Ngài ném chiếc bát xuống sông Ni-liên. Long vương liền hiện lên muốn lấy chiếc bát, Đế Thích liền hóa thân thành Kim sí điều, rùng sợ liền rút lui. Đế Thích lấy bát đem về để ở cung trời Đao-lợi xây tháp cúng dường.

Bấy giờ Bồ-tát hỏi hai thiếu nữ:

- Hai nàng cúng món cháo sữa này là muốn cầu điều gì?

Hai cô gái thưa:

- Chúng con nghe nói vua Tịnh Phạm ở thành Ca-tỳ-la có vị Thái tử thân tướng đoan nghiêm, sẽ là bậc Chuyển luân vương nên muốn kết duyên với Thái tử.

Bồ-tát nói:

- Thái tử ấy là người tu phạm hạnh, vắng lặng, xa lìa tham dục có tên là Nhất Thiết Nghĩa Thành, không lâu nữa sẽ đắc đạo Bồ-đề, làm sao lại có thể kết duyên với cô được?

Thiếu nữ nghe xong, đứng lặng yên, không nói. Bồ-tát bèn leo lên một tảng đá cao, dự tính sẽ nằm một mình giữa rừng cây, vừa ngồi xuống trong giây lát thì tảng đá đó bị sụp lở, Bồ-tát ngạc nhiên không biết do đâu.

Lúc ấy vua trời Tịnh Quang thưa với Bồ-tát:

- Nay Ngài muôn hạnh đã vẹn toàn, sắp thành tựu tứ trí. Nơi đây phước mỏng, không kham nổi đối với thành tựu to lớn ấy. Cách đây không xa có tòa Kim cang là nơi ba đời chư Phật đều thành Chánh giác.

Bồ-tát liền đến nơi vua trời đã chỉ. Mỗi bước đi của Bồ-tát đều nở hoa sen, sóng biển sôi động, đại địa rung chuyển gây nên âm thanh như tiếng chuông. Bồ-tát thông thả bước đến một hang lớn. Trong hang có một con rồng đen bị mù, vì nghe đất rung, sóng dậy liền ra khỏi hang, đôi mắt bỗng sáng trở lại, trông thấy Bồ-tát thân tướng đoan nghiêm, ánh sáng như mặt trời, rất vui mừng, chiêm ngưỡng và nói kệ:

Đất rung sóng dậy tiếng vang lừng

Ta nghe liền rời khỏi hang sâu

Mắt chợt sáng bừng thấy thân Phật

Hết lòng chiêm ngưỡng, thật vui mừng.

Rồng lại thưa với Bồ-tát:

-Nhớ lại thuở xưa khi Phật ra đời thì hai mắt tôi được sáng ra để thấy được Đức Phật ấy. Nay cũng như thế, đôi mắt sáng ra liền thấy thân tướng của Phật.

Bèn nói kệ:

Xưa con nhờ uy đức của Phật

Khiến con thấy được thân tướng tốt

Biết gặp Đấng Mâu-ni thành đạo

Ngắm thân tướng Ngài cũng như xưa.

Bấy giờ Bồ-tát muốn đến chỗ tòa Kim cang, bèn cất chân phải bước đi oai vệ như Ngu vương, thân vững vàng như núi báu, ca-sa không lay động, tâm rộng như hư không, mặt rực rỡ như trăng rằm, hào quang chiếu khắp chứa đại pháp được, các loài chim quý, thú hiếm di chuyển theo phía phải vòng quanh Bồ-tát. Đại thể có đến mười điềm lành như vậy.

Lúc ấy Bò-tát nghĩ: “Ta nên lấy cỏ cát tường trải trên tòa Kim cang.” Vua trời Đế Thích hiểu rõ ý Bò-tát, liền hóa thân đến núi Hương túy lấy cỏ Cát tường, loại cỏ này rất mềm mại như hoa Đậu-la-miên đem về trải lên tòa Kim cang.

Bò-tát ngồi kiết già trên tòa Kim cang ấy, phát thệ nguyện:

- Ta sẽ không đứng dậy rời khỏi tòa ngồi này nếu không diệt hết phiền não.

Phát thệ xong, Bò-tát thu nhiếp tâm ý nhập vào chánh định.

Bấy giờ trong cung Ma vương có hai lá cờ: Một lá tên là Hỉ tướng, lá kia là Nghi tướng, hễ lá cờ nào lay động là có điềm báo tương ứng. Lúc ấy lá cờ Nghi tướng bỗng nhiên lay động. Ma vương kinh hãi, nghi ngờ có việc chẳng lành nên liền quan sát biết rằng Thái tử Tất-đạt-đa, con vua Tịnh Phạn đang ngồi nơi tòa Kim cang mà cầu chứng đạo quả Vô thượng giác. Ma Ba-tuần liền sinh tâm ganh ghét, hóa thân thành người đưa thư của vua Tịnh Phạn đến cho Thái tử. Người ấy đến trước Bò-tát hỏi thăm:

- Sao Thái tử ở gần đây mà lâu quá không về thăm? Nơi triều đình, Đè-bà-đạt-đa đã vào cung Thái tử ngang tàng làm điều phi pháp, lại sát hại nhiều người trong họ Thích.

Bò-tát nghe qua, trong lòng chợt khởi sinh ba ý niệm bất thiện. Đó là nghĩ đến việc dâm dục, việc người thân bị giết hại, từ đó nổi lên giận dữ, nhưng vì biết là Ma vương đánh lừa nên chuyển thành ba ý niệm thiện là lìa dục, không nghĩ tới việc sát hại và dứt hẳn sân hận. Ma vương hỏi:

- Ngài ngồi dưới cội Bồ-đề để làm gì?

Bò-tát đáp:

- Ta cầu đạt Vô thượng trí.

Ma vương lại nói:

- Làm sao Ngài đạt được trí tuệ vô thượng ấy?

Bò-tát bảo:

-Ngươi là kẻ ma đạo có nhiều tội chướng. Giả sử có người Bà-la-môn vâng chịu bố thí hãy còn có được quả báo tự tại, huống chi Ta đã trải qua ba đại a-tăng-

kỳ kiếp, xả bỏ vô số trăm ngàn na-do-tha vạn ức đầu, mắt, tủy, não, thành trì, vợ con, vàng bạc, châu báu để bố thí, làm lợi ích cho chúng sinh để cầu vô thượng trí, sao lại không đạt được?

Ma vương nói:

- Ta tạo cho nhóm người Bà-la-môn được giàu sang tự tại, người có thể làm chứng cho ta được, còn người nói trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp bố thí đầu, mắt... thì lấy ai làm chứng?

Nghe thế Bồ-tát liền đưa bàn tay phải kỳ diệu kết ấn vô úy chạm vào mặt đất và nói:

- Hãy vì Ta mà làm chứng.

Ngay lập tức, các vị địa thần từ đất vọt lên, chấp tay đồng nói lớn:

- Nay Ma vương, Đức Thế Tôn của chúng ta từ xưa đã trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp dùng vô số trăm ngàn na-do-tha câu-chi đầu, mắt, tủy, thành quách, vợ con, vàng bạc châu báu làm lợi ích cho chúng sinh để cầu Vô thượng trí, đó là điều chân thật, không hư dối. Ma chúng các người chớ có nghi ngờ.

Ma vương nghe lời ấy, trong lòng sợ hãi, yên lặng suy nghĩ: “Nếu Bồ-tát đắc đạo chắc sẽ xâm chiếm cảnh giới của ta, đoạt lấy hết uy quang của ta.” Nghĩ thế rồi y quay về ma cung để nghĩ ra kế độc ác khác.

Ma vương bèn biến ra ba nàng con gái, thân tướng xinh đẹp đến trước Bồ-tát, dáng bộ dịu dàng uyển chuyển, giả vờ chiêm ngưỡng Bồ-tát để mong làm mê loạn Ngài. Bồ-tát liền dùng thần lực biến chúng thành những bà già tóc bạc, da mặt nhăn nheo, xấu xí vô cùng, rồi dùng gương cho soi, chúng quá xấu hổ nên biến mất.

Ma vương thấy không thành công trong việc quấy phá Bồ-tát nên rất tức giận, liền thống lĩnh ba mươi sáu ức binh tướng quý mị, thân mặc giáp, tay cầm đủ loại binh khí, kéo theo cả những thú dữ như rồng độc, voi, ngựa, hổ, báo... rồi còn làm sấm chớp, mưa đá bốn phía vây phủ nhằm nhiều hại Bồ-tát. Bồ-tát thấy thế càng thương xót cho sự mê muội của Ma quân, tâm Ngài nhập định, khởi lên niệm từ bi. Lúc ấy vị Thiên tử Tịnh Quang ở trên hư không biến ra cây lọng thật to bao trùm bầu trời để che đỡ các thứ mưa đá, cung tên, gậy gộc... và những thứ ấy đều biến thành các loại hoa trời, như hoa Ưu-bát-la, Bát-nạp-ma, Câu-mẫu-na và hoa Bôn-trà-lợi, tất cả đều tung bay quanh tòa Kim cang như để cúng dường Bồ-tát.

Bấy giờ Bồ-tát từ trong chánh định vận thần thông hợp nhiều thành một, biến một thành nhiều, bay lên không trung đi đứng ngồi nằm, thân trên hóa nước, thân dưới hóa lửa, đi trên nước như đi trên đất bằng... Sau khi đã biến hiện xong, Bồ-tát quan sát chúng ma thấy còn nhiều tà kiến, nghi hoặc, tham dục, oán giận, ngu si và thấy các loài hữu tình có người ly dục lại có kẻ say đắm dục, có người có tướng lại có kẻ không có tướng... dẫn đến chỗ phân biệt giải thoát và phi giải thoát; tất cả những pháp ấy Bồ-tát đều thấu hiểu rõ ràng. Bồ-tát lại dùng Túc mạng thông quan sát xem cha mẹ của Ma vương và của chúng hữu tình trong quá khứ, từ một kiếp, hai kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp cho đến vô số kiếp, rồi đến thế giới, cõi nước, tộc họ quyền thuộc giàu sang hay nghèo hèn, sống lâu hay chết yểu, sau khi chết sinh đến nơi nào, đều biết rõ ràng tường tận.

Xong Bồ-tát lại dùng Thiên nhãn xem ở đời vị lai của Ma vương và chúng hữu tình sẽ sinh vào cõi nào, việc nhân quả và sống chết, nghiệp thiện và bất thiện của thân, khẩu, ý đưa đến hậu quả xấu, tốt, cuối cùng thế nào cũng đều hiểu rõ.

Ngài lại tư duy về ba cõi Dục giới, sắc giới và Vô sắc giới và về hành tướng của tứ đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo, hoặc nhiễm hoặc tịnh, phân biệt các loại hoặc phiền não như Câu sinh hoặc, Căn bản hoặc, Tùy hoặc. Suy nghĩ như thế xong, trí tuệ vô lậu liền hiện ra, lìa bỏ nhận thức nhị kiến, Bồ-tát chứng thành Bạc Vô Thượng Giác. Lúc ấy chúng ma đều tan rã, thoái lui nhưng Ma vương lại đến nói dối vua Tịnh Phạn:

- Thái tử Tất-đạt-đa đã qua đời trên tòa Kim cang.

Nghe tin, vua và thân quyến vô cùng đau buồn, than khóc đến nỗi nhiều người ngã ra đất hôn mê. Bấy giờ có vị trời nói cho vua biết là Thái tử đã thành Bạc Vô Thượng Bồ-đề, vua nghe tin ấy liền vui mừng vô cùng. Vừa lúc đó, có quan vào tâu:

- Cam Lộ Phạn vương vừa có được người con mới sinh, công chúa Da-du-đà-la cũng vừa sinh được một người con trai.

Được tin, vua cùng quyến thuộc vô cùng phấn khởi. Vua Tịnh Phạn truyền lệnh dọn dẹp sửa sang đường xá, treo tràng phan cùng chuỗi quý, ở bốn cửa thành đều bày vàng bạc cùng nhiều loại đồ vật quý báu để cúng cho các Sa-môn, Bà-la-môn, các khất sĩ ngoại đạo để cầu phước.

Lúc con của Cam Lộ vương sinh ra, ai cũng vui mừng nên đặt tên là A-nan-đà. Công chúa Da-du-đà-la khi sinh con gặp lúc nguyệt thực nên có tên là La-hộ-la. Vua Tịnh Phạn bảo:

- Con của Da-du-đà-la không phải là dòng giống của Phật.

Công chúa nghe được trong lòng phiền muộn. Khi ấy ở bờ ao sau cung vua có một tảng đá tên Bô-tát thạch, một hôm La-hộ-la đến ngồi chơi trên đó, công chúa nhìn thấy liền bảo:

- Nếu La-hộ-la đúng là con của Thái tử Tất-đạt-đa thì nguyện cho tảng đá sẽ không chìm, còn nếu không phải là con của Thái tử thì tảng đá sẽ chìm.

Phát lời nguyện xong, công chúa liền đẩy tảng đá luôn cả La-hộ-la đang ngồi chơi trên ấy xuống ao, nhưng tảng đá vẫn nổi trên nước, La-hộ-la vẫn chơi đùa một cách tự nhiên.

Bấy giờ vua và quyền thuộc thấy được cảnh ấy, ai cũng vui mừng ngạc nhiên, cho là điều chưa từng thấy. Lúc ấy đại địa chấn động, ánh sáng chiếu khắp đến tận các nơi tối tăm khiến các loài hữu tình ở đây trông thấy nhau và đều cung kính cúi đầu đánh lễ.

---o0o---

Quyển 07

Bấy giờ tại cung trời Phạm thiên, có hai vị Phạm thiên tử suy nghĩ: “Nay ở cõi Nam thiên-bộ châu có Đức Phật Thế Tôn ra đời, vừa thành đạo trên bờ sông Ni-liên, gần hồ Ô-lô-vĩ-la, Đức Thế Tôn ấy đang ngồi kiết già dưới cội Bô-đề đã bảy ngày đêm nhập vào Chánh định.” Hai vị Phạm thiên ấy bèn nói với nhau:

- Chúng ta có đại thần lực, trong thời gian co duỗi cánh tay có thể đến được nơi đó, vậy nay chúng ta hãy mau tới đó dùng lời kệ ca ngợi Phật và xin Ngài chuyển Pháp luân cứu vớt chúng sinh.

Nói xong, hai vị liền đến chỗ Phật, cung kính nhiễu hành, lễ bái, rồi đứng trước Phật, một vị nói kệ thừa thỉnh:

Xin Phật dựng gốc đạo

Cứu chúng sinh thế gian

Nên nói pháp Tối thượng

Để trí thâm nhập pháp.

Vị Phạm thiên kia cũng nói kệ thỉnh:

Khuôn mặt như trăng tròn

Tâm tịnh, không phiền não

Xin nói pháp vi diệu

Làm an vui thế gian

Hai vị Phạm thiên kia nói kệ xong liền biến mất. Lúc Đức Thế Tôn ra khỏi định, quan sát khắp thế gian rồi nói kệ:

Những thú vui trong cõi thế gian

Cho đến niềm vui ở cõi trời

Đem so niềm vui dứt tham dục

Mười sáu phần không được một phần.

Lại nói tiếp kệ:

Gánh nặng khổ của đời

Khổ vì không bỏ mê

Nếu buông gánh nặng khổ

Ắt được Tối thượng lạc.

Thế Tôn lại nói tiếp:

Dứt được tham ái ở thế gian

Tất cả phiền não tự tiêu trừ

Biết được phiền não thoát luân hồi

Sẽ được niềm vui trong giải thoát.

Suốt trong bảy ngày đêm, Đức Thế Tôn ngồi kiết già nhập định, trong thời gian ấy người không ăn uống gì cả. Ngài vừa xuất định nói kệ xong, bỗng có một lái buôn tên Bồ-tát-bà-lê-ca đang chuyên năm trăm cỗ xe hàng sang nước khác để bán, đi ngang qua gần nơi Đức Phật thiền định. Vốn có thiện căn nên ông ta thường suy nghĩ: “Làm thế nào để có những bạn lành và quyến thuộc tốt.” Bỗng ông ta nghe có người nói:

- Đức Thế Tôn nhập định luôn bảy ngày không ăn uống, ngồi dưới cội Bồ-đề bên bờ sông Ni-liên, gần hồ Ô-lỗ-vĩ-la. Ngài đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Người lái buôn thầm nghĩ rằng Đức Phật chính là bậc Thiện hữu đem lại lợi ích cho anh ta nên vội vàng đến đó dâng những thức ăn ngon bổ nhất để cúng dường Phật.

Bấy giờ có một vị trời biết được tâm nguyện của Bồ-tát-bà-lê-ca, bèn xem xét người lái buôn và những hàng hóa ông đang đem đi bán. Quan sát xong vị ấy đến bạch Phật:

- Hôm nay sẽ có người lái buôn tên là Bồ-tát-bà-lê-ca biết Thế Tôn tu hành đắc đạo ở đây nên đến cúng dường, mong cầu phước báo an vui, lợi ích.

Nói xong, vị trời liền biến mất.

Lúc ấy Bồ-tát-bà-lê-ca cùng các bạn thân cùng đi trong đoàn tự tay nấu những thức ăn thơm ngon, tinh khiết, với tấm lòng thành đem đến cúng dường Đức Phật. Đi chưa tới nơi, ông ta lại nghĩ: “Nay ta đem thức ăn dâng lên cúng dường chắc thế nào cũng được nghe Phật thuyết pháp tối thượng. Chúng ta nhờ gieo nhân này hẳn sẽ được quả tốt.” Đến nơi, người lái buôn cung kính cúi đầu lễ xuống chân Phật, rồi đứng lên chiêm ngưỡng Ngài và thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn, con cùng các thân hữu đã làm các thức ăn đem đến cúng dường. Xin Ngài thương xót nhận cho.

Đức Phật nhận lời, nhưng chưa dùng. Vì lúc mới thành đạo, Ngài chưa có bát để thọ thực nên nghĩ: “Nếu Ta không dùng bát để thọ nhận các món cúng dường, Ma vương, ngoại đạo sẽ chê cười mà nói rằng chẳng lẽ trong quá khứ, các Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác vì lợi ích cho mọi chúng sinh, lại thọ sự cúng dường như vậy sao?”

Khi Đức Phật vừa khởi niệm như thế, Phạm thiên liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, các Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác trong quá khứ vì lợi ích cho chúng sinh, đều dùng bát để thọ lãnh các thức ăn cúng dường của tín thí.

Lúc ấy Thế Tôn khởi niệm muốn có một cái bát, bốn vị Đại thiên vương biết tâm ý của Ngài nên mỗi vị đã dùng những thứ đá quý sai các thợ giỏi trong thời gian ngắn tạo được các chiếc bát rất thanh tịnh, tốt đẹp không gì bằng. Sau khi làm xong, bốn vị Thiên vương đồng nhau cầm bình bát đến dâng cho Đức Phật. Tới nơi, bốn vị cúi đầu đánh lễ Phật rồi đứng sang một bên chiêm ngưỡng người và đồng lên tiếng thưa với Đức Phật:

- Chúng con mỗi người đã dùng đá quý tạo thành chiếc bát, nay cùng nhau đem đến dâng lên Đức Phật. Cúi mong Đức Thế Tôn thương chúng con mà nhận cho.

Bạch xong các vị đều đứng chờ ý chỉ của Phật. Khi ấy Đức Phật tự nghĩ: “Bốn vị Thiên vương đều dâng bát, nếu Ta nhận bát của một vị thì ba vị kia sẽ không vui, nên nay Ta sẽ nhận cả bốn cái.” Sau khi nhận cúng bốn chiếc bát, Ngài lại nghĩ: “Ta chỉ dùng một chiếc bát, nay nên dùng chiếc bát nào trước?” Nghĩ thế rồi, Đức Phật liền dùng thần lực hợp bốn chiếc bát thành một, tuy hợp lại nhưng vẫn giữ nguyên hình một chiếc bát. Vì lợi ích cho muôn loài, Đức Phật cầm bát đến thọ nhận thức ăn cúng dường của người lái buôn Bồ-tát-bà-lê-ca. Thọ thực xong, Đức Phật nói với người lái buôn:

- Hôm nay Ta vì ông mà nói pháp Tam quy, ông nên chú ý lắng nghe.

Bồ-tát-bà-lê-ca vâng lời đứng yên lãnh hội. Đức Thế Tôn dạy:

- Tam quy gồm có quy y Phật, quy y pháp và quy y Tăng-già trong tương lai. Trọn đời ông phải hết lòng giữ gìn chớ có sai phạm.

Bồ-tát-bà-lê-ca thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn, con nay xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng-già trong tương lai, trọn đời không dám sai phạm.

Đức Thế Tôn nói với Bồ-tát-bà-lê-ca:

- Tùy hỷ bồ thí chắc chắn hưởng được phước quả. Ông đã là người tự ý bồ thí nhất định sẽ được an vui, mọi điều mong cầu sẽ được thành tựu, tương lai cũng sẽ chứng quả Niết-bàn. Nay Bồ-tát-bà-lê-ca, người tu hạnh bồ thí, làm điều phước

lợi, trời, người và cả Ma vương cũng không thể mê hoặc được. Nếu tu tập thiền định, trí tuệ nữa thì sẽ diệt được nguồn gốc-của khổ đau, chứng được quả thánh.

Bồ-tát-bồ-lê-ca nghe lời Phật dạy xong, tâm ý vô cùng vui mừng, phát nguyện cả trong đời vị lai sẽ luôn nhớ nghĩ không bao giờ quên. Sau khi phát nguyện rồi, ông liền đánh lễ Phật và lui ra.

Bấy giờ Đức Phật sau khi thọ lãnh sự cúng dường của người lái buôn Bồ-tát-bồ-lê-ca rồi, liền đem thức ăn đến bờ sông Ni-liên, trải cỏ làm chỗ ngồi và thọ thực. Ăn xong, rửa bát, bỗng Đức Thế Tôn cảm thấy trong người không được thoải mái. Vì sao vậy? Chính vì Ngài muốn cho chúng sinh biết rõ thân này là huyễn ảo nên mới thị hiện việc ấy.

Lúc ấy Ma vương sợ Đức Phật ra đời giáo hóa chúng sinh thoát khỏi khổ não nơi ba cõi thì cảnh giới của mình sẽ trở nên vắng vẻ, nên thường chờ dịp thuận lợi để đến nhiễu loạn Phật. Nay biết Phật đang khó ở trong người, Ma vương liền rời khỏi ma cung đến chỗ Đức Phật nói:

- Thưa Bậc Thiện Thệ, Ngài nay phát bệnh, giờ vào Niết-bàn sắp tới. Nay tôi tới để thỉnh Phật nhập Đại Niết-bàn.

Phật biết Ma vương muốn làm loạn tâm, nên bảo Ma vương:

- Giờ Niết-bàn của Ta vẫn chưa đến, Ta nay còn chờ các hàng đệ tử chứng quả Thanh văn có trí tuệ sáng suốt, hiểu rõ pháp Phật, quảng diễn pháp tướng cùng với các hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di... đều tu hành phạm hạnh và nhiều chúng sinh trong thiên hạ, cho đến các vị trời đều được chứng quả giải thoát. Đến lúc đó Ta mới vào Niết-bàn.

Ma vương nghe Đức Phật nói thế, biết là Ngài chưa vào Niết-bàn nên trong lòng buồn bã, xấu hổ mà bỏ đi.

Khi đó Đế Thích biết trong người Đức Phật không được khỏe, nên từ thiên cung thân hành xuống cõi Nam thiệm-bộ châu đến rừng Đại Ha-lê-lặc cách cõi Bồ-đề không xa hái những trái Ha-lê-lặc ngon nhất đem đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ, chiêm ngưỡng và thưa: -Bạch Đức Thế Tôn, con được biết thánh thể của Thế Tôn không được khỏe nên đến cõi Thiệm-bộ châu này hái những quả Ha-lê-lặc có màu sắc tốt tươi, hương vị thơm nhất, có thể chữa được bệnh ấy, đem đến đây xin Phật từ bi nhận cho.

Đức Thế Tôn nhận và ăn những trái cây ấy xong, thân thể khỏe mạnh như xưa. Đức Phật liền an ủi, khen ngợi trời Đế Thích. Vua trời từ tạ trở về thiên cung.

Bảy giờ Thế Tôn rời cội Bồ-đề đến cung điện của Long vương Mâu-tức-lân-na. Tới nơi Ngài ngồi kiết già nhập định bên một cội cây. Trong suốt bảy ngày đêm Đức Phật nhập định luôn có mưa. Long vương thấy trời mưa tuôn, gió thổi, biết Đức Phật đang thiền định, biết rõ về thời tiết này, sợ gió mưa hại đến thân Phật, lại sợ các loài sâu bọ quấy nhiễu thánh thể nên dùng thân mình quán quanh người Phật, đầu biến thành lọng che cho Đức Phật, trải qua bảy ngày đêm không rời. Lúc Đức Phật xuất định, Long vương cũng thu hình lại và trở về long cung, dùng các loại hoa hương trang điểm thân rồi đến chỗ Phật đánh lễ thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn, mưa gió trong bảy ngày vừa qua và các loại côn trùng có nhiều loạn đến thân Ngài không? Thánh thể Ngài có được an vui không?

Đức Phật liền nói kệ đáp:

Ta quan sát thế gian

Tất cả khắp muôn loài.

Nếu không bị xâm hại

Sẽ vui mừng sung sướng.

Lìa dục đoạn phiền não

Vui ấy lớn hơn nhiều

Điều phục được vô minh

Ấy, niềm vui tối thượng.

Sau khi nói kệ trả lời Long vương, Đức Phật liền trở lại cội Bồ-đề trong bảy ngày đêm ngồi kiết già nhập định quán sát lý mười hai duyên sinh. Ngài nội quán: “Do nguyên nhân căn bản nào mà có sự sinh? Đó là do vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, sầu bi khổ ưu não. Do nhân ấy mà tích tụ tất cả nỗi khổ lớn như vậy. Nếu căn bản phiền não không khởi lên thì tất cả mười hai nhân duyên đều diệt. Đó

là khi vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng diệt. Hiểu rõ quá trình sinh diệt như thế thì diệt được các khổ não lớn đang tích tụ.”

Trong bảy ngày đêm nhập định, Đức Phật đã quan sát rõ về lý mười hai duyên sinh. Vừa ra khỏi chánh định, Ngài liền nói kệ:

Lắng lòng quán sát các tướng khổ

Biết rõ các pháp có nguyên nhân

Nếu biết tướng khổ không phát sinh

Tự nhiên tất cả ái dục dứt.

Lắng lòng quán sát ái hữu vi

Biết pháp hữu vi là vô cùng

Nếu biết pháp hữu vi không sinh

Tự nhiên trừ tất cả ái dục.

Lắng lòng quan sát nhân duyên sinh

Biết pháp duyên sinh là vô tận

Nếu biết duyên sinh không phát khởi.

Tự nhiên tất cả ái dục dứt.

Lắng lòng quan sát pháp hữu lậu

Mới biết pháp hữu lậu vô cùng

Nếu biết pháp hữu lậu không sinh

Tự nhiên tất cả ái dục dứt.

Lắng lòng quan sát pháp như thị

Biết pháp như thị là không sinh

Như mặt trời chiếu khắp thế gian

Đi đứng trên không, không trở ngại.

Lắng lòng quan sát các tướng khổ

Biết tất cả khổ đều không sinh

Phá trừ phiền não chứng Niết-bàn

Như Phật hàng phục chúng ma quân.

Nói kệ xong, Đức Phật lại nói tiếp:

- Nếu có chúng sinh nào đoạn được luân hồi, biết các pháp sâu xa, thông tỏ tất cả ngôn từ vi diệu, những người như thế là bậc Trí, Ta sẽ vì những người đó mà nói, vì những người ấy mà dạy cho họ hiểu. Nay Ta ở một mình nơi núi rừng, nương theo pháp ấy để tu hành, tìm thấy niềm vui trong việc tu tập.

Thế Tôn nói xong bèn đi đứng tự tại không gì ràng buộc, không thuyết pháp, cũng không có ý định sẽ thuyết pháp.

Bấy giờ vua trời cai quản cõi Ta-bà là Đại phạm Thiên vương biết Thế Tôn không thuyết pháp cũng không có ý định thuyết pháp, liền suy nghĩ: “Như thế thì thế gian sẽ bị hoại diệt! Vì sao? Vì Như Lai xuất hiện ở thế gian khác nào như hoa Ưu-đàm lâu lắm mới nở một lần. Nay Đức Phật không thuyết pháp, tự vui với pháp mình vừa đạt, sẽ khiến tất cả những kẻ tham dục vui thích theo tà pháp, không được giác ngộ, thế thì làm sao thế gian không bị hủy diệt? Ta nay phải tự thân đến chỗ Đức Phật, hết lòng khuyến thỉnh Đức Phật thuyết pháp độ sinh.” Nghĩ xong, Đại phạm Thiên vương rời khỏi Phạm giới trong khoảnh khắc thời gian co duỗi cánh tay đã đến chỗ Đức Phật, đứng trước Đức Phật nói kệ:

Ra đời nước Ma-già

Bậc Vô Cầu thuở xưa

Đều mở cửa Cam lộ

Thuyết pháp độ chúng sinh.

Đức Thế Tôn bảo:

-Pháp của Ta rất sâu xa khó gặp, khó hiểu, nếu Ta vội nói ra chắc sẽ bị tiêu hoại. Vì sao? Vì tất cả những kẻ ham thích tà pháp, những kẻ nhiều tham dục trong thế gian sẽ không ưa thích nghe theo nên không thể giác ngộ. Vì sao vậy? Vì nội tâm những kẻ tham dục ấy luôn bị màn đen tối che lấp.

Đại Phạm vương thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn, chúng sinh ở thế gian có sinh có lão, có người căn tính thông minh lanh lợi, có người căn tính kém cỏi chậm lụt hoặc có kẻ trung căn, tướng mạo thì có xấu có đẹp nhưng cũng có người dễ cảm hóa, những kẻ phàm phu có ít phiền não trần lao. Bạch Thế Tôn, như loài hoa sen xanh hoặc trắng sinh ra, phát triển và tàn úa trong nước, có hoa nhô lên khỏi mặt nước, có hoa không nhô lên khỏi mặt nước. Cũng như thế, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn không vì muôn loài mà nói pháp vi diệu thì họ sẽ đều rơi vào các đường dữ. Cúi xin Đấng Thiên Thệ hãy ban pháp bảo, hãy rưới cam lộ!

Lúc ấy Đức Thế Tôn yên lặng nhận lời khuyến thỉnh của Đại phạm Thiên vương. Ngài dùng Phật nhãn quán sát chúng sinh trong thế gian có trẻ có già, có kẻ lợi căn, có người độn căn, cho đến kẻ ở bậc giữa hoặc bậc dưới, dung mạo đẹp xấu, dễ cảm hóa hoặc khó cảm hóa, có kẻ ít phiền não hoặc rất ít phiền não... rồi Ngài tư duy: “Với các chúng sinh ấy, nếu Ta không giảng nói các pháp vi diệu thì họ sẽ không biết nguồn gốc của khổ đau, sẽ dễ rơi vào các đường dữ.”

Sau khi quan sát thấy rõ như thế, Đức Thế Tôn khởi tâm từ bi muốn giảng nói diệu pháp. Trước hết Ngài nói kệ:

Ta nay tuôn mưa pháp cam lộ

Thấm nhuần chúng sinh, kẻ thích nghe

Từ nay cõi đời được diệu pháp

Nếu gặp ác ma không quảng diễn.

Khi ấy Đại phạm Thiên vương nghe Đức Phật nói kệ, biết rõ Đức Phật sẽ giảng nói pháp mầu nên trong lòng vui mừng khôn xiết, liền cúi đầu đánh lễ chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi cáo lui.

Bấy giờ Đức Phật suy nghĩ: “Người nào sẽ được nghe Ta giảng diệu pháp trước tiên?” Ngài bèn nhớ lại: “Ngày trước, Tiên nhân A-la-nã Ca-la-ma từng cúng dường và cầu chúc cho Ta khi Ta đi ngang qua nơi vị ấy đang tu tập. Vậy Ta hãy đến thuyết pháp cho người đó trước.”

Bỗng có vị Phạm thiên đến bạch với Phật:

- Tiên nhân A-la-nã Ca-la-ma và các bạn ông đã mất vừa đúng bảy ngày.

Nghe lời ấy, Đức Phật liền cất tiếng than:

- Luật vô thường ở thế gian thật đáng sợ.

Ngài lại nghĩ: “Những Tiên nhân kia thật bạc phước, không được nghe chánh pháp.”

Lúc ấy Đức Phật lại nhớ đến Lỗ-nại-la Ca-la-ma tử cũng đã từng cúng dường và chúc tụng Ngài. Khi Phật vừa nghĩ đến đó bỗng có vị La-trá đến bạch Phật:

Lỗ-nại-la Ca-la-ma Tử cũng đã qua đời.

Đức Thế Tôn nghe báo liền than:

- Phật pháp khó được nghe, ông ta thật là bạc phước!

Đức Phật lại nghĩ đến năm người khi Phật mới rời vương cung vào rừng tu khổ hạnh thì năm người ấy đã tìm đến cúng dường, giúp đỡ nên muốn thuyết pháp cho họ trước tiên. Lúc ấy Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh quán xem năm người đó hiện giờ ở đâu, thì thấy năm người đang ở vườn Lộc dã, thuộc nước Ba-la-nại. Ngài liền rời khỏi cõi Bồ-đề đi đến nơi ấy. Giữa đường, Đức Phật gặp một vị Tiên nhân tên ô-ba-nga đang đi ngược chiều. Vị ấy trông thấy Thế Tôn thân tướng cao một trượng sáu, thân sắc vàng chói, tướng thật đoan nghiêm đặc biệt, vượt hẳn người thế gian, ngạc nhiên trong giây lát rồi vị ấy nói:

- Hỡi Ngài Cù-đàm, Ngài có thân tướng tuyệt đẹp, trong sáng thanh tịnh, tỏa ra ánh sáng như vàng ròng, cõi đời không có, do nguyên nhân gì Ngài xuất gia? Tu tập theo pháp môn nào? Ai là thầy của Ngài? Nay Ngài đi về đâu?

Đức Thế Tôn liền nói kệ đáp:

Ta tu không có thầy

Ở đời không bạn lữ

Ngộ pháp Chánh đẳng giác

Là Thầy của trời người,

Biết các pháp thế gian

Không nhiễm cũng không dứt

Đầy đủ Nhất thiết trí

Hàng phục chúng ma quân.

Tiên nhân Ô-ba-nga nói:

- Thưa Cù-đàm, nếu đúng như lời Ngài vừa nói thì đó chính là quả vị Phật.

Đức Phật nói:

- Vì Ta đã ngộ được chân lý, các lậu hoặc phiền não đều tận diệt, hàng phục được các nghiệp chướng và tội báo nên có hiệu là Phật.

Tiên nhân lại hỏi:

- Thưa Cù-đàm, nay Ngài đi đâu?

Đức Phật bảo:

- Ta đến thành Ba-la-nại để trời lên tiếng trống pháp, chuyển đại pháp luân, những điều mà người ở thế gian chưa từng nói, lại cũng giảng nói về những lời dạy của chư Phật trong quá khứ để thế gian biết mà xa rời dục vọng.

Đức Phật nói thế rồi, Tiên nhân Ô-ba-nga đánh lễ Phật và tiếp tục lên đường.

Khi Đức Phật đến vườn Lộc dã, năm đạo sĩ ở đây là Sái-thế-lê-ca, Ma-hộc-lê-ca, Mạt-hộc-lê-ca, Phục-bát-la-hạ và Nã-vĩ-bà-la-đa mới vừa tắm rửa xong, thoa dầu lên thân thể, dọn bày thức ăn và cùng nhau ngồi chuẩn bị thọ trai. Bỗng năm người nhìn thấy Đức Thế Tôn từ xa đi đến, nhận ra Ngài, đều ngạc nhiên, nói với nhau:

- Thái tử đã tu khổ hạnh trên rừng mong thành Phật nhưng rồi thoái chí, nay lại đến tìm chúng ta. Chúng ta cứ ngồi yên đừng đứng lên nghênh tiếp.

Từ xa, Đức Phật đã biết thái độ của họ, nhưng Ngài vẫn điềm nhiên đi tới, thân hình Phật sừng sững như kim sơn, các tướng tôn quý, an lành hiện ra đầy đủ, uy đức lớn lao không ai sánh bằng.

Năm người ấy thấy Đức Phật đến gần với oai đức còn tăng hơn trước, tất cả đều không thể ngồi yên, vội đứng lên nghênh tiếp. Năm người cùng nói:

- Lành thay! Mời Ngài ngồi.

Rồi thì kẻ dọn chỗ ngồi, người thì lấy nước rửa chân, kẻ dâng áo, người chấp tay đứng hầu. Năm người hầu hạ Đức Phật giống như lúc trước.

Đức Thế Tôn sau khi an tọa, ung dung nói với năm người:

- Năm người các ông khi mới nhìn thấy Ta liền bàn với nhau là nên tỏ ra xem thường Ta. Các ông chẳng hiểu biết gì cả! Các ông đều là người trong họ của Ta, phải nghe những lời Ta chỉ dạy. Các ông không nên khinh mạng Như Lai. Vì sao? Nếu khinh mạng Như Lai sẽ không đạt lợi ích gì cả, mà sau này sẽ mãi mãi gặp khổ đau.

Năm người ấy bạch Phật:

- Trước kia Phật là người có uy nghi hơn hết trong đời, lại có phép tu rất màu nhiệm, sau tu khổ hạnh được trí Vô thượng và sự thanh tịnh tối thắng, thông đạt diệu pháp. Lúc trước Ngài thường đọc cư tu tập, nay Ngài tu tập ở nơi nào?

Đức Phật nói:

- Nay năm vị, nếu Ta nay nhận tất cả đồ cúng dường, bô thí của chúng sinh những thức ăn uống quý giá như cháo sữa, ăn uống xong thì tắm rửa, thoa dầu thơm lên thân thể, các căn trong sạch, thân tướng oai nghiêm đẹp đẽ, ngắm nhìn sắc dáng trước sau rất là tươi vui, như thế thì các ông cho là đã thấy Ta hay là chẳng phải thấy Ta?

Sái-thế-lê-ca thưa.

- Đúng như vậy. Lúc trước năm người chúng tôi thường đi khát thực; lúc Đức Thế Tôn đến thì ba người đi khát thực, còn hai người thì phục vụ Ngài, hoặc hai

người đi khát thực thì ba người phục vụ, luôn thay đổi phục vụ siêng năng không mỏi mệt.

Nhân đó Đức Phật dạy:

- Có hai điều mà người tu hành không được làm. Hai điều đó là gì? Đó là tâm tham đắm sắc dục, ấy là cội nguồn của luân hồi, chẳng phải là pháp của bậc Thượng nhân. Nếu có người nào có thể tự thân giữ đoạn chánh, tu tập khổ hạnh, như thế người ấy không bị mê chấp với các pháp năm uẩn, ba độc, dùng con mắt trí tuệ để quan sát thì dứt được luân hồi, lìa cả khổ và vui, đi theo Trung đạo. Lại phải tu tập theo tám con đường chân chánh, đó là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh cần, Chánh niệm và Chánh định thì sẽ đạt được thần thông, chứng quả Niết-bàn. Theo đúng nẻo Trung đạo tu tập sẽ đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những điều đó Ta đã thực hiện một cách đầy đủ, rốt ráo.

Bây giờ Đức Thế Tôn lại quan sát thấy năm người này có thể thọ lãnh pháp, liền bảo với họ.

- Đây là Khô, các ông phải biết.

Năm người lúc ấy tư duy, dùng tuệ nhãn quán pháp ấy, thấy rõ trong đời quá khứ đã từng được nghe thấy, tâm Bồ-đề phát sinh nên được hiểu rõ hoàn toàn.

Đức Phật lại nói:

- Đây là Tập (*Nguyên nhân gây khổ*), các ông nên dứt trừ.

Năm người lại tư duy về chân lý thứ hai này, dùng tuệ nhãn xem xét trong đời quá khứ đều đã từng nghe thấy, nên tâm Bồ-đề phát sinh và được hiểu rõ.

Đức Phật lại dạy tiếp:

- Đây là Diệt, chân lý mà các ông cần phải chứng ngộ.

Năm người suy nghĩ, dùng tuệ nhãn quan sát chân lý ấy, thấy trong quá khứ đã từng nghe biết, trí giác phát sinh nên được hiểu rõ hoàn toàn.

Cuối cùng Đức Phật dạy:

- Nay các ông, đây là Đạo, tức con đường đưa đến giải thoát, mà các ông cần phải tu tập.

Năm người suy nghĩ, dùng tuệ nhãn xem xét con đường tu tập ấy, cũng thấy trong đời quá khứ đã từng nghe biết, do đó trí giác phát sinh nên được liễu ngộ.

Đức Thế Tôn lại dạy:

- Chân lý thứ nhất là Khổ, Ta đã hiểu rõ. Tập, nguyên nhân của khổ, Ta đã đoạn trừ. Diệt là chân lý mà Ta đã chứng ngộ. Đạo là những con đường Ta đã tu tập. Chính do phát hiện ra những chân lý ấy và tu tập theo đó mà Ta đã thành tựu được Phật đạo. Các ông cần phải học tập. Ta đã biết khổ, dứt trừ các nguyên nhân gây khổ (*Tập*), chứng đạt cảnh an vui (*Diệt*), bằng việc tu tập theo những con đường chân chính (*Đạo*). Nếu các ông giác ngộ được con đường chân thật của Tứ đế thì tự nhiên hiểu rõ lý Trung đạo không phiền não, không giải thoát, không có trí, không có tuệ, không có Bồ-đề, không phải bất sinh, cũng không trụ vào tướng Sa-môn, Bà-la-môn cho đến các cõi Phạm thiên, Ma, Trời, Người, xa rời các tướng điên đảo, tâm ý an vui, sẽ chắc chắn chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Sau đó Đức Phật đã ba lượt chuyển pháp luân, giảng nói về mười hai hành, thì Tôn giả Câu-ni dứt bỏ trần cấu, đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Lúc ấy tám vạn trời, người cũng đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Sau khi đã ngộ đạo, năm vị ấy liền bạch Phật:

- Chúng con muốn xuất gia tu theo Phật pháp, xin Đức Phật thương mà chấp nhận.

Đức Như Lai liền vui vẻ nói:

Hay lắm! Các Tỳ-kheo.

Năm người liền tự cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, trở thành Sa-môn. Lúc đó Đức Phật dạy cho nhóm của Tôn giả Câu-ni:

- Nay các ông, sắc uẩn là thường hay vô thường, là khổ hay không phải khổ, là không hay phi không, là hữu ngã hay vô ngã? Bốn uẩn kia: Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy chăng?

Tôn giả Câu-ni thưa:

Bạch Đức Thế Tôn, con xem xét năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là pháp vô thường, khổ, không, vô ngã.

Khi đó năm vị Tỳ-kheo nghe Đức Phật giảng về năm uẩn liền dứt được các lậu và chứng bậc Vô học (*A-la-hán*). Đức Phật lại nói:

- Nay các ông, việc Ta làm đã xong, phạm hạnh đã trọn. Ta đã dứt hẳn tái sinh, mãi mãi không còn bị luân hồi. Ta và các ông là sáu người sẽ là phước điền đệ nhất ở thế gian, ba ngôi báu ngày nay đã đủ.

Khi Đức Thế Tôn nói pháp như thế, có một vị Dạ-xoa tên là Bồ-ma bèn lớn tiếng xưng lên:

- Hôm nay ở nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc dã, nơi ở của các Tiên nhân, Đức Phật vì lòng từ mẫn đã ba lần chuyển Pháp luân, giảng nói Tứ đế và Thập nhị hành, vì đem lại lợi ích cho cả cõi thế gian và xuất thế gian, cõi Phạm thiên, Ma giới, Trời, Người, Sa-môn, Bà-la-môn.

Lúc ấy bốn vị Thiên vương của cõi Tam thập tam thiên và chư Thiên chúng cùng nhau truyền vang khiến các vị trời ở cõi Phạm thiên đều nghe biết rõ Thế Tôn đã ở nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc dã, nơi ở của các Tiên nhân ba lần chuyển pháp luân, Tam bảo đã xuất hiện ở thế gian làm lợi lạc cho khắp trời người cùng các loài hữu tình.

Khi đó đại địa chấn động, không trung rực sáng, các vị Phạm thiên, Đế Thích và chư Thiên... mỗi vị đều cầm các thứ tràng phan, bảo cái đồng đến chỗ Phật, tung xuống các loại thiên hoa vi diệu như mưa, trông trời vang lừng, ca nhạc ngợi khen... để cúng dường Phật. Sau đó tất cả đều vui mừng cung kính lễ Phật lui ra.

---o0o---

Quyển 08

Sau khi chuyển pháp luân lần đầu tiên độ năm vị Tỳ-kheo xong, Đức Phật cùng các vị ấy du hành và dừng lại nghỉ bên bờ sông Phược-la-ca.

Bấy giờ tại thành Ba-la-nại, có người con của ông trưởng giả Câu-lê-ca tên là Da-xá, nhà rất giàu, có nhiều của báu. Gia đình bên mẹ thuộc một dòng họ hào phú trong nước, có nhiều nô tỳ; các nô tỳ đều trẻ tuổi, thông minh, nhiều tài nghệ, giỏi ca nhạc thường hầu hạ bên chủ.

Ngày kia, Da-xá bỗng nhiên lệnh cho các kỹ nữ trang điểm dung nhan, mặc y phục đẹp đẽ, gióng trống nổi nhạc rồi cùng quyền thuộc vui chơi suốt ngày, đến tận nửa đêm mới dừng nghỉ.

Do mỗi một các kỹ nữ ngủ say, cửa phòng không cài. Nửa đêm Da-xá thức giấc đi rảo quanh kiểm tra nhà kho và các phòng ốc. Đi ngang qua phòng của các kỹ nữ, Da-xá thấy các cô gái thân thể, tóc tai, quần áo xộc xệch, nằm la liệt như những xác chết. Nhìn thấy cảnh ấy do nhân duyên xuất gia đã đến, lòng Da-xá bỗng sinh ra chán ngán, rồi như kẻ phát cuồng, đang đêm anh ta mang đôi giày quý đến cung vua kêu lớn gọi người giữ cửa:

- Ta khổ lắm, ta khổ lắm! Hãy báo với vua.

Người giữ cửa không chịu nghe lời. Da-xá lại đến cửa sau gọi người giữ cửa và cũng gào lớn:

- Ta khổ lắm, ta khổ lắm! Hãy báo với vua.

Người giữ cửa ấy cũng không nghe. Thế là trong đêm ấy, Da-xá ra khỏi thành đi về hướng Đông đến thẳng bờ sông Phước-la-ca, vừa đi vừa gào:

- Ta khổ lắm, ta khổ lắm!

Lúc ấy Đức Thế Tôn vào canh ba đang đi kinh hành ở bờ sông bên kia gần đó. Da-xá từ xa nhìn thấy Đức Thế Tôn oai đức trang nghiêm không ai sánh được, đúng là Bạc Phi phạm, nên liền gọi lớn:

- Thưa Thánh giả, con khổ quá!

Đức Thế Tôn dùng lời êm dịu khuyên bảo:

- Nay thiện nam tử, ông hãy đến đây với Ta, ở chỗ Ta sẽ được an lạc.

Da-xá nghe thế lập tức cởi bỏ đôi giày quý trên bờ, lội qua sông, đến cúi đầu lễ Phật rồi đứng sang một bên.

Đức Phật cùng Da-xá đi trở về chỗ Ngài. Sau khi dọn bày chỗ ngồi xong, Phật nói với Da-xá:

- Bồ thí và giữ giới là nguyên nhân để sinh lên cõi trời, ở cõi ấy tuy tự do vui sướng trong năm dục nhưng chưa dứt được luân hồi, ông chớ lấy phước đức sinh

lên cõi trời mà vui mừng. Nay nếu ông muốn tìm nẻo nhằm cắt đứt phiền não, trừ hết chướng ngại để được giải thoát thì phải nỗ lực tu tập theo chánh đạo, có thể ngộ chân lý, chứng Niết-bàn. Nay Da-xá, sắc là thường hay vô thường? Là khổ hay không khổ? Là không hay phi không? Là hữu ngã hay vô ngã? Các uẩn khác là thọ, tưởng, hành, thức có như thế không?

Da-xá nghe Đức Phật nói thế, tâm chàng lúc ấy giống như một chiếc áo trắng dễ nhuộm màu, liền lia mọi trần cấu, chứng được pháp nhãn thanh tịnh.

Đức Thế Tôn lại giảng rộng về pháp Tứ thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Da-xá ngay tại chỗ ngồi tâm liền dứt sạch các lậu, chứng quả La-hán, bèn đáp lời Thế Tôn:

- Theo như lời Phật dạy thì các uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Đức Thế Tôn biết tâm Da-xá đã thật sự đạt được vô lậu, chứng giải thoát, trong khi còn mặc chiếc áo đẹp của người tại gia, nên vì Da-xá mà nói kệ:

Nếu đạt chánh đạo

Còn tiếc trang phục

Tuy tu phạm hạnh

Lòng trần chưa dứt.

Nếu điều phục được

Cầm trượng mà đi

Tuy Bà-la-môn

Thật là Sa-môn.

Da-xá vốn là người có trí tuệ, nay lại vừa chứng quả vô học nên vừa nghe lời kệ của Đức Phật xong liền suy nghĩ: “Đức Thế Tôn nói như thế là vì ta còn mặc y phục tại gia.” Da-xá liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, con nay muốn làm Sa-môn trong Phật pháp, xin Đức Thế Tôn thương mà chấp nhận cho.

Đức Phật nói:

- Lành thay! Tỳ-kheo.

Da-xá bèn tự cạo râu tóc, mặc áo ca-sa thành vị Sa-môn có đầy đủ oai nghi. Hôm ấy, vào lúc trời sáng, trưởng giả Câu-lê-ca được người hầu hối hoảng đến báo tin Da-xá giữa đêm đã bỏ ra ngoài thành, đến giờ vẫn chưa về, không biết là đi đâu. Được tin, trưởng giả vô cùng kinh ngạc, tự nghĩ: “Con ta đang đêm bỏ nhà ra đi chắc là làm điều bất chánh”, liền hỏi người nhà:

- Con ta ra đi đã mặc quần áo, mang giày như thế nào?

Người nhà thưa:

- Những áo quần tốt, giày quý không còn thấy ở chỗ thường ngày, chắc là công tử đã mặc rồi.

Trưởng giả suy nghĩ: “Con ta ra đi mặc quần áo tốt, mang giày quý chắc không phải làm chuyện xấu. Vậy ta phải mau đến các nơi tìm kiếm.” Nghĩ thế rồi, ông cho người nhà chia nhau đi tìm, còn tự thân mình cũng ra khỏi thành, đến bờ sông Phục-la-ca để tìm kiếm đứa con. Trưởng giả bỗng nhìn thấy đôi giày quý của con mình thường mang để nơi bờ sông, lại nghe mọi người nói có Đức Phật cùng các đệ tử đang ở bên kia sông, liền nghĩ: “Chắc con ta đang ở nơi đó.” Trưởng giả bèn cởi giày lội qua sông, đến chỗ Đức Phật. Từ xa, Đức Phật thấy ông ta, biết đang đi tìm con. Khi trưởng giả đến trước Đức Phật, thấy Ngài sáng rõ với những tướng lạ, ông chưa kịp hỏi về con của mình đã sinh tâm ngạc nhiên, thán phục.

Đức Thế Tôn dùng phương tiện theo tâm niệm vừa khởi lên của trưởng giả, lên tiếng bảo:

- Lành thay! Trưởng giả! Chắc là mỗi mệt lắm! Ông hãy ngồi, Ta sẽ nói với ông điều này.

Trưởng giả Câu-lê-ca vừa nhìn Đức Thế Tôn với các tướng tốt và dáng vẻ uy nghiêm, lại được nghe những lời êm dịu hiền từ, nên càng chú ý chiêm ngưỡng quên cả việc tìm con.

Thế Tôn hỏi trưởng giả:

- Ta có pháp vi diệu, ông thích nghe chăng?

Trưởng giả thưa:

- Xin Đức Phật thương xót mà giảng thuyết cho con.

Đức Phật nói:

-Bồ thí, trì giới là nguyên nhân để được sinh lên cõi trời, nhưng đó không phải là quả báo rốt ráo, nếu dứt trừ hết phiền não thì mới có thể đạt được Thánh đạo. Nay trưởng giả Câu-lê-ca, nay Ta hỏi ông, sắc là thường còn hay không thường còn? Là khổ hay không khổ? Là không hay phi không? Là hữu ngã hay vô ngã? Các uẩn kia: Thọ, tưởng, hành, thức đều có như thế không?

Lúc ấy Đức Thế Tôn vì muốn cho trưởng giả được giải thoát, nên bảo ông:

- Ông hãy quán sát kỹ và nói cho Ta biết.

Trưởng giả Câu-lê-ca thưa:

- Nay con mới thật biết năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Đức Thế Tôn lại giảng rõ về pháp Tứ đế, do đó trưởng giả Câu-lê-ca đã trừ bỏ được mọi trần cấu, đạt pháp nhãn tịnh, thân tâm vui sướng, vui vẻ vô hạn.

Bấy giờ Thế Tôn biết trưởng giả tâm ý đã khai mở, lòng yêu thương của kẻ phạm tục không còn mạnh mẽ trong tâm nữa, nếu thấy con mình trở thành vị Sa-môn thì chắc không còn sầu khổ, nên hỏi trưởng giả:

- Nay Câu-lê-ca, do nguyên nhân nào ông đến đây?

Trưởng giả thuật lại việc đi tìm con cho Đức Thế Tôn nghe. Đức Phật liền gọi:

- Tỳ-kheo Da-xá, hãy đến đây!

Trưởng giả thấy con mình đã xuất gia mang hình tướng một Sa-môn, lại biết con mình đã đạt vô lậu, chứng quả La-hán, liền lên tiếng:

- Thật sung sướng! Nay con, con trước có thể tự lợi, lại có thể làm lợi ích cho người khác. Con đã khiến ta được nghe pháp tối diệu, được xa rời trần cấu, chứng pháp nhãn thanh tịnh, đều nhờ con mà ta được như thế.

Trưởng giả lại bạch Phật:

- Con nay nguyện tu tại gia, xin Đức Phật truyền giới cho con.

Đức Phật khen:

- Lành thay! Ta nay sẽ truyền Tam quy cho ông. Ông hãy lắng nghe cho kỹ, trọn đời giữ gìn, chớ có sai phạm.

Câu-lê-ca thưa:

- Con nguyện quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng-già.

Đức Phật dạy:

- Nay ông đã thọ Tam quy rồi, từ nay ông là cận sự nam đầu tiên tại thế gian.

Câu-lê-ca được nghe Đức Phật thuyết pháp mà xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh, lại được thọ Tam quy, khiến tâm hôn thư thái, vô cùng vui vẻ, liền bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, ngày mai con sẽ chuẩn bị bữa trai thực tại nhà để thỉnh Đức Phật cùng các Thánh chúng đến cúng dường. Cúi mong Đức Phật từ bi hứa nhận cho.

Đức Phật lặng yên chấp nhận. Trưởng giả biết Đức Phật đã nhận lời nên trong lòng mừng vui vô hạn, liền nhiễu quanh Phật ba vòng, lễ Phật rồi lui ra.

Trưởng giả Câu-lê-ca-sau khi đã thỉnh Phật được rồi, vội về nhà bảo với vợ con và quyến thuộc:

- Da-xá đêm ấy ra đi đến sông Phược-la-ca xuất gia theo Phật làm vị Sa-môn và tu chứng được quả vị La-hán. Ta tìm Da-xá nên đã đến đó và được nghe Đức Phật thuyết pháp, nhờ đấy mà lìa trần cấu, có được pháp nhãn tịnh. Đức Phật truyền lại pháp Tam quy cho ta, ta đã thỉnh Ngài ngày mai đến để cúng dường. Đức Phật và Thánh chúng sẽ tới đây thọ trai, vậy các người hãy vì ta mà dọn dẹp, rưới nước quét dọn sạch sẽ nhà cửa, chuẩn bị các thứ ăn uống cùng với hương hoa để cúng dường Phật. Các người nên gắng sức sẽ được lợi ích lớn.

Hôm sau, khi bình minh vừa lên thì mọi việc đã chuẩn bị xong. Trưởng giả Câu-lê-ca từ nơi sân nhà đốt hương hướng vọng về chỗ Đức Phật bạch:

- Bữa ăn đã chuẩn bị xong, thỉnh Đức Phật đến với chúng con.

Lúc ấy Đức Phật bảo Câu-ni-ca:

- Nay các vị La-hán, hãy cùng đến nhà Câu-lê-ca theo như lời thỉnh cầu của gia chủ.

Đức Phật lại bảo Da-xá:

- Ông trở về nhà ăn mặc khác xưa, mẹ và thân thuộc chắc là buồn khổ! Nay ông đã xuất gia và chứng quả La-hán, vậy ông nên dùng phương tiện để khiến ai nhìn thấy mình cũng sinh tâm cung kính, vui mừng.

Đức Phật dạy xong liền cùng Thánh chúng đến nhà trưởng giả thọ thực.

Lúc đó Câu-lê-ca đứng ở cửa nhà dốc tâm mong chờ Phật đến. Đức Phật tới nơi, trưởng giả cung kính lễ xuống chân Phật, rồi đốt hương rước mời vào cửa trong. Thân mẫu, nữ mẫu của Da-xá cùng các quyến thuộc đồng ra nghinh tiếp. Lần đầu tiên thấy tướng tốt đoan nghiêm, uy quang khác thường của Đức Phật, lại thấy Da-xá và các vị La-hán với y phục nghiêm trang, hình dáng uy nghi, cử chỉ đi đứng đều rất khác thường, nên vây quanh chiêm ngưỡng và vui mừng khôn xiết. Trưởng giả Câu-lê-ca thỉnh Đức Phật ngồi lên trên, các vị La-hán cũng đều an tọa. Lúc ấy trưởng giả và mọi người ở trong nhà lần lượt lễ xuống chân Đức Phật và Thánh chúng rồi đứng sang một bên.

Bấy giờ Đức Phật vì muốn cho thân mẫu Da-xá cùng tất cả bà con thân thuộc trong nhà của trưởng giả được vui mừng mà phát tâm Bồ-đề, nên bảo:

- Bồ thí, giữ giới sẽ được sinh lên cõi trời, tuy có vui sướng nhưng chưa dứt được luân hồi. Muốn dứt luân hồi thì phải dứt trừ phiền não, trong pháp sinh diệt cần phải hiểu rõ. Vậy các vị nên lắng nghe và suy nghĩ thật kỹ, Ta sẽ vì các vị mà giảng rõ.

Đức Phật giảng:

- Nay các vị, sắc là pháp vô thường, khổ, không, vô ngã. Bốn uẩn kia là thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như thế. Các vị có biết không?

Rồi Thế Tôn giảng rộng phân biệt. Thân mẫu, nữ mẫu của Da-xá vốn đã có căn lành nên khi được nghe Phật giảng giải rõ ràng về các pháp màu nhiệm ấy đã dễ dàng thấu hiểu, khác nào những tấm vải trắng nên dễ nhuộm các sắc màu.

Đức Phật lại giảng giải rộng về bốn chân lý là khổ, nguyên nhân gây ra khổ, Niết-bàn và con đường tu tập đạt đến Niết-bàn (*Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo*). Thân mẫu của Da-xá và những người thân nghe Đức Phật giảng thuyết tâm dứt trừ tham ái, lìa nghi hoặc thâm hiểu các pháp không còn chướng ngại, ngay khi chưa rời khỏi chỗ ngồi đã chứng được pháp nhãn thanh tịnh, liền đứng dậy đến trước Đức Phật thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn, chúng con đã thật sự hiểu rõ năm uẩn, ba độc đều là pháp khổ, không, vô ngã, vô thường.

Khi ấy thân mẫu và quyến thuộc của Da-xá. Được Đức Phật truyền pháp Tam quy, bà và những người được truyền vô cùng vui mừng, liền đánh lễ tạ ân Phật, rồi thưa với Phật:

- Bạch Thế Tôn, đã đến giờ thọ trai.

Đức Phật yên lặng. Vợ chồng trưởng giả tự tay bưng những thức ăn thơm ngon, tinh khiết nhất dâng lên Đức Phật và Thánh chúng.

Sau khi Đức Phật và Thánh chúng thọ trai và rửa tay xong, vợ chồng vị trưởng giả liền đến ngồi vào chỗ thấp nhất trước Phật, cầu xin Phật nói pháp. Đức Phật vì muốn giáo hóa đem lại lợi ích khiến cho tâm họ được vui vẻ, nên hứa khả chấp nhận. Vợ chồng vị trưởng giả liền thưa hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, chúng con có chỗ chưa hiểu rõ muôn thưa hỏi, cúi mong Thế Tôn giảng cho chúng con được rõ. Con của chúng con là Da-xá do nhân duyên gì mà đang ở nhà bỗng ra đi rồi gặp Phật, được nghe pháp rồi trở thành Sa-môn, vận pháp phục trang nghiêm, trừ hết lậu hoặc, chứng quả La-hán?

Đức Thế Tôn bèn nói với gia đình vị trưởng giả:

- Trong thời quá khứ, ở cách nước Ba-la-nại không xa có một Tiên nhân có lòng từ bi, luôn làm lợi ích cho chúng sinh, thường ôm bát vào thành khát thực. Một hôm, đi đến ngã tư đường Tiên nhân bỗng thấy một xác chết, thân thể rữa nát, bay mùi hôi thối, người qua đường không ai dám lại gần. Tiên nhân chột nghĩ đến thân mình khi chết chắc cũng giống như thế, do đó rất chán sợ muốn rời xa sự luân hồi. Lúc ấy có một thiếu niên cũng thấy xác vật chết mà sinh chán ghét nổi khổ luân hồi như vị Tiên nhân. Cả hai cùng chán nổi khổ luân hồi, nên đều siêng năng tu tập theo con đường giải thoát của chánh đạo. Vị Tiên nhân ấy chính là Ta, còn đồng tử kia chính là Da-xá. Cho nên ngày nay, Da-xá gặp ta, được nghe diệu pháp mâu, liền chứng quả La-hán.

Trưởng giả Câu-lê-ca cùng tất cả quyền thuộc nghe Đức Phật nói xong, rất vui mừng, tin tưởng thọ trì, rồi lễ Phật lui ra. Đức Thế Tôn cùng Thánh chúng cũng trở về vườn Lộc dã.

Trưởng giả Câu-lê-ca khi đó còn có bốn người con là Bô-la-nỗ, Vĩ-ma-la, Nga-tông-bát-đế và Tô-ma-hộc, thấy Da-xá theo Phật xuất gia chúng quả La-hán nên đều suy nghĩ: “Tại sao chúng ta còn quyền luyến với tham ái mà không tìm cầu nẻo giải thoát?” Lại nghĩ tiếp: “Nếu nay trong đời không có Bạc Vô Thượng Giác thì lấy ai mà nói pháp tối thượng Thế thì chúng ta làm sao dứt được luân hồi. Nay đã gặp được Phật pháp, có được chánh tín, chúng ta nên cùng nhau rời gia đình, theo Da-xá để tìm giải thoát.”

Nghĩ xong bốn anh em Bô-la-nỗ rời khỏi nhà đến nước Ba-la-nại, nơi Phật đang ở, cung kính lễ Phật rồi đứng sang bên thưa:

- Chúng con là con của trưởng giả Câu-lê-ca và là em của Da-xá, nay đến để xin được làm Sa-môn, mong Đức Phật thương xót chấp nhận.

Đức Thế Tôn sai các đệ tử cạo bỏ râu tóc cho họ, cho mặc ca-sa làm Sa-môn và nói pháp cho họ nghe. Đức Phật dạy:

- Nay Bô-la-nỗ, các ông làm Sa-môn phải sống khổ hạnh, thu nhiếp tâm ý, đừng cho loạn động để cầu pháp chân thật, làm cho tâm đạt vô ngã thì sẽ hiểu rõ chân tướng của các pháp, hết sinh tử, dứt luân hồi, đạt đến giải thoát.

Khi ấy bốn anh em Bô-la-nỗ nghe Đức Phật dạy xong, khởi sinh chánh tín, dốc lòng siêng năng tu tập diệt trừ phiền não, đạt tâm giải thoát biết rõ: “Việc làm đã xong, phạm hạnh đã lập, không còn tái sinh, vĩnh viễn dứt hẳn luân hồi”, liền được chứng quả A-la-hán. Lúc ấy chúng đệ tử của Đức Phật đã có đưng mười vị đại A-la-hán.

Bấy giờ trong nước Ba-la-nại, có năm mươi chàng trai, con của các trưởng giả những tộc họ lớn, là bạn với các người con của trưởng giả Câu-lê-ca, bỗng nghe tin Da-xá cùng Bô-la-nỗ... đã theo Phật xuất gia, chúng được đạo quả, liền nghĩ: “Anh em Da-xá là con trưởng giả, thuộc dòng họ danh tiếng, giàu có không ai bằng, thông minh hơn người, đáng vẻ đoan nghiêm, ít kẻ sánh kịp, hưởng thụ sung sướng, không chút khổ não mà còn lìa bỏ gia đình để học đạo giải thoát, chúng ta lại còn luyến tiếc sao?” Suy nghĩ xong, các chàng trai con trưởng giả liền rời khỏi thành Ba-la-nại, đến chỗ Đức Phật, thành tâm đánh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên, thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn, chúng con là năm mươi người con của các trưởng giả, nay muốn xuất gia theo Phật để làm Sa-môn, xin Đức Phật từ bi thương mà chấp nhận.

Đức Phật nói:

- Lành thay! Những người con của các trưởng giả, nay đã đúng lúc các vị lìa bỏ gia đình để theo đạo pháp.

Nói xong, Đức Phật bảo các đệ tử giúp họ cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa rồi nhận họ vào hàng Sa-môn.

Đức Thế Tôn vì muốn họ chứng được đạo quả, nên dạy:

- Nay những người con của các trưởng giả, các vị từ bỏ gia đình làm Sa-môn thì phải hết lòng tu tập khổ hạnh, thu nhiếp tâm ý, đừng cho loạn động để cầu chân lý, tâm trừ chấp ngã nhất định sẽ được liễu ngộ, chấm dứt cội nguồn sinh tử, mãi mãi không còn luân hồi, chắc chắn sẽ được giải thoát.

Các vị trưởng giả từ sau khi nghe lời Phật dạy, lòng tin thêm chân chính vững chắc, siêng năng tu tập, diệt được phiền não, đạt tâm giải thoát, biết rõ: “Việc làm đã xong, phạm hạnh đã thành, không còn tái sinh, đoạn trừ vĩnh viễn luân hồi”; tất cả đều chứng quả La-hán. Lúc ấy lần đầu tiên tại thế gian có được sáu mươi vị Đại La-hán.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nhìn các đệ tử rồi bảo:

- Ta từ vô lượng kiếp tới nay luôn siêng năng tinh tấn tu tập, đến nay được thành ngôi Chánh Giác, chính vì Ta đã giải trừ những trói buộc cho tất cả chúng sinh. Các ông hôm nay được nghe Ta giảng nói về chánh pháp, phiền não tiêu trừ, được giải thoát, có đầy đủ tam minh lục thông, thoát khỏi mọi ràng buộc ở cõi trời lẫn cõi người, có thể làm ruộng phước tốt nhất cho tất cả chúng sinh. Vậy các ông nên ra đi vì lòng từ bi, tùy duyên làm lợi ích, an vui cho thế gian.

Đức Phật vừa nói xong, lúc ấy có một tội ma tên Ma-nã-phước-ca, từ xa biết được hôm nay Sa-môn cồ-đàm đã nói với các đệ tử nơi vườn Lộc dã: “Các ông đã thoát khỏi mọi ràng buộc của cõi trời và cõi người. Mỗi người nên ra đi tùy duyên làm lợi ích, đem lại an vui cho chúng sinh.”, liền nghĩ: “Nay nếu ta không làm mê hoặc, rồi loạn họ thì chắc chắn họ sẽ giáo hóa hết chúng sinh ở thế gian theo Phật.” Tội ma liền biến thành thân người, trong chốc lát đã đến chỗ Phật, đứng trước Đức Phật nói kệ:

Giải thoát của Ngài không phải chân

Sa-môn không đạt giải thoát ấy

Tự thân Ngài còn bao trói buộc

Làm sao giải thoát được cho người.

Đức Thế Tôn biết tội ma đến muốn mê hoặc, làm rối loạn tâm ý, thầm nghĩ: “Người chỉ tự tạo nghiệp, làm sao có thể phá được Ta”, liền nói kệ:

Ta ở cõi trời cùng nhân gian

Đã giải thoát được các buộc ràng

Các La-hán cũng đều giải thoát

Tội ma các người sao phá được.

Ma-nã-phược-ca nghe những lời ấy, biết Đức Phật đã rõ âm mưu của mình, bèn nghĩ là không thể nào nhiều loạn được, nên hết sức đau khổ rồi biến mất.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo:

Ta đã nói rằng các ông thoát khỏi mọi trói buộc trong cõi trời, người, vậy hãy thương chúng sinh mà đi truyền bá chánh pháp. Các ông nên mau lên đường!

Các vị La-hán tuân lời Phật dạy cùng nhau đánh lễ, từ biệt Thế Tôn rồi lên đường du hóa.

Sau khi các vị La-hán đã rời khỏi vườn Nai, Đức Phật một mình đi đến vùng Tây-năng-đã-nhĩ, bên bờ hồ Ô-lỗ-vĩ-loa, nơi rừng Ca-la-ba-ta kinh hành rồi an tọa thiền định. Lúc ấy có sáu mươi người hiền ở trong vùng thường cùng các kỹ nữ hằng ngày ca hát vui chơi. Một hôm, có một kỹ nữ đang trong cuộc vui bỗng sinh tâm chán nản, bỏ đi không biết về đâu. Sáu mươi người hiền vốn có căn lành, trong khi đi tìm cô gái ấy đã vào đến rừng Ca-la-ba-ta gặp Đức Thế Tôn đang ngồi tại một gốc cây. Tất cả họ đều vô cùng kinh ngạc, nói với nhau:

- Vị Sa-môn này thân hình như núi vàng sáng chói, diện mạo đoan chính, đầy đủ các tướng tốt, tôn quý không ai sánh bằng.

Họ đều ca ngợi hết lời rồi đến trước Đức Phật lên tiếng hỏi:

- Thưa Sa-môn, Ngài có thấy một người con gái đi ngang qua đây không?

Đức Phật đáp:

- Nay các hiền giả, nơi đây vắng vẻ, không phải là chốn cho các cô gái đến dạo chơi. Các ông đến đây để tìm một cô gái, sao bằng tự kiếm chính mình.

Những người hiền ấy nghe Đức Phật nói thế liền tỉnh ngộ, biết rõ các lỗi lầm trước đây nên thưa với Phật:

- Chúng con vừa rồi đi tìm cô gái thật là lầm lạc, nay muốn tự tìm mình, xin Đức Phật thương mà chỉ dạy.

Đức Phật nói:

- Nay các hiền giả, nếu các vị đã biết được như thế thì hãy ngồi xuống, Ta sẽ vì các vị mà nói pháp.

Tất cả họ liền lễ Phật rồi lui ra, ngồi qua một bên. Đức Phật dạy:

- Nay các hiền giả, bố thí, trì giới là nguyên nhân được sinh lên cõi trời, tuy được hưởng vui sướng, nhưng không phải là hạnh phúc vĩnh viễn. Nếu muốn giải thoát thì phải dứt trừ phiền não, nhận thấy rõ con đường sinh tử.

Những người hiền vừa nghe xong những lời dạy ấy, lập tức các mê mờ, ngăn ngại đều được tiêu trừ, chú tâm tư duy và khởi lên niềm vui vô hạn. Đức Phật biết tâm họ đã chuyển biến nên tiếp theo, Ngài giảng rộng pháp Tứ thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Tâm của các vị ấy như những chiếc áo trắng dễ nhuộm các màu, tùy theo căn cơ đều đạt được lợi ích. Ngay tại chỗ ngồi, họ đã chứng ngộ diệu lý của Tứ thánh đế, đạt được tri kiến chân chánh với các pháp, lòng tham dục tiêu trừ, không còn nghi hoặc, nhờ vậy nên đạt được Tứ vô uy. Họ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo áo bày vai bên phải, chắp tay hướng về Đức Phật thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Thế Tôn từ bi chứng nhận cho chúng con được quy y Phật, Pháp, Tăng, từ nay cho đến trọn đời sẽ không sát sinh, nguyện giữ giới Ưu-bà-tắc.

Sáu mươi hiền giả sau khi được nghe Đức Phật thuyết pháp, vô cùng vui mừng đánh lễ Phật và lui ra.

Quyển 09

Sau khi độ sáu mươi hiền giả rồi, Đức Phật suy nghĩ: “Ai sẽ là người nên được hóa độ tiếp theo?” Ngài nhớ đến Nan-na và người con gái lớn cùng quyến thuộc của ông ở vùng Tây-năng-dã-nhĩ. Lúc còn tu khổ hạnh, Ngài có đi qua nhà họ và được họ cung dường cháo sữa, mật ong, nay xét thấy căn duyên của họ đã thành thực, có thể hóa độ được. Nghĩ như thế nên sáng ngày mai, đến giờ ăn, Đức Thế Tôn ôm bình bát đi vào xóm Tây-năng-dã-nhĩ, tuần tự đi đến từng nhà để khát thực. Khi tới nhà Nan-na, ông ta và người con gái lớn cùng thân quyến thấy Đức Phật đến thì vô cùng vui mừng, liền vấn an Đức Phật:

- Quý hóa thay! Đức Thế Tôn, Thánh thể của Ngài có an vui không? Thỉnh Ngài từ bi vào nhà chúng con.

Đức Phật liền vào nhà. Nan-na sửa soạn chỗ ngồi cho Phật, rồi cùng con gái và quyến thuộc cung kính cúi đầu lễ dưới hai chân Đức Phật. Lễ xong họ đều ngồi sang một bên.

Bấy giờ Thế Tôn bèn vì họ mà thuyết pháp:

Này Nan-na, các vị hãy lắng nghe cho kỹ, bố thí và giữ giới là nhân được sinh lên cõi trời, tuy hưởng vui sướng nhưng rồi hết phước, cuối cùng sẽ trở lại vòng luân hồi, vậy các người phải dứt hết phiền não để tìm giải thoát.

Đức Phật lại giảng sâu rộng về lý của sự sinh diệt để họ liễu ngộ chân lý. Vì Nan-na căn duyên đã thành thực, nên nghe Đức Phật thuyết pháp thì những mê mờ ngăn ngại liền được tiêu trừ, chú tâm tư duy liền khởi lên niềm vui vô hạn. Đức Phật lại giảng rộng về Tứ thánh đế khiến Nan-na cùng con gái và quyến thuộc ngay tại chỗ ngồi đạt được trí tuệ, ngộ được lý của pháp Tứ đế, đoạn trừ các nghi hoặc, dứt hết tham ái, một lòng tin theo Phật pháp. Tất cả bèn đứng lên chấp tay, đánh lễ Phật, thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn, chúng con nay nhờ Phật nói pháp nên đạt được tri kiến chân thật. Nay chúng con nguyện quy y Phật, Pháp và Tăng-già, nguyện làm Phật tử cận sự suốt đời không sát sinh.

Lại bạch Phật:

- Đã đến giờ thọ trai, xin Đức Phật từ bi thọ nhận sự cúng dường của chúng con.

Đức Phật im lặng tỏ ý chấp nhận. Nan-na và quyến thuộc thấy thế biết Đức Phật đã chấp nhận, liền tự tay dâng lên Đức Phật các loại hương hoa, cùng các thức ăn uống. Sau khi Đức Phật thọ trai, súc miệng rửa mặt xong, Nan-na cùng quyến thuộc ngồi ở dưới để chờ nghe Phật nói pháp.

Đức Phật khéo léo dùng phương pháp thích hợp để giảng nói. Nan-na và quyến thuộc được nghe pháp đều hết sức vui mừng, cùng nhau lễ Phật và lui ra.

Sau khi hóa độ Nan-na và gia đình xong, Đức Phật suy nghĩ, muốn đến nước Ma-già-đà để tùy duyên làm lợi ích, đem lại an lạc cho chúng sinh. Bấy giờ trong nước Ma-già-đà có vị thầy tướng giỏi tên Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp, đã ba trăm tuổi, tự cho là đã đắc quả A-la-hán, sống ở gần bên sông Ni-liên. Chúng đệ tử thân cận có đến năm trăm người. Vua nước Ma-già-đà cùng quan lại, dân chúng đều cung kính cúng dường ông hơn bất cứ ai trên đời. Vô số người dân trong nước Ma-già-đà như bị mê hoặc nên xem Ô-lỗ-vĩ-loa như người dẫn đạo.

Mặc dù được vị đạo sĩ ấy hóa độ, nhưng không một ai được giải thoát. “Nay Ta sẽ hóa độ cho Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp và dân chúng nước đó khiến họ đạt được chánh đạo!” Đức Phật suy nghĩ như thế thì cũng vừa lúc Ngài đi tới chỗ ở của Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp, bên bờ sông Ni-liên thuộc nước Ma-già-đà. Khi ấy Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp chợt thấy Đức Phật đi tới chỗ mình lại thấy Phật có nhiều tướng tốt, oai đức khác thường, liền tiến lên nghênh tiếp, lòng càng thêm cung kính, hỏi Đức Phật:

- Quý hóa thay! Thưa Sa-môn, Ngài trước đây ở đâu mà nay bỗng nhiên đến đây?

Ô-lỗ-vĩ-loa vừa hỏi vừa lo sửa soạn chỗ ngồi để mời Thế Tôn an tọa.. Đức Phật ngồi vào chỗ, đạo sĩ cũng ngồi vào và dùng những lời lẽ đẹp để thăm hỏi Thế Tôn. Đức Thế Tôn cũng dùng lời lẽ ôn tồn để khai mở đạo lý nhằm giáo hóa ông ta. Chuyện trò chưa hết, mặt trời đã ngã về Tây. Đức Phật nói:

- Trời đã về chiều, người có nơi nào yên tĩnh, cho Ta nghỉ qua một đêm?

Đạo sĩ đáp:

-Thưa Đại Sa-môn, các phòng đều có người cả, chỉ có một nơi yên tĩnh hợp với Đại Sa-môn, nhưng bên trong lại có con độc long, nếu ở đó sợ nó làm thương tổn đến Ngài, xin Ngài suy nghĩ.

Đức Phật bảo Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp:

- Xin ngài cho Ta được ở nơi ấy, chắc không hại gì.

Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp nói:

- Nếu có thể được, xin tùy ý Ngài.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền đến hang của độc long. Đức Phật rửa chân xong, rồi vào hang, tự tìm cỏ sạch trải làm chỗ ngồi rồi ngồi lên cỏ nhập vào chánh định.

Ròng độc bỗng thấy Đức Thế Tôn đang ngồi trong hang của nó, liền nổi cơn phẫn nộ hóa ra khói và sương mù bao trùm cả bên trong và bên ngoài hang. Đức Phật dùng thần lực, cũng biến ra sương và khói. Ròng độc càng nổi giận, nên biến ra lửa cháy trong hang. Đức Phật cũng hóa lửa, cả hai thứ lửa càng bốc lên dữ dội bao trùm cả trong lẫn ngoài hang làm sáng rực cả một vùng. Đạo sĩ Ca-diếp mỗi đêm thường ra ngoài ngắm sao, bỗng thấy hang rồng lửa bốc cao ngất liền thương cảm, than thở:

- Khô thay! Khô thay! Vị Sa-rnôn đoạn chính kia vì không nghe lời ta, lửa của độc long sáng mãnh liệt gấp bội ngày thường như thế chắc là ông ta bị hại rồi, thật là đáng tiếc!

Bấy giờ các đệ tử của Ca-diếp đều thấy ngọn lửa ấy, còn độc long thì biết là không thể hại được Thế Tôn, thân mình cũng đã mỏi mệt nên ngọn lửa ác kia cũng tự tiêu diệt. Đức Thế Tôn bèn thu hồi thần lực, hàng phục độc long thâu vào trong bình bát. Trời sáng Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp và các đệ tử đến hang rồng để xem xét, tới nơi thấy Đức Phật bình yên, liền thưa:

- Thưa Đại Sa-môn, đêm qua Ngài vẫn bình yên chứ?

Đức Phật đáp:

- Ta bình yên.

Lại hỏi:

- Ngài chứa gì trong bình bát vậy?

Đức Phật đáp:

- Đó là con rồng trong hang. Ông bảo là trong hang này có con độc long không ai dám ở, nay Ta đã hàng phục thu nó thả vào trong bình bát. Ông hãy xem đi cho biết thật hư.

Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp thường coi mình tuổi cao đức lớn, tu hành khổ hạnh, học lục uyên bác, những điều hiểu biết không ai hơn mình, nay thấy lửa rồng không hại được Thế Tôn, lại còn hàng phục con vật ấy thả nó vào trong bát thì lên tiếng khen:

- Kỳ diệu thay! Vị Đại Sa-môn thật có uy đức lớn, điều đó thật ta chưa hề thấy. Ngài đúng là Đại Sa-môn, Đại Trượng Phu, một vị chân A-la-hán.

Đức Thế Tôn sau khi hàng phục độc long, qua ngày thứ hai. Ngài đi kinh hành một cách an lành dưới bóng cây gần nơi ở của Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp. Đêm đến có bốn vị Đại thiên vương xuống nghe Đức Phật thuyết pháp. Lúc ấy Ca-diếp thức dậy xem thiên văn, thấy trước chỗ Phật ngồi có bốn ngọn lửa lớn, liền nói với đệ tử:

- Vị Sa-môn kia cũng thờ lửa.

Các đệ tử hỏi:

- Sao thầy biết được?

Ca-diếp bảo:

- Vừa rồi ta ngắm thiên văn, thấy trước chỗ vị Sa-môn kia có bốn ngọn lửa lớn nên biết vị Sa-môn ấy chắc chắn cũng thờ lửa.

Trời mới sáng, Ca-diếp vội đến chỗ Đức Phật thưa:

- Thưa Đại Sa-môn, Ngài cũng thờ lửa chăng?

Đức Phật đáp:

- Ta không thờ lửa.

Ca-diếp hỏi:

- Đêm hôm rồi tôi ngắm thiên văn, thấy trước chỗ Ngài có bốn ngọn lửa lớn. Nếu Ngài không thờ lửa thì dùng ngọn lửa ấy để làm gì?

Đức Phật đáp:

- Không phải lửa đâu, ấy là bốn Đại thiên vương đến nghe Ta thuyết pháp, ánh sáng ấy là từ thân họ phát ra.

Ca-diếp giật mình nói:

- Kỳ diệu thay! Bậc Sa-môn đã tạo được việc ấy. Chắc là do Ngài có uy đức lớn, cảm được các vị Thiên vương nên họ mới đến nghe pháp. Phải chăng Ngài chính thật là A-la-hán?

Đến ngày thứ ba, vào lúc nửa đêm, vua trời Đế Thích xuống chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ nơi chân Phật rồi ngồi sang một bên. Đức Phật liền nói pháp cho Đế Thích. Đế Thích nghe được pháp ấy vô cùng vui mừng phấn khởi, lễ Phật rồi lui về thiên cung. Đêm ấy, Ca-diếp cũng ra xem thiên văn, thấy dưới bóng cây, nơi chỗ Phật ngồi có một ngọn lửa thật lớn, ánh sáng rực rỡ như mặt trời mới mọc, bèn nói với các đệ tử:

- Chắc hẳn vị Sa-môn kia theo thờ đạo lửa rồi.

Sáng ra, ông cùng các đệ tử đến chỗ Đức Phật thưa:

- Thưa Đại Sa-môn, đêm qua tôi xem thiên văn, lại thấy nơi chỗ Ngài có một ngọn lửa rực rỡ như mặt trời mới mọc. Tôi nay cho rằng Ngài nhất định thờ lửa.

Đức Phật bảo:

- Ta không thờ lửa. Đêm qua Đế Thích xuống đây nghe thuyết pháp, đó là ánh sáng nơi thân ông ta chiếu ra.

Ca-diếp khen:

- Kỳ diệu thay! Bậc Sa-môn có uy đức lớn, thật là điều chưa từng thấy. Tôi nay tin chắc Ngài cũng là vị La-hán.

Đến đêm thứ tư, Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp cũng ra ngoài ngắm sao, lại trông thấy trước chỗ ngồi của vị Sa-môn có ngọn lửa thật lớn, ánh sáng rực rỡ như mặt trời giữa trưa. Ca-diếp liền nói với chúng đệ tử:

- Đêm nay ta ra xem sao, thấy trước chỗ vị Sa-môn ngồi có ngọn lửa ánh sáng rực rỡ hơn những lần trước, như ánh mặt trời giữa trưa, xem như thế thì chắc vị Sa-môn ấy có thờ lửa.

Đến sáng Ca-diếp cũng lại tới chỗ Đức Phật, thưa:

- Đêm rồi tôi xem sao, thấy trước chỗ Ngài có ngọn lửa lớn, tôi tin chắc là Ngài thờ lửa.

Đức Phật đáp:

- Nay Ca-diếp, Ta có cầu gì đâu mà cần đến lửa? Đêm qua vua trời Phạm thiên, chủ cõi Ta-bà đến ngồi trước Ta để nghe thuyết pháp, ánh sáng ông thấy là từ nơi thân tướng của Phạm thiên vương phát ra đó.

Ca-diếp lại khen ngợi:

- Vị Đại Sa-môn này có đủ uy đức lớn như vậy nên mới cảm được Phạm thiên vương đến nghe thuyết pháp! Thật là hy hữu! Tôi nay biết chắc là Ngài cũng đã chứng A-la-hán.

Đến ngày thứ năm, năm trăm đệ tử của Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp, đứng đầu là Ma-noa-phước-ca, mỗi người đều dùng ba chiếc lò để thờ lửa, tổng cộng là một ngàn năm trăm lò. Lúc ấy Đức Thế Tôn đang ở dưới bóng cây gần đó, lại gặp lúc các đệ tử của Ca-diếp đang dùng lửa để tế trời. Năm trăm người đó cứ theo nghi thức thường lệ mà nhóm lò, nhưng lửa không cháy, họ bèn đi báo với thầy, thưa:

- Thầy có biết không, hôm nay chúng con nhóm lò nhưng lửa không cháy, không biết vì nguyên nhân gì?

Ca-diếp suy nghĩ: “Việc này chắc là do vị Sa-môn kia đang ở gần đây, do uy lực của người chế phục nên sinh ra như vậy”, liền cùng các đệ tử đến chỗ Đức Phật thưa:

- Thưa Bậc Đại Sa-môn, đệ tử tôi là Ma-noa-phước-ca cùng cả thầy năm trăm người, thường theo nghi thức dùng lửa tế trời, nhưng sáng hôm nay họ nhóm lửa mãi mà lửa không cháy, tôi ngờ là do uy lực của Sa-môn chế phục chăng?

Đức Phật nói:

- Ông muốn lửa cháy không?

Ca-diếp đáp:

- Muốn lửa cháy.

Đức Phật bảo:

- Ông về đi, tự nhiên lửa sẽ cháy.

Ca-diếp trở về thì thấy lửa đã cháy. Ca-diếp và các đệ tử đều khen ngợi:

- Vị Đại Sa-môn này có thần lực như thế, chắc cũng đã chứng được quả A-la-hán.

Họ dùng lửa tể rồi, muốn tắt lửa thì lửa không tắt, dùng đủ cách cũng không sao dập tắt lửa được. Ma-noa-phược-ca cùng các bạn liền đến chỗ thầy trình bày sự việc. Ca-diếp nói:

- Đây chắc cũng do vị Sa-môn kia chế phục.

Nói xong, họ liền cùng nhau đến chỗ Đức Phật thưa:

- Thưa Sa-môn, lửa tuy đã cháy rồi, nhưng nay lại không tắt được, phải chăng là do uy lực của Ngài chế phục?

Đức Phật hỏi:

- Ông muốn tắt lửa chẳng?

Ca-diếp thưa:

- Muốn làm cho lửa tắt.

Đức Phật bảo:

- Các ông về đi, lửa sẽ tự tắt.

Ca-diếp trở về thì lửa đã tắt, nên cất lời khen ngợi:

- Vị Đại Sa-môn ấy có thần lực như vậy đúng cũng là một vị La-hán.

Đến ngày thứ sáu, Ô-lô-vĩ-loa Ca-diếp lại muốn dùng lửa tể trời, nhưng đốt không cháy, ông bèn nhập định nhằm khiến cho lửa cháy, nhưng lửa vẫn không

cháy liền đến chỗ Đức Phật, thì sự việc lại cũng diễn ra như trước, đến khi muôn tắt thì cũng không sao tắt được và cũng lại đến chỗ Phật, rồi sự việc cũng diễn ra như vậy.

Sau khi lửa tắt, tro dòn chung một chỗ, bỗng sau đó tro lại bùng cháy, họ cùng nhau diệt lửa mà vẫn không sao dập tắt được. Lại đến bạch Đức Phật và sự việc cũng diễn ra như những lần trước. Ca-diếp kinh ngạc nghĩ: “Vị Sa-môn ấy có thần lực thật là kỳ diệu, ta muốn đốt lửa, lửa không cháy được, đến thừa thì lửa cháy. Ta muốn dập tắt lửa, lửa không chịu tắt, đến thừa thì lửa tắt. Rồi lửa lại bùng cháy, không sao tắt được, đến thừa thì lửa tự nhiên tắt. Uy lực của người thật lớn lao, thật là hy hữu! Vị ấy đúng là một vị La-hán.”

Hôm sau, Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp muốn tổ chức bảy ngày hội theo pháp ngoại đạo. Vua nước Ma-già-đà cùng mọi người trong nước đều hay biết. Ca-diếp suy nghĩ: “Nay vị Đại Sa-môn đang ở gần đây, trước đây việc thờ lửa đã bị uy lực của người chế phục, nếu trong bảy ngày này, vị Sa-môn ấy không đến thì đại hội ta ắt thành. Nếu vị ấy đến ta e sẽ bị chế phục, vả lại vị Sa-môn ấy tướng tốt, oai nghi vượt chúng, nếu mọi người trong nước được trông thấy thế, chắc họ sẽ bỏ ta mà theo người?” Vì việc đó nên Ca-diếp cứ mãi suy nghĩ. Đức Phật đã ngầm biết được nên trong bảy ngày ấy Ngài bèn đi du hóa nơi khác. Trong khoảng thời gian đó, Ca-diếp cùng các đệ tử không thấy Đức Phật đâu cả. Trong suốt bảy ngày hội, mọi người trong nước đem nhiều hương, hoa cùng của cải quý giá đến cúng dường. Khi lễ hội xong, Ca-diếp lại nghĩ: “Vị Đại Sa-môn kia trong bảy ngày qua không thấy đâu, ta nay thiết lễ được nhiều của cải. Nếu vị Sa-môn đến đây, ta sẽ cúng dường.” Đức Phật biết được ý nghĩ của Ca-diếp nên trở lại. Ca-diếp thấy Đức Phật đến thì vô cùng vui mừng, nghĩ: “Vị Sa-môn này ta vừa nghĩ thì đã đến ngay”, liền bạch Phật:

- Thừa Sa-môn, Ngài đã trở về!

Đức Phật đáp:

- Phải, Ta đã trở về.

Ca-diếp lại hỏi:

- Trong bảy ngày qua sao Ngài không tới?

Đức Phật nói:

- Ông đã suy nghĩ rằng trong bảy ngày mở pháp hội ấy, nếu vị Sa-môn kia đến thì sợ pháp không thành. Ta biết ý ông nên không tới. Nay ông lại nghĩ rằng pháp hội đã xong, nếu Sa-môn đến thì ta sẽ cúng dường, Ta biết như thế nên đến đây.

Ca-diếp thầm nghĩ: “Vị Đại Sa-môn này phải là Bạc Đại Thánh nên biết được ý nghĩ của ta, chắc chắn Ngài là Bạc A-la-hán.” Đức Phật và Ca-diếp chuyện trò xong, ai về chỗ nấy.

Sau đó, Ca-diếp với lòng thành kính, thanh tịnh sửa soạn một bữa ăn vô cùng thơm ngon, đợi đến ngày mai, đích thân đến bạch Phật:

- Bạch Sa-môn, tôi đã hết lòng sửa soạn bữa trai xong, xin Ngài đến chỗ tôi thọ nhận cúng dường.

Đức Phật nhận lời và nói:

- Ông về trước, Ta sẽ đến.

Ca-diếp đi rồi Đức Thế Tôn nhập Tam-ma-địa và chỉ trong chốc lát như khoảng thời gian người tráng sĩ co duỗi cánh tay, đã đến Nam thiệm-bộ châu hái đầy bát trái của cây Thiệm bộ rồi trở về trước cả Ca-diếp, ngồi kiết già trong tịnh thất của ông ta. Ca-diếp về đến, thấy Đức Phật đã tới trước mình nên kinh ngạc nói:

- Ngài đã đến rồi sao?

Đức Phật đáp:

- Ta đến từ lâu rồi.

Ca-diếp hỏi:

- Ngài theo đường nào đến đây?

Đức Phật đáp:

- Ta từ chỗ ở đi đến cõi Thiệm-bộ châu hái quả Thiệm-bộ rồi trở về đây.

Ca-diếp tán thán:

- Vị Đại Sa-môn quả thật có thần lực phi thường. Trong khoảng thời gian ngắn có thể đến đó hái quả đem về. Ngài đúng là vị A-la-hán vậy.

Đức Phật lấy quả Thiệm-bộ đưa cho Ca-diếp xem và hỏi Ca-diếp:

- Ông đã thấy quả này chưa?

Ca-diếp đáp:

- Tôi chưa hề thấy.

Đức Phật hỏi:

- Ông thích ăn không?

Ca-diếp đáp:

- Thích ăn.

Đức Phật bảo:

Vậy ông cứ tự nhiên.

Ca-diếp ăn trái ấy khen là chưa từng có. Ăn xong, Ca-diếp tự thân dâng lên Phật những thức uống đã chuẩn bị sẵn. Đức Phật thọ thực xong, súc miệng rửa mặt và nói kệ chúc nguyện cho Ca-diếp, rồi Ngài trở về bên cội cây.

Ngày thứ hai, Ca-diếp đến thỉnh Phật thọ cúng dường. Như lần trước, Đức Phật nhập Tam-ma-địa đến xứ Phát-bà-đề hái quả Am-ma-la và về nơi ngụ của Ca-diếp trước.

Ngày thứ ba, sau khi nhận lời mời cúng dường của Ca-diếp, Phật cũng nhập định, đến Tây cù-đà châu hái quả Vĩ-loa-ca-bế-tha và quay về chỗ của Ca-diếp trước khi ông ta về tới.

Ngày thứ tư, Ca-diếp lại thỉnh Đức Phật đến cúng dường, lần này Đức Phật nhập định đến Bắc câu-lô châu lấy loại gạo tự nhiên đầy bát đem về, ngồi yên ổn nơi nhà của Ca-diếp, hồi lâu Ca-diếp mới về tới.

Ca-diếp hỏi:

- Ngài đến từ con đường nào?

Đức Phật đáp:

- Ta vừa đi tới Bắc câu-lô châu lấy cơm của thứ gạo tự nhiên đầy bát đem về đây.

Ca-diếp lại khen Phật là vị Đại Sa-môn có thần thông kỳ diệu. Đức Phật hỏi Ca-diếp có thích thứ cơm của loại gạo tự nhiên lấy từ Bắc câu-lô châu về không, Ca-diếp trả lời là thích ăn. Đức Phật bảo:

- Ông cứ tự nhiên.

Ca-diếp ăn xong khen ngon chưa từng thấy, rồi dâng thức ăn đã nấu xong lên Đức Phật. Đức Phật thọ thực xong, súc miệng, rửa tay, nói kệ chúc nguyện Ca-diếp rồi về nơi cội cây.

Hôm sau, Đức Phật ôm bình bát lên cõi trời Tứ Thiên vương, đến thẳng cung Dao-lợi nhận món Thiên tô (*loại sữa đặc biệt*) trở về cội cây thọ trai. Thọ thực xong, Đức Phật nghĩ tới nước để rửa. Vua trời Đế Thích biết ý nên đến bạch Phật:

- Ngài cần nước chăng?

Đức Phật đáp:

- Ta cần nước.

Đế Thích trông thấy bên cạnh có cái ao khô, liền chỉ ngón tay xuống ao, lập tức nước vọt lên đầy ao trong trẻo, thơm sạch để Phật có nước sử dụng. Công việc hoàn tất, Đế Thích liền trở về thiên cung.

Ca-diếp đến nơi bỗng thấy chiếc ao cạn khô nước từ lâu, hôm nay lại tràn ngập nước không biết từ đâu đến nên vô cùng ngạc nhiên vội vàng đến chỗ Đức Phật thưa:

- Thưa Bậc Đại Sa-môn, ao này đã khô nước từ lâu, sao nay nước từ đâu đến mà đầy tràn như vậy?

Đức Phật đáp:

- Hôm nay Ta ăn xong, không có nước rửa, Đế Thích biết việc ấy nên vì Ta mà đến làm cho ao có nước.

Ca-diếp khen:

- Thật là chưa từng có! Lên trời lấy thức ăn, nước có Đấng Thích làm ra, Ngài có năng lực chiêu cảm đến trời như thế, thật đúng là vị A-la-hán.

Ca-diếp liền đặt tên cho ao là Bá-nĩ-khuru-đa.

Sau đó, Đức Phật xuống ao tắm. Trên bờ ao có cội cổ thụ tên là A-tô-la-năng, Phật mặc áo ca-sa trên cây. Ca-diếp đến thấy áo mặc ở đó biết là Phật xuống ao tắm liền tới xem Đức Phật tắm. Tắm xong lên bờ, Đức Phật đưa tay lên thì cành cây tự sà thấp xuống. Ca-diếp thấy thế càng kinh ngạc khen thầm: “Vị Đại Sa-môn này thật khó nghĩ bàn, cảm hóa được cả cây cối vô tri, chắc Ngài đã chứng quả La-hán rồi.”

Sau khi tắm, Đức Phật muốn giặt y, nghĩ cần một tảng đá. Đấng Thích biết ý liền đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, Ngài cần tảng đá để giặt chăng?

Đức Phật đáp:

- Phải, Ta cần.

Đấng Thích liền lệnh cho các thần Dạ-xoa trên núi chọn sửa một tảng đá vuông vức đem đến bên ao để Phật giặt áo. Giặt xong, Đức Phật lại muốn có chỗ để phơi, Đấng Thích lại truyền Dạ-xoa mang đến một tảng đá đặt bên bờ ao để Đức Phật phơi áo.

Ca-diếp lại đến bên bờ ao thấy tự nhiên có tảng đá nền rất kinh ngạc, nghĩ: “Bờ ao trước đây không có đá, sao nay lại có?”, bèn bạch Đức Phật:

- Thưa Đại Sa-môn, các tảng đá trên bờ ao do đâu mà có?

Đức Phật trả lời:

- Vì Ta muốn có các tảng đá để giặt và phơi ca-sa, nên Đấng Thích đã cho đem đến đây.

Ca-diếp khen:

- Vị Đại Sa-môn này làm những điều ít có trên đời, chắc là đã chứng quả A-la-hán rồi, sở chứng của Ngài hơn hẳn ta.

Đức Phật biết tâm của Ca-diếp như có điều tinh ngộ, nên với ý định tìm mọi cách như hiện ra những điều lạ để thức tỉnh Ca-diếp đi vào chánh đạo, Đức Phật liền biến nước sông Ni-liên bỗng dâng tràn lên, hai bên bờ sông đều ngập nước, những nơi như triền dốc, ao hồ khô cạn, bấy giờ đầy ắp nước, nơi Phật ở là trung tâm làn nước mênh mông ấy. Đức Phật lại dùng thần lực làm nước chảy vòng quanh chỗ Ngài, bốn mặt như là bức tường nước, còn ở giữa thì khô ráo. Ca-diếp thấy nước dâng nhiều như thế, nghĩ: “Nơi ở của vị Đại Sa-môn kia chắc là bị ngập cả”, nên vội chèo thuyền đến nơi, nhưng thấy Đức Thế Tôn đi kinh hành dưới bóng cây, chỗ ấy hoàn toàn khô ráo, lại bị bức tường nước ngăn không sao đưa thuyền qua được, kinh ngạc vô cùng, từ xa lên tiếng hỏi:

- Thưa Sa-môn, Ngài vẫn an ổn chứ? Có lo sợ gì không?

Đức Phật đáp:

- Ta không có gì lo sợ cả, phiền ông thăm hỏi.

Ca-diếp thầm nghĩ: “Vị Sa-môn này có nhiều thần thông, sao lại không đi khỏi nơi ấy”, bèn hỏi Phật:

- Ngài muốn lên thuyền để rời khỏi nơi đó không?

Đức Phật đáp:

- Muôn rời khỏi.

Ca-diếp nói:

- Nếu muốn rời khỏi thì Ngài hãy tự lên thuyền đi.

Đức Phật dùng thần lực, tức khắc vào ngòi kiết già trong thuyền. Ca-diếp thấy Phật đã ngòi trong thuyền rồi mà không biết Ngài lên thuyền bằng cách nào, thầm nghĩ: “Vị Sa-môn này là Bạc Đại Trượng Phu, có đại uy uy lực nên mới có thần thông như vậy. Ta cũng chứng La-hán nhưng không bằng chỗ chứng ngộ như Ngài.” Đức Phật biết Ca-diếp đã hồi tâm, liền nói:

- Người nói đã chứng A-la-hán, nhưng thật ra người chưa chứng. Ca-diếp bỗng nghe Đức Thế Tôn nói như thế, kinh hãi, lông tóc dựng đứng, tự trách lỗi mình: “Vị Đại Sa-môn này biết tất cả mọi việc của ta. Nay ta nên tôn Ngài làm Thầy để tiến tu đạo hạnh.” Nghĩ thế rồi Ca-diếp liền bạch Phật:

- Thừa Đại Sa-môn, Ngài đã biết mọi ý nghĩ của con, nay con muốn xuất gia theo chánh pháp, làm đệ tử, học hỏi lời dạy của Ngài để tu trì phạm hạnh, xin Ngài thương mà chiếu cố chấp nhận cho.

Đức Phật biết Ca-diếp đã đến lúc có thể giác ngộ, lại muốn dùng phương tiện để hóa độ đệ tử của ông, nên nói với Ca-diếp:

- Ông muốn theo Ta xuất gia làm Sa-môn, nhưng có cho tất cả đệ tử ông biết không?

Ca-diếp thưa:

- Các đệ tử chưa biết.

Đức Phật nói:

- Ông là thầy của họ, không nên vội vàng mà phải về bàn với các đệ tử, nếu tất cả bằng lòng thì lại đến đây.

Trời còn sớm, Ca-diếp theo lời Phật dạy vội trở về cùng với Ma-noa-phước-ca và chúng đệ tử họp tại một chỗ rồi nói:

- Vị Đại Sa-môn kia tướng tốt lạ thường, thần thông không ai sánh kịp, mọi ý nghĩ, việc làm của Ngài chư Thiên đều biết, có vị đến nghe thuyết pháp, có vị biết Ngài cần gì thì liền đến giúp đỡ. Thấy những biến hóa của Ngài ta đây thật không bằng. Nay ta muốn xuất gia tôn Ngài làm Thầy để tiến tu đạo hạnh, ta đã quyết định rồi, các người thì thế nào cứ suy nghĩ rồi nói thật với ta.

Ma-noa-phước-ca thưa với thầy:

- Đầu tiên vị Đại Sa-môn hàng phục được rồng độc, thần thông lạ thường, biết được ý nghĩ của người khác, mọi người đều chứng kiến. Tất cả những gì chúng con học được đều do thầy truyền, thế mà thầy không bằng Bạc Sa-môn kia thì chúng con còn nói gì nữa. Nếu như thầy đã quyết chí xuất gia, chúng con nguyện đi theo. Nếu thầy đạt đạo xin cứu độ chúng con. Tất cả chúng con đã một lòng quyết tâm, nay nên đi ngay chớ để lỡ dịp.

Ca-diếp biết các đệ tử đều chí thành xuất gia, liền bảo họ đem hết những dụng cụ thờ lửa, các chiếc áo bằng da nai, bằng vỏ cây, tịnh bình, gậy, giày bằng da thú... bỏ hết xuống sông Ni-liên đề tỏ quyết tâm không trở về con đường cũ nữa.

Sau khi xong thầy trò cùng nhau đến chỗ Đức Phật đánh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi sang một bên.

Đức Thế Tôn hỏi Ca-diếp:

- Ông đã đến?

Ca-diếp đáp:

- Nay con cùng các đệ tử đều muốn xuất gia tu học theo pháp của Ngài.

Đức Phật đã biết nhưng lại hỏi:

- Các đệ tử của ông đều thành tâm cả chứ?

Ca-diếp thưa:

- Con và các đệ tử đều một lòng thành, cúi xin Ngài thương xót cứu độ.

Đức Phật yên lặng tỏ ý chấp nhận họ làm Sa-môn và nói:

- Từ nay các ông mới thật là xuất gia, mới thật có phạm hạnh, mới thật là Sa-môn vận áo ca-sa.

Bấy giờ Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp thân khoác áo ca-sa đúng hình tướng của một Sa-môn, nghe Phật dạy:

- Nay ông mới thật là kẻ xuất gia, mới thật là có phạm hạnh. Ca-diếp tự thân vui mừng, tâm tự ngã liền trừ diệt hoàn toàn, lại khởi lên suy nghĩ: “Xưa các Đại tiên thường nói, thế gian ít khi có Phật xuất hiện làm hưng thịnh cho đời. Đức Phật đã đạt Nhất thiết trí, đã đạt giác ngộ hoàn toàn. Ngài là Bạc Đại Thánh có năng lực đem lại lợi ích, an vui cho tất cả thế gian từ cõi trời đến cõi người.” Lúc trước, ban đêm ta ra xem thiên văn, thấy có ngọn lửa lớn, nghĩ là Ngài thờ lửa cùng đạo với ta, hóa ra là Phạm vương, Đế Thích cùng Tứ Thiên vương đến nghe thuyết pháp, chỉ điều đó thôi thì Ngài đã là Đại Thánh rồi, Ngài không phải là Thánh thì còn ai là Thánh?”

Từ đó Ca-diếp không gọi Phật là Sa-môn mà gọi Ngài là Thế Tôn.

---o0o---

Quyển 10

Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp có hai người em trai là Năng-đề Ca-diếp và Nga-da Ca-diếp, mỗi người có hai trăm năm mươi đệ tử và đều cư ngụ bên bờ vùng hạ lưu sông Ni-liên. Các học trò đều siêng năng tu tập theo pháp thức của thầy.

Một hôm, hai vị Ca-diếp ấy bỗng trông thấy những dụng cụ thờ lửa, những áo da nai, áo bằng vỏ cây, tịnh bình, gậy, giày bằng da thú của người anh trôi trên sông Ni-liên, họ rất ngạc nhiên, suy nghĩ: “Anh của ta đắc tội với vua chẳng, hay bị nạn cướp, nạn nước, lửa? Vì có bị các nạn ấy mới không thể tu hành, nếu không thì sao các dụng cụ thờ lửa lại bị bỏ trôi sông như thế?”

Lúc ấy hai người suy nghĩ, bàn luận mãi về việc dị thường ấy và quyết định cùng nhau đi tìm anh. Họ đến chỗ ở của người anh, không thấy Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp và các đệ tử ở đó, chỉ thấy phòng ốc vắng vẻ, trống trơn. Hai người càng thêm hoang mang buồn bã bèn đi hỏi thăm, những người láng giềng cho biết là Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp đã bỏ đạo tiên, dẫn các đệ tử đến quy y vị Sa-môn, còn ra sao nữa thì họ không rõ, nên thân hành đến đó tìm hiểu xem.

Hai anh em Ca-diếp được tin ấy bèn nói với nhau:

- Ta nghe nói có vị Sa-môn tới ở gần đây và có nhiều quyền phép kỳ diệu, các hành động, oai nghi của vị ấy đều khác người thường, có thể anh của ta và các đệ tử đã đến đó rồi. Nếu quả thật như thế thì đúng là việc vô cùng hy hữu. Nay chúng ta hãy tới đó để xem thật hư thế nào.

Hai người cùng nhau đến chỗ Đức Phật liền thấy người anh Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp cùng các đệ tử đều vận ca-sa với hình dáng Sa-môn đang ngồi trước Phật, chăm chú nghe pháp. Thấy thế hai người thất kinh, lông tóc dựng đứng, chân như thể không bước được.

Đức Phật thấy Năng-đề và Nga-da đến tìm anh, lại đứng ngây người ra không bước được, liền bảo Ô-lỗ-vĩ-loa tới đón hai em. Hai người thấy anh mình đến liền bước vội tới, quỳ lạy và hỏi:

- Anh đã lớn tuổi, đức hạnh cao, tu hành lâu năm, học rộng biết nhiều, đời không ai bằng. Vua nước Ma-già-đà và các quan đại thần cùng chúng dân đều cho anh là đã chứng quả La-hán, thường đem thức ăn, hương hoa, y phục và nhiều báu vật đến cúng dường. Anh dạy điều gì họ cũng nghe theo, sao hôm nay bỗng bỏ đạo mình mà theo đạo người khác. Xưa nay chúng em tu tập theo lời truyền dạy của anh, cho đến các đệ tử cũng không bỏ theo đường lối nào khác. Nay anh lại từ bỏ con đường tu tập của mình, thì chúng em làm sao giữ đạo được? Chúng em rất hoang mang, nghi ngờ vậy xin anh chỉ dạy cho.

Nói xong hai người em đều đứng sang một bên. Ô-lỗ-vĩ-loa nói với hai người em Năng-đề và Nga-da:

- Trước khi có Phật, thế gian giống như đêm tối, con người không có đôi mắt tuệ nên không thấy đường để rơi vào hang hố. Trước đây anh tu khổ hạnh, thờ lửa để cầu chứng Thánh quả, lại đem đạo ấy dạy lại các em, cho rằng không đạo nào hơn được, rồi tự cho là đã chứng quả A-la-hán, may có vị Đại Sa-môn, tức Đức Phật Thế Tôn, thân cao một trượng sáu, sắc vàng rực rỡ, tướng tốt đầy đủ, uy đức vô cùng. Vì Ngài thương anh nên đến ở gần, mọi động tĩnh của Ngài chư Thiên đều biết, có cả Tứ Thiên vương, Phạm thiên, Đế Thích đến nghe pháp. Ngài lại có thần túc thông chỉ trong khoảnh khắc đã đi khắp bốn châu thiên hạ, lại lên cung trời nhận thức ăn về..., tất cả đều nhằm để khai thị cho anh, lại biết anh chưa chứng quả A-la-hán. Qua những điều đó ta thấy đức ta không bằng, nên tỉnh ngộ trước để khỏi hối hận về sau. Thế là anh cùng các đệ tử xin xuất gia, Ngài thương chúng ta nên chấp nhận cho mặc pháp phục làm Tăng-già. Ta không báo trước cho các em thật ta có lỗi.

Bấy giờ Năng-đề và Nga-da căn duyên đã thuận thực, nghe xong liền khởi sinh lòng tin với Đức Phật, trong lòng buồn vui lẫn lộn, liền nói với anh:

- Chúng em tu hành là do anh dạy, nay anh xuất gia, chúng em cũng xin đi theo. Nếu không có Phật ra đời làm sao nghe được chánh pháp, chúng em dù tuổi đã già cũng mong được giải thoát.

Ô-lỗ-vĩ-loa nói:

- Quý hóa thay! Nay đã đúng lúc.

Năng-đề và Nga-da đến lễ Phật, rồi đứng sang một bên thưa:

- Bạch Thế Tôn, anh của chúng con là Ô-lỗ-vĩ-loa trước là thầy chúng con, nay đã xuất gia làm Sa-môn, nên chúng con cũng muốn xuất gia, xin Phật thương mà cứu độ.

Đức Phật bằng lòng, nhưng muốn hóa độ luôn số đệ tử của hai người, nên bảo:

- Các đệ tử của ông đã biết chưa?

Hai người thưa:

- Chưa biết.

Phật bảo:

- Các ông hãy nói rõ với họ rồi đến đây, Ta sẽ nhận cho xuất gia.

Hai người vâng lời Phật, mỗi người trở về tập hợp các đệ tử của mình lại bảo:

- Các người có biết không, có một vị Đại Sa-môn gọi là Phật đã đến ở chỗ của anh ta, hiện nhiều thần thông và tướng lạ để khai thị cho anh ta, lại dùng uy lực chế phục anh ta, làm anh ta tỉnh ngộ biết đạo pháp mình không bằng, nên đã đem tất cả đệ tử đến xin xuất gia Phật. Vì thấy những dụng cụ thờ lửa trôi trên sông, nên chúng ta đã đến tìm hiểu và tới chỗ Phật. Đến nơi ta đã thấy anh ta và các đệ tử vận ca-sa thành Sa-môn đang ngồi chăm chú nghe thuyết pháp. Khi thấy việc ấy, lúc đầu ta vô cùng kinh hãi, sững sờ. Anh ta ra đón và cho biết đầy đủ mọi việc nên ta đã xin xuất gia, nhưng nghĩ đến các người nên phải về nói lại cho hay. Các người nghĩ thế nào cứ thật lòng cho ta biết.

Các đệ tử liền thưa:

- Chúng con theo học với thầy, thầy dạy gì đều nghe theo, nay thầy xuất gia theo Phật, chúng con sao dám bảo thủ đạo của mình. Chúng con cũng nguyện xin theo.

Lúc ấy Nãg-đề Ca-diếp và Nga-da Ca-diếp liền đem tất cả đệ tử đến đánh lễ Phật, rồi đứng lên chờ nghe Phật dạy. Đức Phật hỏi hai người:

- Các ông đã đến rồi sao?

Hai người đáp:

- Chúng con và các đệ tử đồng đến lễ Phật cầu xin được xuất gia, theo chánh pháp, vâng giữ giới luật, tu trì phạm hạnh. Xin Đức Phật từ bi chấp thuận.

Đức Phật thân nhận họ làm Sa-môn. Ngài dạy:

- Hôm nay các ông mới thật là xuất gia, mới thật có phạm hạnh.

Các vị ấy nghe thế vui mừng khôn xiết, mỗi vị đều đánh lễ, nhiễu quanh Phật và đứng sang một bên chiêm ngưỡng Ngài.

Lúc bấy giờ, sau khi độ ba anh em Ca-diếp và một ngàn vị Tỳ-kheo xong, Đức Phật liền cùng họ rời khỏi nơi đó, lên đỉnh núi Nga-da kinh hành. Đến nơi, Đức Phật vì các vị Tỳ-kheo làm ba việc: Một là thị hiện thần thông, hai là thuyết pháp và ba là điều phục tâm họ. Lúc ấy Thế Tôn nhập chánh định, hiện thần thông, biến ra các tướng trạng, biến mất ở chỗ ngồi hiện ra nơi hư không phương Đông với bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, thân phóng năm sắc hào quang xanh, vàng, trắng, đỏ và hồng. Thân trên Phật hóa lửa, thân dưới hóa nước, hoặc ngược lại. Đức Phật lại hiện ra ở các phương Tây, Nam, Bắc cũng với các biến tướng ấy và chỉ trong khoảnh khắc, lại trở về chỗ ngồi. Đức Phật lại vì các vị Tỳ-kheo thuyết pháp, Ngài dạy:

- Trong lòng các ông đối với các pháp điều nào còn nghi, điều nào hết nghi, điều nào nhớ, điều nào không nhớ, phiền não đã diệt, hay chưa diệt, trong những pháp ấy hãy chọn mà quyết tâm tu tập.

Đức Phật lại nói tiếp:

- Các ông cần biết: Nhân thức do duyên tham luyện với các sắc, do tiếp xúc với sắc nên tâm phát sinh, do đó mà có khổ, vui, không khổ, không vui, cho đến thức của các căn tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng đều như vậy. Nay các Tỳ-kheo, lửa tham thế nào thì sân, si cũng thế, do đó mà có luân hồi cùng sinh lão bệnh tử, lo buồn khổ đau. Nay các Tỳ-kheo, ba thứ lửa ấy thịnh lên là do cái ta mà ra, muốn diệt ba thứ lửa kia thì phải trừ ngã chấp, ngã chấp không có thì ba thứ lửa kia tự nhiên không còn, từ đó sự luân hồi và tất cả khổ đau trong ba cõi tự nhiên chấm dứt.

Lúc ấy ba anh em Ca-diếp cùng một ngàn vị Tỳ-kheo được Phật thị hiện các thần thông và giảng nói chánh pháp, nên dứt trừ phiền não, đạt tâm giải thoát, mọi việc cần làm đã làm xong, trút được gánh nặng, dứt được luân hồi và đều chứng quả La-hán.

Đức Phật sau khi độ ba vị Ca-diếp cùng một ngàn vị đệ tử của họ chứng được quả vị A-la-hán, thì vua Dân-di-ta-la, các vị đại thần cùng dân chúng đều biết được Đức Phật và hơn ngàn vị đệ tử đang ở tại đỉnh núi Nga-da. Lúc ấy có một vị quan đại thần tâu với vua:

-Thần nghe gần đây dân chúng thường bàn rằng dòng họ Thích có sinh một người con trai. Khi mới sinh vị ấy đã có đầy đủ tướng tốt, thầy tướng đoán là sau này sẽ lên ngôi Chuyển luân thánh vương cai trị bốn châu thiên hạ, dùng chánh pháp để dạy dân hành thập thiện, lại có đầy đủ bảy thứ báu, có một ngàn người con tướng mạo đẹp tô"t tuyệt trần, có nhiều oai lực, đâu đâu cũng phải hàng phục, còn

nếu xuất gia thì sẽ thành Bạc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thần nghe như thế nên xin trình tâu hết lên bệ hạ. Xin bệ hạ sớm tìm kế trừ diệt đi để tránh tai họa về sau.

Bấy giờ vua Dân-di-ta-la, những lúc ngự ở chánh điện thường nghĩ mơ ước năm điều: Một là có Đức Phật xuất hiện ở thế gian. Hai là sớm được đến chỗ Đức Phật đánh lễ, chiêm ngưỡng và vui theo những công đức của Ngài. Ba là được nghe thuyết pháp. Bốn là nghe thuyết pháp thì liền được liễu ngộ. Năm là được Đức Phật truyền giới rồi hết lòng giữ giới. Đang mơ ước như thế, bỗng nghe quan đại thần tâu như vậy trong lòng đau xót, một lúc sau mới cất tiếng bảo:

- Ngươi là kẻ ngu si nên sinh tâm ác độc đối với Như Lai, thật là một kẻ đại ngu. Hãy đi đi, chớ nói nữa!

Vị quan kia biết vua không chịu nghe lời tâu nên sợ sệt, xấu hổ đi ra. Vua Dân-di-ta-la nhìn các quan chung quanh, thấy một vị đại thần có nhiều phước tướng và trí tuệ nên truyền lệnh cho vị ấy:

- Ngươi hãy đến đỉnh núi Nga-da, nơi Đức Thế Tôn đang ở, thay mặt ta cung kính bạch Thế Tôn rằng vua Dân-di-ta-la xin cung kính cúi đầu đánh lễ Đức Thế Tôn, gửi lời vấn an sức khỏe, cầu cho Thế Tôn tâm thể an lành, mọi việc điều an vui và kính thỉnh Thế Tôn giáng lâm kinh thành thọ sự cúng dường, để ta và nhân dân trong nước được nhiều lợi lạc, nguyện xin Thế Tôn và chư Thánh chúng từ bi chấp nhận cho. Ta sẽ trọn đời dâng cúng thực phẩm, thuốc men, y Tăng-già-lê và tất cả các vật dụng khác, nguyện xin Thế Tôn và Thánh chúng từ bi không ngại lao khó quang lâm. Bạch như thế xong, ngươi hãy cung kính đánh lễ nơi chân Phật và chờ nghe lời Ngài dạy.

Vị đại thần vâng lời vua tìm tới chỗ Đức Phật tâu bày mọi việc đúng như nhà vua truyền. Khi đánh lễ xong, thấy Đức Thế Tôn im lặng, vị sứ giả biết Phật đã hứa nên vui mừng đánh lễ, nhiễu quanh Đức Thế Tôn rồi từ tạ trở về triều.

Vua Dân-di-ta-la nghe sứ giả trở về, liền ngự lên điện. Vua tôi chào nhau xong, nhà vua hỏi sứ giả:

- Đức Thế Tôn có nhận lời mời không?

Sứ thần tâu:

- Thần thừa lệnh nhà vua lên Nga-da sơn thỉnh Đức Phật và chúng Tăng, trình những lời của vua lên Phật. Ngài lặng im chấp nhận, chắc chắn là Phật sẽ giáng lâm.

Vua liền truyền lệnh các quan cận thần lo dọn sửa cung điện cho sạch sẽ, trang nghiêm, cả đến thành hào, đường xá đều được dọn dẹp, lại bày các thứ hương thơm, hoa quý để chuẩn bị đón tiếp Đức Phật.

Bấy giờ Đức Phật cùng các đệ tử lớn tuổi như ba anh em Ca-diếp, cùng một ngàn vị La-hán từ núi Nga-da đến vương thành. Cách thành không xa có ngôi tháp ở khu Trượng lâm, Đức Phật và Thánh chúng dừng lại nghỉ nơi tháp đó. Vua Dân-di-ta-la nghe tin Đức Phật đã tới Trượng lâm tháp liền sai chuẩn bị xa giá có người hầu hạ, rồi vua cùng quyền thuộc cùng quần thần ra khỏi thành đến nơi Đức Phật dừng chân. Vừa ra khỏi cung không xa, xe vua bị rơi vào hố" không đi tới được. Vua nghĩ: "Chắc đời trước ta đã tạo nghiệp bất thiện nên nay mới gặp sự cố này." Vua vừa nghĩ như vậy thì nghe trong không trung có tiếng nói:

- Không phải đời trước vua làm điều bất thiện mà vì hiện tại còn có nhiều tù nhân bị giam cầm trong tù ngục. Đó là nguyên nhân khiến xe bị sụp hố.

Vua nghe tiếng nói từ không trung, biết là do các vị Thánh hiền dạy bảo nên rất vui mừng, liền sai quan đi đến tất cả nhà lao, tù nhân tội nặng nhẹ lần lượt được ân xá. Xe đi tới cửa thành, bỗng mũ vua đội bị hư rách, vua lại nghĩ: "Nhất định kiếp trước ta làm điều bất thiện nên nay có nhiều việc chẳng lành xảy ra." Hiền thánh từ không trung lại nói:

- Không phải đời trước vua làm điều chẳng lành mà là hiện tại trong khi tha tù nhân, chỉ tha tù tội nhẹ, còn tù tội nặng tuy còn sống nhưng lại đày nơi khác. Mũ bị hư rách là vì cố ấy.

Vua nghe thế liền sai quan đi khắp nơi, truyền ân xá cho tất cả. Tù nhân được thả vui mừng vô cùng và đều ca ngợi đạo đức của nhà vua. Lúc ấy vua cùng những người hầu cận và quyền thuộc đi trên một vạn hai ngàn cỗ xe, những người Bà-la-môn, trưởng giả và dân chúng trong nước thì đi trên trăm ngàn chiếc xe khác, tất cả đều rời khỏi thành, đến nơi Đức Phật đang ngự. Khi tới tháp Trượng lâm, nơi vườn hoa, vua hái năm đóa hoa Ca-câu-la rồi tự tay cầm hoa đi đến chỗ Phật. Lúc gần đến vua xuống xe đi bộ, cho dẹp hết những đồ nghi trượng như cờ lọng, kiếm kích... Đến trước Đức Phật, vua trích áo bày vai bên phải, chấp tay hướng Phật, ba lần tự xưng:

- Con là vua Dân-di-ta-laể Đức Phật cũng ba lần trả lời:

-Đúng vậy! Đúng vậy!

Vua dâng năm đóa hoa rồi cúi đầu lễ dưới chân Phật, dùng những lời tốt đẹp nhất tán thán Đức Phật. Đức Thế Tôn mời vua ngồi. Sau khi vua an tọa, vương quyền và những vị Bà-la-môn, các trưởng giả cùng chúng dân lần lượt lễ Phật, đều vui mừng vô cùng. Mỗi người nói kệ ca ngợi Thế Tôn xong liền đứng sang một bên.

Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp, trước đây đã từng được vua, các quan đại thần và dân chúng rất tôn kính, nay lại thành Sa-môn đứng hầu bên Phật, nhà vua và dân chúng không ai là không ngạc nhiên. Có người nghĩ: “Trưởng lão Ca-diếp thờ lửa, tu hành khổ hạnh lâu năm, trí tuệ đạo đức hơn người, nay lại ở đây khiến chúng ta thắc mắc là Ca-diếp hóa độ Như Lai hay Như Lai hóa độ Ca-diếp?”

Đức Phật ngầm biết những thắc mắc ấy, liền bảo Ca-diếp:

Đến lúc ông nên cho họ thấy sở đắc của mình.

Ca-diếp vâng lời Đức Phật, ngay tại chỗ ngồi nhập chánh định, rồi biến mất hiện sang phương Đông với bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, từ thân phóng ra hào quang rực sáng gồm năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, các màu xen nhau, hoặc trong như pha lê, lại biến thân trên hóa nước, thân dưới hóa lửa, hoặc ngược lại. Phương Nam, phương Tây cho đến phương Bắc đều biến hóa như thế. Hiện thân thông xong, trong chốc lát Ca-diếp trở về chỗ ngồi, chấp tay hướng Phật, nói kệ:

Con vốn tu hành

Theo đạo thờ lửa

Trải qua nhiều năm

Siêng năng lao khổ

Lòng thường tỵ nử

Đã chứng La-hán

Chấp ngã còn nhiều

Không thể giải thoát.

Phật vì từ bi

*Nên đến cứu độ
Làm lửa không cháy
Cháy rồi không tắt.
Lúc đầu cứ tưởng
Cùng đạo thờ lửa
Phật nói: Không cầu
Dùng lửa làm chi
Khắp cả trời người
Không gì luyến ái.
Con lập pháp hội
Vì muốn lợi dưỡng
Muốn đến không đến
Đều biết ý con.
Phật đến bốn châu
Cũng ở cõi trời
Hái trái lấy cơm
Đều cho con nếm.
Con có thờ lửa
Mê mờ chánh đạo
Như người đui mù
Hoặc như người chết*

*Không hay biết gì
Chắc bị đọa lạc.
Đức Đại Mâu-ni
Giống như rồng lớn
Rải mây tinh tấn
Rưới nước Cam lộ
Lợi ích tất cả
Hữu tình vô tình.
Con muốn giải thoát
Xin làm Sa-môn
Ân Phật từ bi
Nói pháp thanh tịnh
Dạy pháp tối thượng
Khiến con liễu ngộ.
Con nay mới thật
Chứng A-la-hán
Phật là thầy con
Con là đệ tử.
Các người nên biết
Chớ nên hoài nghi
Những lời thành thật*

Nên hết lòng tin.

Nói kệ xong Ca-diếp đánh lễ Đức Phật rồi trở về chỗ ngồi. Lúc ấy vua và mọi người mới biết Ca-diếp là đệ tử của Đức Phật. Bấy giờ Đức Phật biết mọi người trong chúng đã hết nghi ngờ, thắc mắc nên bảo vua:

- Ta nay sẽ vì vua mà nói những pháp quan trọng. Vua nên lắng nghe, suy nghĩ cho kỹ.

Đức Phật lại nói tiếp:

- Nay Đại vương, Đại vương nên biết rằng sắc thân của Đại vương có sinh thì có diệt, nên quán sát kỹ hai tướng sinh diệt cho thật rõ ràng và cần quán thọ, tưởng, hành, thức cùng giống như sắc uẩn. Nay các thiện nam tử, nếu các vị có thể liễu ngộ được các uẩn là sinh diệt thì lại cần nội quán kỹ tính không sinh diệt. Nếu các vị có thể tuệ quán rõ tính không sinh diệt của sắc thì sẽ biết thọ, tưởng, hành, thức cũng không sinh diệt. Nay các thiện nam tử, sắc, thọ, tưởng, hành, thức vốn không sinh diệt, không đến, không đi. Nếu liễu ngộ được thật tướng không sinh không diệt, không đến, không đi của các pháp thì cũng không được chấp thủ vào tính không sinh, không diệt, không đến, không đi ấy. Thưa Đại vương, nếu đã biết rõ tướng như thật của các pháp rồi thì sẽ đạt được vô số a-tăng-kỳ các pháp tịch diệt.

Lúc ấy tất cả chúng hội, từ các vị Bà-la-môn, các trưởng giả cho đến dân chúng đều sinh tâm niệm nghi ngờ, thắc mắc: “Nay Thế Tôn nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức vốn là không thì sao lại có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, tướng Bồ-nại-nga- la, tướng Ma-noa-phược-ca, tướng của người chủ, tướng của người thừa hành. Nếu các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả... đều không thì sao biết được nhân quả của chúng sinh khi làm điều thiện hay bất thiện, bỏ thân này rồi lại đến với thân khác?”

Đức Thế Tôn biết những suy nghĩ thắc mắc trong chúng, liền nói với Ca-diếp và chúng Tỳ-kheo:

- Nay các Tỳ-kheo, thấy có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả... thì đó chính là cái thấy sai lạc của hàng phàm phu, vô trí. Nếu có tri kiến như thế thì sẽ nhận lấy sự khổ. Nếu biết khổ đã sinh thì phải cầu diệt khổ. Nay các Tỳ-kheo, vô số các pháp nhân quả hữu vi đều chính từ những hạt giống âm thầm phát sinh, Ta đều đã nhận biết rõ, nay muốn cho chúng sinh cũng như Ta thấu đạt được sự sinh diệt của các pháp. Nay các Tỳ-kheo, tuệ nhãn của Phật sáng suốt hơn cả chư Thiên nhiều. Những chúng sinh có tướng tốt, xấu, sinh nơi sang, hèn, muốn làm điều lành hay điều ác theo nghiệp của họ, tất cả Ta đều thấu rõ. Các nghiệp

của chúng sinh có thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp, khái quát thì chúng sinh có tà kiến sẽ sinh tà nghiệp, hoặc hủy báng Phật pháp. Vì những nghiệp ấy mà sau khi chết bị đọa vào những đường dữ, chịu bao nỗi khổ. Nay các Tỳ-kheo, nếu chúng sinh nào ở thân khẩu tạo nên nghiệp lành, có đủ chánh kiến, chánh hạnh, chánh nghiệp và thường ngợi ca Phật pháp, do có thiện hạnh như thế nên khi lâm chung sẽ sinh cõi trời Thiên Thệ. Nay các Tỳ-kheo, Ta có tri kiến như thật, không có gì mà không biết, biết rõ tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, tướng Ma-noa-phược-ca, cho đến tướng người chủ và người thừa hành..., hoặc gây ra nhân quả về nghiệp thiện nghiệp ác, rời bỏ thân này tìm đến thân khác, tất cả những việc đó chẳng gì là thật có. Ta đã từng nói tất cả pháp nhân quả hữu vi đều có nguyên nhân sinh ra thì cũng có nguyên nhân mà tiêu diệt. Nhân đó là duyên với vô minh sinh ra hành, duyên với hành sinh ra thức, duyên với thức sinh danh sắc, duyên với danh sắc sinh lục nhập, duyên với lục nhập sinh xúc, duyên với xúc sinh thọ, duyên với thọ sinh ái, duyên với ái sinh thủ, duyên với thủ sinh hữu, hữu là nhân của sinh, sinh là nhân của lão tử, lo buồn đau khổ. Vì do một nguyên nhân mà bao nỗi khổ sinh ra. Nay các Tỳ-kheo, nếu diệt được nguyên nhân ấy thì khổ sẽ không còn, tức là vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử, lo buồn đau khổ không còn nữa, như thế toàn bộ khổ uẩn đều diệt. Nay các Tỳ-kheo, do nhân của Tập diệt nên khổ đau sẽ tự diệt, dứt hết đau khổ chính là Niết-bàn an vui. Lại nữa, nếu tướng ngã dứt được thì không còn nguyên nhân sinh ra khổ tức không còn luân hồi. Nếu biết cái khổ là không có thì diệt cái gì? Đó là đạt được sự dừng dứt dòng nhân quả kia, đạt được sự thanh tịnh trong lành, xa rời tất cả mọi vướng mắc của khái niệm đạt, chính là Niết-bàn

---o0o---

Hết

¹ *Xa-nặc tức A-nga-đa.*